

BACH KHOA

SỐ 88 — NGÀY 1.9.1960

KHẢO-LUẬN

- HOÀNG-MINH-TUYNH Phi-Châu độc-lập.
NGUYỄN-PHÚC-SA Vấn-đề du học.
PHẠM-HOÀNG Cao đàm.
ĐỒNG-HÒ Cây mai già hiệu và cây mai chính cống.
ĐOÀN-THÊM Thơ có thể và thơ tự-do.
NGUYỄN-HỮU-PHIẾM Vấn-đề phạt trẻ em trong phương pháp giáo-dục hiện tại.
NGUYỄN-THIỆU-LÂU Thông thương và chiến tranh giữa Hòa-Lan và xứ ta thế kỷ XVII và XVIII
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN Thành-tích 50 năm khoa học.
NGUYỄN-ANH-LINH Điều sách : Xây dựng Nhân-sinh quan (Nghiem-Xuan-Hong).

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

- KIM-GIÁP Một bài thơ bỏ sót.
HOÀNG-THÁI-LINH Tình người (truyện dịch)
TƯỜNG-LINH Khuya.
PHAN-VĂN-TẠO Kể dịch.
ĐOÀN-THÊM Ngắm tranh.
VŨ-QUỲNH-BANG Bơ vơ.
PHAN-DU Hoàng « Tiên Sinh »
HƯƠNG-QUY Chim Mù.
NGUYỄN-PHÚ Viên tượng văn-nghệ miền Nam.
(câu nói chuyện của L.S. Trần-Thanh-Hiệp tại Câu Lạc Bộ Văn-Hóa)

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° C. 4 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

TÂN-ĐỊNH : 415-417 đường Hai Bà Trưng.
Tél. : 25.172

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cofres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



Xà-bông nước hoá-học



Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 560.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN:

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MAY VIỄN ẮN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

PHI-TRƯỜNG TÂN SƠN NHÚT

Phi trường Tân Sơn Nhứt vào thời đại phản lực là một nguồn lợi tối quan-trọng cho nước nhà.

Dưới quyền điều khiển của kỹ sư và kỹ-thuật gia Việt-Nam, Phi trường Tân Sơn Nhứt nỗ lực kiến thiết để góp phần độc lập kinh tế.

Dài đến 3.000 thước, sân bay sẽ tiếp rước và tiễn đưa những phản-lực-cơ hạng nặng nối liền Saigon với các đô thị lớn trên hoàn-cầu.

Phương tiện giao thông và chuyên chở này cũng như các kỹ nghệ khác đều cần đến dầu để chạy máy và giữ gìn dụng cụ.



HÃNG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBIL DIESEL, v.v...

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB



VIRGINIE

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Petersen International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DÉ :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BÁCH-KHOA

Số 88 — Ngày 1-9-1960

	Trang
HOÀNG-MINH-TUYNH	<i>Phi-Châu độc lập</i> 3
NGUYỄN-PHÚC-SA	<i>Vấn-đề du học</i> 11
PHAM-HOÀNG	<i>Can đảm</i> 16
ĐÔNG-HỒ	<i>Cây mai giả hiệu và cây mai chính cống</i> 17
ĐOÀN-THÊM	<i>Thơ có thể và thơ tự-do</i> 23
NGUYỄN-HỮU-PHIÊM	<i>Vấn-đề phát triển em trong phương pháp giáo dục hiện tại</i> 34
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	<i>Thông thương và chiến tranh giữa Hòa-Lan và xứ ta thế kỷ XVII và XVIII</i> 41
KIM-GIÁP	<i>Một bài thơ bỏ sót</i> 45
NGUYỄN-TRẦN-HUÂN	<i>Thành-tích 50 năm khoa học</i> 47
NGUYỄN-ANH-LINH	<i>Điểm sách : Xây-dựng Nhân-sinh quan (Nghiêm-Xuân-Hồng)</i> 51
HOÀNG-THÁI-LINH	<i>Tình người (truyện dịch)</i> 65
TƯỜNG-? -LINH	<i>Khuya (thơ)</i> 73
PHAN-VĂN-TẠO	<i>Kẻ dịch</i> 74
ĐOÀN-THÊM	<i>Ngắm Tranh (thơ)</i> 79
VŨ-QUỲNH-BANG	<i>Bơ vơ (thơ)</i> 80
PHAN-D'J	<i>Hoàng « Tiên-sinh »</i> 81
HƯƠNG-QUY	<i>Chim mùa (thơ)</i> 94
NGUYỄN-PHÚ	<i>Viễn tượng văn-nghệ miền Nam.</i> 95 <i>(cuộc nói chuyện của L.S. Trần-Thanh-Hiệp tại Câu Lạc Bộ Văn-Hóa)</i>

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

- HOÀNG-MINH-TUYNH : *Tình hình nước Nhật.*
- NGUYỄN-THIỆU-LÂU : *Chiến tranh giữa người Hòa-Lan và xứ ta.*
- BÙI-HỮU-SÙNG : *Phê-bình Văn-học.*
- ĐOÀN-THÊM : *Bạn xấu, bạn tốt.*
- VƯƠNG-HỒNG-SÈN : *Từ chén trà đời Đại-Tống đến tích « Trám Trịnh-Ân »*
- NGUYỄN-PHÚC-SA : *Kinh-lễ với vấn-đề chuyên chở.*
- THÁI-VĂN-KIÊM : *Tìm hiểu vôi Địa-danh Nam-Việt*
- BÙI-LƯƠNG : *Giải-thích : Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ.*
- THUẦN-PHONG : *Chuyện biển trong ca-dao.*
- H. Đ. : *Nghề xuất-bản với loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.*
- NGUYỄN-VĂN-HẦU : *Nguyễn-Hữu-Cảnh.*
- TRƯƠNG-ĐÌNH-CỬ : *Đôi nhận-xét về âm-diệu Vọng-cồ.*
- NGUYỄN-TRẦN-HUÂN : *Những vấn-đề tiến-hóa.*
- TRẦN-VĂN-KHÊ : *Lối đàn và ca Huế. Lối đàn tài tử.*
- BỬU-KẾ : *Bên ngoài và bên trong (truyện ngắn)*
- VŨ-HẠNH : *Vàng Hời (truyện ngắn).*
- XUÂN-TÙNG : *Trận banh đầu (truyện ngắn)*
- NGUYỄN-HIẾN-LÊ : *Mưa (truyện dịch)*
- NGUYỄN-VĂN-XUÂN : *Xóm Mối (truyện ngắn)*
- CÔ LIÊU : *Hy-vọng (truyện dịch)*

PHI-CHÂU ĐỘC-LẬP

Những khó-khăn trên địa-hạt kinh-tế

HOÀNG-MINH-TUYNH

(Tiếp theo B.K. số 87)

C UỘC tranh đấu giành độc lập đã khiến các nhà lãnh đạo Phi-Châu đem hết tâm lực giải quyết các vấn đề chính trị và ít chú trọng đến các vấn đề kinh-tế. Nhưng làm sao có thể giải quyết các vấn đề chính trị khi thiếu một nền kinh-tế lành mạnh. Do đây, ta thấy rõ hiện nay, công việc chủ yếu của họ là tìm cách đưa quốc-gia, vốn là những xứ có nền kinh-tế độ khẩu, độ nhật tới một chế độ kinh-tế quân bình, tích cực. Lợi khí của họ là tài nguyên tiềm-tàng rất mực phong phú. Trờ lực của họ là ít nhân-công chuyên nghiệp và không có tư bản để khai thác. Phương pháp giải quyết của họ là căn cứ vào thực tế mà dung-hòa tự do với kiểm- soát.

Công việc chủ-yếu :

Canh-cải tổ-chức kinh-tế.

Các xứ Phi-Châu từ trước tới nay chỉ chuyên-chú tạo-lập một nền kinh-tế độ khẩu, độ nhật. Một vài xưởng kỹ nghệ lớn lao mọc lên một cách chơ vơ, như lạc lõng giữa một nơi xa lạ. Chín phần mười dân số chỉ nghĩ đến việc mưu y, mưu thực, vừa đủ dùng cho một mình mình, bởi có sản-xuất dư thừa cũng không bán được cho ai. Lợi tức tiền tệ của người dân dùng để mua sản-phẩm từ ngoài đưa tới hầu như không có trong toàn-bộ khu vực kinh-tế nông nghiệp. Theo một cuộc điều tra của Liên-Hiệp-Quốc, lợi tức tiền-tệ của mỗi người dân Phi-Châu mỗi năm chỉ bằng 300\$V.N

tại các xứ Phi-Châu Xích-đạo thuộc Pháp, 400\$ tại Kenya và Tanganyika, 600\$ tại các xứ Tây-Phi thuộc Pháp và 750\$ tại Congo Bỉ và Rhodésie. Còn lợi tức tổng quát, tính cả khoản người dân đã tự tiêu thụ lấy, cũng rất thấp kém. Lợi tức tổng quát, tính theo đầu người, không trên số 4000\$ VN tại Congo Bỉ, 3700\$ tại Kenya, 22500 phật lãng CFA tại Phi-Châu Xích đạo thuộc Pháp, và 20.000 phật lãng CFA tại Cameroun (Đồng phật lãng CFA tuy theo hội xuất chính thức là hai phật-lãng cũ, song thật ra mãi lực của nó cao hơn một phật-lãng cũ (1\$VN = 12f cũ). Nếu không có cơ hội để so sánh hơn thiệt, thì có lẽ dân chúng Phi-Châu cũng tự thỏa-mãn với số phận của họ. Song gần đây, nhờ phương-tiện giao-thông phát-triển cực kỳ mau lẹ, tình trạng cô-lập của người dân Phi-Châu như đã biến mất và các trào-lưu tư-tưởng cũng đồng thời du nhập tới tận hang cùng ngõ hẻm. Được tiếp-xúc với thể-thức sinh-hoạt mới, dân chúng bắt đầu biết đòi hỏi sự sung mãn. Do đây, nhà cầm quyền phải tìm cách biến-cải cuộc sinh-hoạt nông-thôn cho dân quê, gồm 90% toàn dân-số, được hưởng một mức sống xứng-đáng, thích-hợp hơn.

Các nhà cầm quyền Phi-Châu cũng phải lo đến việc hướng các công-cuộc phát-triển quốc-gia vào một đường lối mới, vì từ xưa mọi công-cuộc sản-xuất đều phụ thuộc chặt chẽ vào nền kinh-tế của các chính quốc nay đã trở nên ít nhiều kinh địch với họ, dù muốn dù không. Các hệ-thống

đường vận-tải, vì vậy, đều phải hướng về miền duyên hải để tiện việc xuất cảng vật-phẩm ra ngoài; và trong công cuộc sản xuất cũng phải lưu tâm đến nguyên liệu và thực-phẩm chưa biến-chế, nhiều hơn. Dù không muốn đoạn tuyệt với các chính quốc trước và dù có cố tránh chính sách «bề quan tòa cảng» chẳng nữa, các nhà lãnh-đạo Phi-Châu mới vẫn phải tìm cách làm sao thiết-lập cho được một nền kinh-tế quân bình hơn mới được.

Lợi-khí của Phi-Châu mới :

Tài nguyên tiềm tàng rất quan trọng.

Phần lớn tài nguyên của các xứ Phi-Châu hiện nay vẫn còn là những tài-nguyên ẩn-tàng, chưa khai thác được bao nhiêu. Tuy nhiên, ai cũng biết Phi-Châu hiện chứa đựng, trong những lãnh địa mệnh mông, một số tinh lực không biết thể nào mà ước lượng được. Đó là cả một kho cung cấp nguyên liệu vô biên cho điện-hóa-học và điện-luyện-học. Khả năng phát-triển nông nghiệp cũng rất mực lớn lao.

Phi-Châu là lục địa chứa đựng nhiều tinh-lực thủy-điện nhất hoàn-cầu, chiếm tới 40% tổng-số trong thế-giới, và mới khai thác được có chưa đầy 10%, số sản xuất hàng năm được gần 10 ngàn triệu kilowatts giờ. Tinh lực ấy không những phong phú phi thường mà lại khai thác dễ dàng khiến cho giá-thành trở nên cực rẻ.

CÔNG NGHIỆP

Các ngành công nghiệp biên-chè chưa phát triển được to tát, chỉ mới có vài xí-nghiệp chế-tạo thực phẩm, xi-măng, kim khí. Kỹ nghệ khai mỏ nắm phần chủ yếu.

Lãnh-địa bao-la Phi-Châu mới khám phá được ít, nên mặc dù số khai thác được kể đã lớn lao, mà vẫn chưa thể nào thẩm-giá cho đích xác số dự trữ hiện hữu là bao nhiêu.

Tuy nhiên, số đã sản xuất được cũng khá hùng hồn :

	PHI-CHÂU	THẾ-GIỚI	PHẦN TRĂM
Kim-Cương (triệu carats)	25,5	26	98%
Co-ban (tấn)	9.435	16.200	58%
Cơrôm (ngàn tấn)	610	1.710	35%
Man-gan (ngàn tấn)	810	2.900	27%
Đồng (ngàn tấn)	741	3.060	24%
Ma-thạch (Amiaute) (ngàn tấn)	291	1.380	21%
Thiếc (ngàn tấn)	72	176	15%

Sự sản xuất các kim loại này đều tập trung vào miền Trung, miền Đông và miền Nam.

Tại Guinée, Ghana, Mali, Sierra Leone, Liberia và Gabon, thầy có nhiều lớp mỏ sắt và bâu-xít rất quan trọng mà chưa được khai thác.

Cảnh trí thiên nhiên Phi-châu rất thuận lợi cho sự xây cất đê, đập, máy móc. Không có nơi nào trong thế giới có thể giữ được nhiều nước với một số đê, đập, máy móc ít như ở Phi-châu. Tại Kariba, thuộc Rhodésie, trên sông Lambèze, một đập cao 125 m. mà tạo thành được một cái hồ nhân

tạo dài 280 km, diện - tích trên 5.000 km², lớn bằng chín hồ Genève. Đập Inga, trên sông Congo, một khi hoàn thành, có thể sản xuất hàng năm 175 ngàn triệu kilowatts - giờ, gấp ba bốn lần toàn số sản xuất của nước Pháp — Than đá, tương đối kém hơn, song công cuộc tìm kiếm mỏ dầu đang tiến hành ráo riết và đã đem lại kết quả rất khả quan. Chât U-ran (uranium) cũng thầy có rất nhiều tại Gabon (France-ville) và tại Congo Bl.

Nhiên-liệu hầm mỏ cũng quan trọng không kém. Phi-châu đã đoạt nhiều giải quán quân về số lượng sản xuất

trong thế giới, vàng tới 50%, kim-cương 98%, co - ban 60%, va - nat 35%, cơ-rôm 35% và man-gan 30%. Các mỏ đồng tại Katanga và Bắc Rhodésie thuộc hạng tốt nhất hoàn cầu. Còn như chì, thiếc, ni-ken và nhiều kim-khí hiếm-hoi khác cũng đã khiến Phi-châu trở thành vựa chứa kim-khí khổng lồ.

Ngoài ra, nhờ có hai yếu tố : khoáng chất nhiều, giá cả rẻ kết - hợp với nhau, Phi-châu còn có thể có nhiều viễn-đồ vĩ-đại nữa. Sự phát triển kỹ nghệ hầm mỏ tân-tới mãnh-liệt, nhờ thủy điện, nguyên tại Cameroun đã sản-xuất được 45.000 t. oc-xyt a-lu-min và a-lu-min. Guinée hàng năm sản-xuất được 480.000 t. a-lu-min và nếu dự án Konkouré hoàn thành, số sản xuất oc-xyt a-lu-min có thể tăng lên tới 150.000 t. Điện-hóa-học cũng có nhiều khả năng đáng kể, như trong địa hạt phân bón nhân tạo.

Về nông nghiệp, đất Phi Châu không thuận lợi lắm, song cũng đã cung

cấp được một số sản-phẩm như cà-phê, ca-cao, cây có dầu, các thứ trái cây miền nhiệt đới. Hai khu vực có hy vọng trở thành nguồn phát triển rộng lớn là gỗ và cây có dầu. Rừng Phi Châu ước lượng có chừng 322 triệu hecta, mỗi năm cung cấp 20 triệu si-te. Trong khi toàn thế-giới tiêu thụ giấy ngày một nhiều, khiến sự phá rừng tiến theo một nhịp đáng ngại bên Âu Châu, thì nguyên rừng Phi-Châu có thể đóng vai thay thế thuận lợi cho các rừng miền ôn đới : trong 6,7 năm, trên một diện tích ngang nhau, người ta thu hoạch được một số Cel-lu lot (cellulosē) bằng số thu hoạch của các rừng thông tại Âu Châu trong khoảng bốn mươi năm.

Miền Sahel, ăn suốt trên 6 ngàn cây số, từ Đại Tây Dương cho tới Hồng-hải, có thể sửa sang để biến thành một khu vực trồng cây có dầu rộng từ 10 cho đến 15 triệu hecta ; đất đai cũng như khí hậu miền này rất thích hợp với loại cây trên.

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý

THUẬT KHUYẾN KHÍCH VÀ TƯỚNG THƯỞNG

- ★ Sở dĩ nhiều người ước ao được kẻ khác tán-thưởng là bởi họ thấy cần được phát-hiện bản-ngã, thành-công trong đời và muốn kẻ khác phải chấp-nhận mình. Kết-quả thu lượm được có thể làm cho người ta tin rằng, nỗ-lực không phải vô ích, song người ta còn muốn được kẻ khác, nhất là bề trên, tán-thưởng, xác nhận, đề phần khởi hơn nữa.
(Courtois)

Trở lực : nhân công và tư bản.

Tất cả những nguồn lợi vô biên đó, thật tế, chưa được khai thác.

Hiện nay các nhà lãnh đạo Phi Châu đã tính tới việc khai thác đại qui mô, song họ vấp phải nhiều nỗi khó khăn lớn lao, hầu như khó lòng vượt nổi.

NÔNG NGHIỆP

Nông-nghiệp đóng một vai trò quan-trọng trong nền kinh-tế Phi-châu. Nông-nghiệp đóng góp tới 2/3 vào số sản-xuất quốc-gia : 65% tại Nigeria và Tanganyika, 70% trong các miền Tây Phi thuộc Pháp, so sánh với 16% của nông-nghiệp Pháp và 5% của nông-nghiệp Anh và Mỹ. Nông-nghiệp giúp việc và nuôi sống 90% dân số Phi-châu.

Hoạt-động nông nghiệp chủ yếu là sản-xuất thực-phẩm cho dân chúng tiêu thụ tại chỗ.

Các loại cây dùng trong kỹ-nghệ giữ một địa-vị khá quan-trọng, cung cấp gần 3/4 tổng số xuất cảng của Phi-châu.

Dưới đây là các loại cây chính :

	PHI-CHÂU	THẾ-GIỚI	PHẦN TRĂM
Trái thốt nốt (ngàn tấn)	670	720	93%
Dầu thốt nốt (—)	370	590	66%
Ca-cao (—)	570	805	71%
Lạc (đậu phụng) (—)	3000	13500	22%
Cà-phê (—)	490	3010	16%

Cũng nên kê thêm các loại khác như chuối, dứa, (thơm) và lúa bông và gỗ, trong tỷ-lệ kém hơn.

— Trước hết, khác với các nước mở mang thua kém thường mắc nạn nhân mãn trầm trọng, Phi-Châu là một lục địa hầu như không người. Trên 15,5 triệu kilo-mét vuông chỉ có 130 triệu người mật độ trung bình 8,2 đối với 80 tại Pháp, 120 tại Ấn-độ, 66 tại Trung-Hoa và khoảng 40,50 tại Việt-Nam. Quá 4/5 dân số vô học. Phần đông chỉ quen nghề làm rẫy ; thế mà vẫn phải cố gắng làm sao biến cải cuộc sinh hoạt nông thôn và mở mang nền kinh tế miền này cho mau để làm cho cái hồ phân chia thôn quê với thị thành bớt phần sâu sắc. Về mặt công nghiệp, chỉ có một số rất ít nhân-công quen thuộc với kỹ thuật hiện đại, khiến vẫn để trở nên thật bi-đát đối với cán bộ và chuyên viên. Nền học vẫn thường chỉ vụ vào tù chương. Phái thượng lưu

trí thức thì ưa chuộng tư tưởng hơn lao động chân tay, nên đối với những công việc cần sự xốc-vác thường hay tỏ ý coi khinh, coi rẻ.

— Còn một trở lực nữa cũng rất quan trọng : đó là thiếu tư bản cần thiết để khai thác những tài nguyên còn tiềm ẩn. Động tác kinh tế thông thường chỉ thu rút vốn vụn trong sự sản xuất giản đơn, như gặt hái đủ dùng cho một năm, với một ít giống để dành cho vụ mùa năm sau. Bởi thế thức sinh hoạt trên và cũng bởi không có tư hữu điển thổ, người dân Phi-Châu không sao tích lũy được tư bản để trừ liệu công cuộc kỹ nghệ hóa xứ sở. Thảng hoặc có may mắn tiết kiệm được đôi chút thì đó cũng chỉ là một cách tích trữ tiền của cốt để phòng những việc bất trắc có thể xảy

✱ Ta cần nhận xét thấy những đức tính của một người thì ta càng đem lòng mộ mến người ấy. Cho nên, đối với người xấu xa đến đâu, nếu rán tìm, ta vẫn thấy ở nơi họ có nhiều điểm tốt. Baden-Powell nói : Trong mỗi người — người ấy dù là một kẻ cướp nữa — cũng còn có được 5% thiện. (Courtois)

✱ Tôi quen biết một người từng làm được nhiều việc rất hay mà cũng làm nhiều điều rất bậy.

Một hôm tôi thấy người ấy phân vân giữa hai khuynh hướng, tôi liền bảo người ấy những điều đại khái như sau :

— Ông là người rất tốt...

— Ông đã làm những việc rất hay...

Người ấy, về sau, tôi thấy trở nên tốt thật, và sở dĩ trở nên tốt chỉ vì muốn ăn ở cho xứng đáng với tiếng đồn của người khác về mình.

Nếu tôi lưu ý người trên về những tính tình xấu xa của y, tôi nghĩ có lẽ y sẽ trở nên một tên ăn cướp thật (Duhamel).

ra trong một cuộc sống hết sức bấp bênh mà thôi.

Thứ một giải pháp hoàn toàn
căn cứ vào chủ nghĩa thực dụng

Vì thiếu tư bản nên Phi-Châu không thể gì thi hành nổi một chế độ kinh tế tự do : chế độ này, chỉ có thể thi hành khi nào người dân có một số tài sản và sáng kiến cá nhân. Ngoài ra, mật độ dân số Phi-Châu rất kém, không đủ người để động viên toàn bộ nhân lực theo kiểu Trung-Hoa Cộng-sản. Ngược lại, cơ cấu cựu truyền trong hoàn cảnh nông thôn Phi châu dễ có chiều hướng dẫn đưa tới một chế - độ xã - hội chủ nghĩa. Người dân vốn quen sinh hoạt theo một tổ chức cộng đồng lao động và cộng đồng phân phối sản vật, nên chỉ một tổ chức làm theo cách đó mới có thể thích hợp và cải biến được các điều kiện sinh hoạt tại nông thôn Phi-Châu. Tổ chức ấy có thể phỏng theo các nông trường tập thể, như Kolkloses của Nga, Kibboutz của Do-thái hay trung tâm nghiên cứu kỹ thuật nông nghiệp (C.E.T.A.) của Pháp chẳng hạn.

Do đây, không một quốc - gia nào tại Phi-Châu hiện nay có thể đơn thuần lựa chọn tuyệt đối một phương pháp nào, dù là tự do, hợp tác hay cộng sản. Mỗi xứ, mỗi địa phương đều tùy theo hoàn cảnh thiên nhiên và nhân-sự đặc biệt mà sửa đổi thêm bớt để chế-biến đi. Những xứ giàu thì có khuynh hướng ưa thích chế độ tự do. Họ nghĩ rằng các nguồn lợi

phong phú của họ sẽ lôi cuốn được nhiều tư bản ngoại quốc vào giúp đỡ. Đó là trường hợp xứ Côte - d'Ivoire. Các xứ nghèo thì lại có khuynh hướng muốn theo Liên - Xô hoặc Trung-Hoa lục địa. Họ nghĩ rằng có thể dùng tiết kiệm — lao động của nhân dân thay thế cho tư bản. Đó là trường hợp xứ Mali. Tuy nhiên, xứ nào cũng có ý muốn dung hòa cả hai chế độ để tìm điểm chiết-trung. Như ông Sékou Touré, nguyên-thủ xứ Guinée, đã ra công khởi-thảo một bộ luật đấu-tư tự-nhân để qui định những bảo đảm cho loại đấu-tư này.

Để kết-luận thiên khảo-cứu về tình trạng kinh-tế các quốc-gia Phi-Châu hiện nay, ta không thể không nhắc lại một công cuộc được coi như là cần-thiết bậc nhất cho các quốc-gia đó trong giai-đoạn kiên-thiết này. Đó là công cuộc tổ-chức đại-đoàn-kết Phi-Châu vậy. Đã hẳn là muốn kêu gọi tư bản ngoại quốc cho có hiệu quả, muốn thảo luận với các nhóm kỹ nghệ gia để họ mang vốn tới mở mang Phi-châu, các quốc gia trẻ trung không những không thể mời đón họ một cách vô trật tự và tranh giành nhau một cách quá đáng. Họ còn cần phải làm sao tránh được những sai lầm trong quá khứ như phân tán, chia vụn đất đai và hạ tầng cơ sở ra thành từng mảnh nhỏ nhít, và nhất là tránh những phí phạm vô ích, những công việc làm trùng với nhau hoặc đâm chân lên nhau một cách tai hại. Tỷ như về ngành vận tải, tất cả mọi hệ thống đều quay về phía các thương-khẩu và hướng ra

PHI-CHÂU ĐỘC-LẬP

bên ngoài : đường bộ, đường sắt đều đặt song hàng và cạnh tranh với nhau, cùng từ duyên hải đi vào nội bộ mà không bao giờ gặp gỡ nhau cả. Trên 75.000 km đường xá, có tới 5 trẽ khác nhau. Kết quả là không xứ nào biết tới xứ nào, nên kinh tế xứ này không có liên hệ gì tới nền kinh-tề xứ kia. 4/5 tổng số xuất cảng và 3/4 tổng số nhập cảng của các nước Phi-Châu thực-hiện do nẽo Tây Âu và Bắc Mỹ. Thương mại nội Phi-Châu được 12% tổng số. Nếu mỗi quốc gia chỉ biết tổ chức

lấy riêng cho mình, không định một kế hoạch chung với nhau thì chắc chắn phải đi ngược lại với những nhu cầu kỹ thuật và kinh tế của thế giới hiện tại, tự gây thiệt hại cho nhau, và cố nhiên cho cả chính mình.

HOÀNG-MINH-TUYNH

TÀI-LIỆU THAM-KHẢO :

- = *Số đặc biệt của Tạp chí Réalités về Phi-Châu tháng sáu 1960.*
- = *Tạp chí Etudes, tám tháng đầu 1960.*
- = *La Documentation française, tháng bảy và tháng tám 1960.*

NHỮNG ĐẬP LỚN

Những công trình thủy điện sẽ đóng vai trò tối yếu trong công cuộc mở mang Phi-Châu. Dưới đây, xin liệt kê những công trình chính và lớn nhất :

EDEA, trên sông Sanaga, tại Cameroun, hoàn thành năm 1958. Có thể sản xuất 1, 2 ngàn triệu kilowatts-giờ mỗi năm, 45.000 t. oc-xýt a-lu-min.

KARIBA, trên sông Zambèze, tại Rhodésie. Phần nhất hoàn thành năm 1960. Khi xong, có thể sản xuất trên 8 ngàn triệu kilowatts-giờ mỗi năm, dùng để sản xuất đồng tại miền Bắc Rhodésie.

SOUNDA, trên sông Kouilou, tại Cộng Hoà Congo. Còn dự trù. Có thể sản xuất 7 ngàn triệu kilowatts-giờ mỗi năm, dùng để sản xuất : oc-xýt a-lu-min, mắng-gan, sắt, phân bón.

SOUAPIŤI, trên sông Konkouré, tại Guinée. Còn dự trù. Có thể sản xuất 5 ngàn triệu kilowatts-giờ, dùng để sản xuất 150.000 t. oc-xýt a-lu-min mỗi năm.

AJENA, trên sông Volta, tại Ghana. Còn dự trù. Có thể sản xuất từ 3 tới 4 ngàn triệu kilowatts-giờ, dùng để sản xuất oc-xýt a-lu-min.

XUNG QUANH VẤN-ĐỀ DU-HỌC

NGUYỄN-PHÚC-SA

CÓ lẽ không một sinh viên nào không nuôi cái mộng du học. Lại còn khá đông phụ huynh vẫn đinh ninh trong bất cứ ngành học nào chỉ các trường ngoại quốc mới đủ điều kiện đào tạo những người hữu dụng.

Cái mộng của thanh niên và thành kiến của những phụ huynh trên có gì khác thường và nếu nước ta cần gửi thanh niên ra ngoại quốc huấn luyện, ta phải chú trọng đến những điểm chính nào ?

Trong lịch sử nhân loại việc sinh viên từ nước này qua nước nọ học hỏi có từ lâu. Thời trung cổ, một số trường Đại Học danh tiếng Tây Âu đã tiếp nhận sinh viên ngoại quốc. Bên Đông Phương, thầy Trần-Huyền-Trang, lặn lội ngàn dặm từ Trung-Hoa sang Ấn-Độ không ngoài mục đích cầu học. Nhà phong thủy Tả-Ao được thầy đưa về Tàu truyền nghề địa lý là một du học sinh.

Khi người Pháp bắt đầu đặt nền thống trị trên đất Việt-Nam, các giòng tu đã giúp một số thanh niên thời ấy đi Penang (Mã-Lai) học tập, không phải chỉ để huấn luyện giáo-sĩ. Cụ Trương-Vĩnh-Ký, cụ Nguyễn-Hữu-Bài.. sau khi thành tài, đã lãnh những chức vụ dân sự liên quan rất nhiều đến lịch sử cận đại nước nhà.

Một điều đáng ghi nhận là trải bao nhiêu thế kỷ ta dùng ngoại-ngữ làm thừa-ngữ trong việc giáo-dục. Khi xưa ông cha ta học chữ Hán, thầy giáo chỉ dùng kinh truyện cùng sách do các học giả Trung-Hoa hay Việt-Nam trước tác mà đã đào-tạo trên đất nước nhà những vị khoa-bảng, nho-sĩ uyên-thâm không thua gì người Tàu. Dưới thời Pháp thuộc, việc tổ-chức nền giáo-dục trong thực-tế, buộc thanh niên muốn học lên cao phải sang Pháp. Những gia đình giàu có lại cho con xuất-

dương từ hồi còn nhỏ. Phong-trào du học càng ngày càng bành-trướng đến nỗi nhiều phụ-huynh cho đó là việc đương-nhiên. Một số học sinh, vì lìa bỏ quê-hương từ hồi còn nhỏ tuổi, vì sống vài chục năm trên đất Pháp, đã trở thành những phần-tử «bật rễ», có khi không xử-dụng được tiếng mẹ đẻ nữa.

Cũng như quốc-gia độc-lập khác, nước ta phải có một nền giáo-dục thích-hợp với hoàn-cảnh lịch-sử, văn-hóa, xã-hội và những đòi hỏi của đời sống hàng ngày. Nền giáo-dục ấy chỉ có thể đặt ở trong nước. Nói một cách khác, cán-bộ, các nhà học-giả, thông thái của ta sẽ phải đào-tạo lại những trường cao học, đại-học Việt-Nam. Trong tương-lai, sẽ chỉ còn một thiểu số xuất dương du-học theo lối ngày nay. Sự tiến-triển ấy không đi ngược trào-lưu trao đổi người và văn-hóa trên thế-giới hiện-thời.

Tuy ta cần quan-niệm lại vấn-đề du-học, và một ngày kia đem nó xuống tỷ-lệ thông thường, trong giai-đoạn hiện tại, chúng ta không thể không cần có một chương-trình đào-tạo mau lẹ một số quan-trọng chuyên-viên, giáo-sư... Công-cuộc khuyến-trương kinh-tế, mở mang kỹ-nghệ đòi hỏi doanh-gia, kinh-tế gia, kỹ-sư lành nghề. Trước đây ít người học trong các ngành ấy vì khi thành tài không có chỗ dùng, khiến cho kiến-thức ngày càng dần mai-một đi, không theo kịp kỹ-thuật mới. Trường cao-học bốn xứ còn trong thời kỳ phôi-thai, thiếu giáo-sư, thiếu trang-bị. Kỹ-nghệ hiện có hoạt-động rất ít, công việc thực-tập không tiến-hành được. Học tập tại một nước tân-tiến, thanh-niên ta sẽ có một tầm

mắt rộng hơn, quan-sát nhưng áp-dụng sâu xa hơn, làm quen với kỹ-thuật tân-tiến để khi trở về lãnh nhiệm-vụ một cách hữu-hiệu. Việc đào-tạo giáo-sư đại-học cũng rất cấp-bách. Số sinh-viên càng ngày càng tăng. Trường đại-học nào cũng phải tuyển-dụng giáo-sư ngoại-quốc, việc giảng dạy dùng hai ba thứ tiếng, sách giáo-khoa hay khảo-cứu bằng tiếng Việt thiếu hẳn, sinh-viên không tránh khỏi nhiều sự khó khăn và việc học-tập cũng kém kết-quả. Nếu mỗi năm chúng ta có thêm mười vị giáo-sư đại-học lành nghề, tưởng cũng là một điều mừng lớn cho thanh-niên hiếu học.

Trước khi hai vấn-đề trên đây được giải-quyết một cách thỏa-đáng, ta chưa thể quan-niệm việc du-học trong những giới-hạn bình-thường được. Sự hướng-dẫn sinh-viên du-học, nhằm mục đích thỏa-mãn nhu cầu trong nước thực ra mới bắt đầu từ 1956 với sự cải-tổ Hội-đồng Du-học. Mặc dầu sự hướng-dẫn này không có tính cách cứng rắn tuyệt đối, nó đã mang lại kết quả mong muốn qua những hứa hẹn tốt-nghiệp trong một tương-lai rất gần, mà lại còn giúp cho sinh viên xuất ngoại từ trước và không phải bó buộc chọn trong một số ngành học, hiểu rõ những đòi hỏi của xứ sở để tự mình chuẩn bị cho trách-vụ mai sau.

Số sinh-viên xuất-ngoại để theo học các ngành đại-học từ 1956 vào khoảng 4, 5 trăm người. Một số đã hồi hương làm việc trong các công sở, tư sở. Đối với những người khác, hoặc vì sự học-tập đòi hỏi nhiều năm — thí dụ dọn thi bằng tiến-sĩ — hoặc vì họ muốn triệt dụng cơ hội xuất-dương để thâm-thái kiến-thức

tối-đa nên phải chờ đợi 3, 4 năm nữa chúng ta mới thấy kết-quả được.

Khi đã nhận định sự cần thiết của một phong-trào du-học rộng rãi trong giai-đoạn hiện-thời, ta hãy thử tìm hiểu xem phụ-huynh và sinh-viên thường có khuynh-hướng như thế nào.

Có thể nói rằng ngày nay, với sự thiết-lập Hội-đồng Du-học với thể-lệ chuyển-ngân, với sự tổn-phí để nuôi con ăn học ở ngoại-quốc, việc du-học tài-tử đã gần như mất hẳn. Khi cấp học-bổng Chánh-phủ hay các tổ-chức tư-nhơn phải chọn mặt gửi vàng. Cha mẹ không tin ở sự thành công của con em mình sẽ suy nghĩ rất nhiều trước khi xuất những số tiền đáng kể để gửi họ ra ngoại-quốc.

Trừ học-sinh các trường Trung-Hoa thường mong được dịp đi Đài-Loan học lên các bậc cao hơn, phần đông phụ-huynh và sinh-viên tỏ ra thích đi Pháp hơn cả. Ta đừng nên vội cho đây là sự luyện tiệt thực dân hay tinh thần nô-lệ văn-hoá Pháp chưa gột rửa sạch. Tâm-lý này phát sinh từ những yếu-tố thực-tế và do đó không tránh khỏi thiên-cận một phần nào.

Về đại-cương, tổ-chức nền giáo dục của ta giống tổ chức Pháp hơn hết, ở bậc trung-học cũng như ở bậc cao-học. Học-sinh Việt-Nam, khi vào học các trường Pháp, đỡ bỡ ngỡ hơn hết. Du-học cần phải rành ngoại-ngữ. Đi Pháp, vấn đề ngoại-ngữ ít gay go : không nói đến học-sinh các trường trung học Pháp, ngay học sinh các trường Việt cũng có điều-kiện thuận-tiện để học tiếng Pháp hơn là ngoại ngữ khác. Vì trong gia-đình, bầu bạn nhiều

người có thể giảng dạy giúp được ; sách vở bằng Pháp-văn cũng sẵn hơn.

Một số phụ huynh đã từng học lâu năm tại các trường bên Pháp và thường vẫn còn giữ những kỷ - niệm tốt đẹp của thời-gian ấy. Sinh-viên Việt-Nam qua Pháp có nhiều hy vọng gặp bà con, bạn bè và tìm thấy một phần nào không khí gia-đình, nhờ số người Việt-kiều khá đông đảo tại Pháp, hoặc những người Pháp đã sống ở Việt-Nam và đã gây liên-hệ gia-đình với đồng bào ta. Là cha mẹ, ai chẳng lo lắng ít nhiều khi cho con xuất-dương du học ; nếu được người quen thuộc tại chỗ săn sóc cho, sự thắc-mắc sẽ giảm đi phần lớn.

Sinh-viên Việt-Nam lại tin tưởng rằng họ có thể thi vào tất cả các trường danh tiếng nhất, miễn là họ có tài năng. Không phải nước Mỹ, nước Anh, nước Đức, nước Ý... không có những trường danh tiếng tương tự hay hơn nữa. Điều ta có thể chắc chắn là các trường lớn của Hoa-Kỳ có những phương tiện thí nghiệm, tìm tòi phong phú vào bậc nhất. Cái chết của giáo-su Esclancon trường đại-học khoa-học Paris hồi năm 1956, bị điện giật trong khi giảng bài, đã làm cho các giới Pháp xúc động trước sự trang-bị nghèo nàn của đại-học này. Nhưng vì thiếu sự hướng-dẫn, sinh-viên ưu tú của ta vẫn lo lắng không biết có thể xin vào học tại các trường Anh, Mỹ ấy được không, vì thủ-tục thâu nhận sinh viên khác hẳn lối thi cử rất quen với họ.

Sau hết yếu tố tài-chánh cũng là một lý-do khiến phụ-huynh lựa chọn nước Pháp. Đời sống của một sinh viên ở Mỹ hay ở Thụy-Sĩ tốn hơn ở Pháp khá nhiều.

Nói tóm lại, khuynh hướng đi Pháp để du học là hậu-quả của sự sống chung Việt—Pháp trong gần một thế-kỷ qua. Không phải chỉ ở Pháp người ta mới đạt đến bậc văn hóa và kỹ thuật cao nhất. Nếu các trường đại-học Pháp vẫn còn có thể giúp ta rất nhiều trong việc đào-tạo trí-thức, ta cần tránh duy-trì sự lệ-thuộc văn-hóa và tư-tưởng. Các nước tiền-tiến khác hàng năm tặng chúng ta khá nhiều học-bổng đủ các loại, thanh-niên và trí-thức cần phải dẹp bỏ thành-kiến, cố gắng khắc-phục trở lực ngôn-ngữ để thâm nhập mọi tinh-hoa trong thế giới ngày nay, ngõ hầu thỏa-mãn nhu cầu của xứ sở và góp phần vào công cuộc gây vốn tinh thần cho đất nước. Thanh-niên xuất-dương để học hỏi; yếu-tố quyết-định trong việc lựa-chọn nơi học phải là khả-năng đặc-biệt của nhà trường hoặc của quốc-gia trong ngành mình muốn học. Lãng-quên tiêu-chuẩn này, người sinh-viên có thể chỉ mang về một cái vỏ hào-nhàng mà thôi.

Thanh niên đi học thường khi chỉ nghĩ đến phát-triển tốt-độ khả-năng, hoặc theo sở-thích riêng chứ ít khi nghĩ đến vấn-đề phục-vụ. Không ai ehối-cải được rằng kiến-thức nào cũng quý. Nhưng ta cần phân-biệt cái quý và cái hữu-dụng, cái cần-thiết trong tình-trạng nước nhà trong giai-đoạn này. Tri để mà hành. Nếu người-thanh-niên không có cơ-hội vận-dụng sở-năng thì cái tri ấy còn có ích gì cho ai?

Cách đây hai ba chục năm, học sinh giỏi văn-chương được thầy bạn yêu thương, kính phục. Các phần tử ưu-tú ấy sẽ tiếp tục học văn-khoa, luật-khoa, triết-học. Ngày nay, chúng ta sống trong thời-đại phân-lực, nguyên-tử, khoa học có

một sức cảm-đỗ vô song. Sự khâm-phục của bạn bè, của người quen thuộc chuyển sang các học trò giỏi toán. Hoài-bào của sinh-viên ưu-tú ngày nay là ngành vật-lý nguyên-tử, hoặc một vài ngành khoa-học rất cao-siêu khác. Cha mẹ và những người khác có trách-nhiệm cần phải giải-thích cho hậu-sinh hiểu rằng đời-sống một quốc-gia cần nhiều kiến-thức chuyên-môn khác nhau. Trong tình-trạng nước nhà hiện thời, có khi một ngành học bị coi rẻ lại có nhiều công-dụng hơn. Thi-dụ ta sẽ dùng một chuyên-gia hữu-hạng về động-cơ phân-lực, về động-cơ nguyên-tử, về phi hành không gì n vào công việc-gì, trong khi ta cần kỹ sư để mở mang công-nghệ, cải-tiến nông-nghiệp, doanh gia để điều-khiển các xí-nghiệp, giáo-sư đại học v.v..

Đòi-hỏi và điều-kiện của nước nhà thường không cho phép sự chuyên-môn quá đáng hay sự huấn-luyện dờ-dang. Chuyên-môn hóa đi đôi với phân-công. Chuyên-môn rất có lợi miễn là đủ số người chuyên-môn để hợp thành một bộ đầy đủ. Khổ nỗi, nước ta chưa đến trình-độ khả-dĩ giao cho mỗi người một việc hết sức chuyên-môn được. Nói một cách khác, một người cần phải có đủ khả-năng nhận lãnh các công việc khá tạp-bác, nếu không sẽ không thể tìm đâu ra người phụ-lực hay bổ-túc để công việc khỏi đình-trệ. Mặt khác, nếu sự huấn-luyện chưa đạt đến trình-độ khả-quan nào đó, người thanh-niên đã có công xuất dương sẽ không giúp ích được gì. Trong một hệ-thống kinh-tế, xã-hội phức-tạp và phát-triển tốt-độ như ở Hoa-Kỳ chẳng hạn, mọi khả-năng dù ít dù nhiều, đều có chỗ dùng. Ai cũng có tìm được một công việc hợp

với sức mình để sống một cuộc đời phong - thế. Lại nữa, bất cứ lúc nào người ta cũng có thể trở lại nhà trường để học thêm, để tìm cách tiến thủ. Trái lại, trong xã-hội ta, đã mang tiếng du-học nhiều năm, ít ai chịu nhận một công việc hấp kén. Mà chẳng lẽ thiếu năng-lực lại đòi những địa vị cao, nhiều lương bổng. Thế là ta có thêm một phần tử bất mãn. Cho nên những người có cơ hội ra ngoài cần phải cố gắng học hành đến nơi đến chốn, tự tạo cho mình kiến-thức vững chắc. Không phải mỗi lúc người ta có thể tái xuất dương hay trở lại nhà trường để học hỏi thêm.

Sau hết, sự thối nát của nhiều thanh-niên du học là sau khi thành tài sẽ làm việc cho ai. Thế-lệ du-học hiện thời buộc phải ký cam đoan giúp việc chánh phủ trong một thời hạn. Một số đã tỏ ra dè dặt khi phải ký cam đoan này vì không muốn trở thành công-chức ! Có khi chính cha mẹ vì lý-do này hay lý-do khác, đã gây trong lòng con em sự lãnh-đạm với công-vụ. Sự thối nát nói trên không phù-hợp với thực tế. Chính-quyền ngày nay không những chỉ dùng ông tham, ông phán trong bàn giấy mà còn là chủ-nhân ông những xí-nghiệp quan trọng. Chuyên-gia các ngành có thể tìm thấy trong công-ty quốc-doanh hay hỗn hợp những địa-hạt hoạt - động đúng theo chí-hướng ; việc trả lương trong các xí nghiệp có ảnh cách kỹ-nghệ tương-mãi này cũng lần lần theo các tiêu-chuẩn của khu-vực. Mặt khác, ở nước ta cũng như ở các nước kém mở mang khác, khu-vực tư đại quy-mô với khả-năng thâu-dụng một số lớn chuyên-gia cao cấp còn rất hẹp. Đừng thấy một vài xí nghiệp tư dành cho nhân viên của họ những địa vị ưu-trọng mà vội

cho rằng sự cam kết giúp việc Chánh-phủ sẽ ràng buộc mình hay cản trở đường tiến thủ của mình. Và xét cho cùng, công-sở chỉ kêu gọi đến những người thành tài khi nào thực sự cần đến. Nếu công - sở chưa cần hâu dụng, ai cấm các bạn xin phép làm việc cho tư nhân. Dù cho đương sự không cam kết đi nữa, chánh quyền theo luật lệ, lúc nào cũng có thể trưng-ập công-dân để tiến hành những công cuộc ích-lợi cho quốc-gia, xã hội. Nói tóm lại, trong nhiều năm nữa, nếu cơ-quan và xí-nghiệp của chánh quyền không tuyển dụng, một số đông người tốt-nghiệp sẽ không có việc làm. Thời Pháp thuộc rất nhiều kỹ-sư phải thúc-thủ làm những công việc liên quan rất ít với sở-năng. Giữ lại niên-giám các trường cao-học Pháp, ta sẽ ý niệm rõ rệt sự lãng phí nhân tài ấy.

* *

Vấn đề du học ngày nay đã được chỉ huy một phần nào. Không ai có thể quan niệm một sự chỉ-huy cứng rắn vì chúng ta đứng trên lãnh-vực nhân-sự. Người có trách-nhiệm tất-nhiên phải nghĩ đến một tình-trạng quân-bình nào đó, quân-bình giữa cung và cầu, quân-bình giữa khả năng và đòi-hỏi của quốc-gia. Cha mẹ và sinh viên cũng cần nhận định những sự thay đổi, xét lại quan-niệm khi trù tính du-học. Phát-huy trí tuệ đến tột-độ là điều mong ước của mọi người cũng như không ai nghĩ đến cản-trở sự phát huy ấy. Phát huy trí tuệ theo đường lối nào để tích cực góp phần vào công cuộc kiến thiết quốc gia, là nhiệm vụ của mọi công-dân và điều mong mỏi chung của dân-tộc.

NGUYỄN-PHÚC-SA

Dòng tư-tưởng...

Can-đảm

Có người bảo, mỗi ngày, ít nhất chúng ta cũng thiếu can-đảm đến vài chục bận.

Thiếu can-đảm :

Không nói, trước khi biết rõ.

Kiên-nhẫn tìm-lời, rồi dám nói sự thật.

Thật hiện việc nhận thấy cần-thiết và không làm một cách liều-lĩnh, không tự lượng.

Không tin kẻ bợ-đỡ và vui mừng khi thấy có người chỉ-trích.

Tôn-trọng quyền-uy và soi-sáng quyền-uy.

Tự-phát sáng-ý và phục - tùng kỷ-luật.

Gắng sức liên-tục và ứng-biến luôn luôn.

Tranh-đấu kỳ - cùng để thực-hiện công-lý.

Chịu-đựng thể cô và bảo-tồn khí-tiết thời vị-ngộ.

Không căm-hờn khi bị bỏ rơi và vẫn tự-chủ, tự-lập.

Giữ vững tin-tưởng trong hoàn-cảnh hầu như không còn lối thoát.

Và nếu can-đảm biến mất hẳn ở nơi ta, thì ta nên ngờ rằng dục-vọng, đam-mê sẽ chi-phối ta, hoặc biếng-nhác trẽ-nải sẽ khiến ta trở nên cần-cối, hoặc kiêu-căng hôn-ám sẽ đưa ta tới chỗ bại-hoại.

PHẠM-HOÀNG

BÁCH KHOA LXXXVIII

CÂY MAI GIẢ HIỆU

VÀ

CÂY MAI CHÍNH CỐNG

Biện minh của ĐÔNG-HỒ

BÁO Tân phong tập 21, (không đề ngày tháng) có bài : « *Hình tượng cốt cách hoa mai của thi-nhân hoạ-sĩ* »

Bài này, của Quốc nghi, Trương Cam-Khai tiên-sinh. Trên đầu bài có nêu câu rằng : « *Góp ý kiến về bài « Tim dấu Bạch mai thi xã » của Đông-hồ đã đăng trong Tạp-chí Bách-khoa số 76, ngày 1.III. 1960* »

Phải chi Trương tiên-sinh, cứ đứng ở một phương-diện mỹ-quan mỹ-cảm mà khảo cứu các giống hoa mai, thì bài này của tiên sinh đã làm cho khách yêu hoa thỏa mãn biết bao, trong cuộc thập-thúy tâm-phương, dầu là ở lãnh-vực tinh-thần. Người nào mắt chưa từng nhìn thấy, mũi chưa từng tiếp xúc giống danh hoa nọ, cứ đọc xong 20 trang báo của Trương tiên-sinh cũng

thấy được cốt-cách như in mà tờ sách như phẳng phất có một ám-hương phù-động.

Càng thú hơn nữa, nếu bài này là một bài văn, nhân dịp Tết mà viết nên, đăng trong tập báo Xuân, cũng như những bài văn nói về cách gọt thủy - tiên, cách chơi hoa đào, thì nó đã đề cho độc-giả một ấn-tượng đẹp-đẽ, một hứng thú nên thơ, cao nhã vô cùng.

Nó có tính cách như một « mai hoa phổ » mà tác-giả viết nó bằng một cảm nghĩ khách-quan, cốt truyền mỹ-cảm cho người đọc, khi muốn ngoạn thưởng đến tế-nhị giống hoa độc chiếm nhân-gian đệ nhất.

Trương tiên-sinh vào Nam đã hơn sáu bảy năm nay, đã trải qua sáu bảy dịp Tết rồi, thế mà tiên-sinh không hề nghĩ đến một bài văn đề-cao phẩm cách hoa bạch-mai, trong khi tiên-sinh biết rõ hơn ai.

Đề đến hôm nay, tiên sinh mới nói. Tiên-sinh nói đến, không phải vào dịp mùa xuân, ngày Tết, cũng không phải vào dịp đổ lá tìm hoa. Thật thì không phải tiên-sinh muốn viết mà là tiềm-thức tiên-sinh đã xui tiên-sinh viết nên bài đó.

Bài của Trương tiên-sinh rất dài. Tiên-tinh đã cực-lực diễn tả hình tượng cốt-cách, cực-lực tán-tụng sắc kỳ hương dật của giống bạch-mai. Nhưng, trước sau toàn thiên nói đi nói lại nhiều lần, cũng chỉ nhằm vào một mục-đích, bao nhiêu ngôn từ văn-hoa mỹ-lệ cũng chỉ dồn vào một dụng ý.

Không thể dẫn hết ra đây được, tôi chỉ xin chép y lại nguyên-văn một đoạn làm mẫu, đủ đề tiêu-biểu cho chủ trương ý-tứ toàn thiên.

« ... Tôi (Quốc-nghi) lại nghĩ cả đến
 * câu thơ vịnh Chùa Cây mai *Sương in*
 « *tuyết đóng cành thưa thớt* của Tôn
 * Thọ-Tường, cũng như của một số thi-
 « nhân khác, đại-đề như Lâm Hữu-Lân
 * tiên-sinh, trong bài vịnh thứ mai ở Hà-
 * tiên, câu mở đầu rằng : *Ngọc vi cốt cách*
 « *tuyết vi thần*, (cũng như) với giống mai
 « ở đây mà dùng những chữ, những ý xưa
 * như *sương in tuyết đóng*, cốt-cách như
 * ngọc, tinh-thần như tuyết, thì thật là ngoa
 * ngôn thác-đoạt (?) (Đồng hồ không rõ
 « nghĩa chữ *thác-đoạt* này, thôi tạm hiểu là
 « *láo khéo*) Sở dĩ có sự ngoa-ngoắt như
 * vậy, chỉ vì nhà thơ thiếu sở kiến mà đa
 « sở độc ; trong khi sẵn có nhiều chữ sáo,
 * gặp mai nào cũng đem gán cho nó những
 * phẩm cách, những vẻ vô cùng mỹ diệu mà
 « bản thân hình-tượng nó không có... »

(Đoạn này, Tiên-sanh cho in nhiều chữ đen và nhiều chữ ngả đề tỏ ý nhấn-mạnh. Tân Phong tập 12, trang 7)

Mục-đích và dụng-ý của tiên-sinh đã gồm tóm trong đoạn văn trên đó. Tiên sinh quyết biện-bạch chứng-minh cho mọi người, nhất là người miền Nam, nhận thấy rõ một điều. Điều đó là giống bạch-mai trong Nam này là giống bạch-mai giả-hiệu, xin mọi người đừng lầm nó với giống bạch-mai chính-cống của tiên-sinh đã được mắt thấy tay trông.

Theo tiên-sinh, điều biện-bạch này rất cần thiết, rất quan hệ. Đề cho mọi người lầm tưởng một giống bông hoa giả hiệu với một giống bông hoa chính-cống là một điều tai-hại không nhỏ cho văn-học giới cũng như cho tư-tưởng giới, cho nghệ-thuật giới. Nên tiên-sinh mới phải cực-lực bài-bác, cực-lực biện-minh, y như là cần phải bài-bác một tà thuyết để biện-minh cho một chính-học. Tiên-sinh đã làm việc này với tất cả lòng hăng-hái dạ nhiệt-thành.

Trong bài có những đoạn tranh-biện với Việt điều tiên-sinh về các giống thanh-mai hồng-mai, các giống lục-ngạc thanh-chi, cho đến giống ô-mai tầm muối gừng, xí-muội uống nước đá, và những câu thơ lạc-mai mai-lạc, dịch đúng dịch sai. Các khoản đó, thì tôi xin không dám dự, vì nó ở ngoài tầm hiểu biết của tôi.

Bài này viết, tôi xin cãi với tiên-sinh một điều mà tôi đã nêu lên nhan bài « Cây mai giả hiệu và cây mai chính-cống ».

Cây mai giả hiệu là cây bạch-mai của tôi ở nền cũ Bạch-mai thị-xã trong Phú-lâm, hiện nay là đồn Cây-mai. Còn cây mai chính-cống của tiên-sinh là những cây mai ở vườn cụ án Kiến-xương, ở vườn nhà ông Hai Lắm, ở vườn nhà Quốc-nghi tiên-sinh.

Tiên-sinh bảo rằng : Đông-hồ đã « *bắt bóng đề chừng ngoa ngôn thác đoạt* ». Nghĩa là : mắt chưa từng thấy cây bạch-mai chính-cống bao giờ. Chỉ mới thấy cây mai giả-hiệu ở Hà-tiên, ở Phú-lâm mà hoảng-hốt ngỡ đó là giống mai chính-cống, cho nên đã « ngoa ngoắt » đem những ngọc cốt băng cơ, đem những phách ngọc hồn băng, đem những sương in tuyết đóng, đem những sắc nước hường trời, toàn là mượn những chữ hay lời đẹp, từ xưa, cồ nhân đã diễn tả về hoa mai mà diễn tả lại một giống mù-u thô xấu tục tằn, trần trần chất thật, không có một chút nào so-sánh được với giống mai Tàu, mai Bắc mà tiên-sinh đã từng hân-thường.

Tiền-thức tiên-sinh muốn nói trắng ra thế này :

— Không phải là húng Láng mà cũng dám gọi là húng.

— Không phải là cốm Vòng mà cũng dám gọi là cốm.

— Không phải là nhãn Hưng-yên mà cũng dám gọi là nhãn.

— Không phải là cam Xả-Đoài mà cũng dám gọi là cam.

— Không phải là gạo Tám xoan mà cũng dám gọi là gạo

— Không phải là cá rô Đầm-sét mà cũng dám gọi là cá rô

— Không phải là rau muống Sơn-tây mà cũng dám gọi là rau muống.

Cũng như, ở đây, không phải giống hoa mai Kiến-xương mà cũng dám gọi là hoa mai.

Thiệt là « *ngoa ngôn thác đoạt bắt bóng đề chừng* ». Toàn là những thứ mạo-nhận, những thứ giả-hiệu tuốt. Thế mà dám trao-chuốt cho nên lời hoa-mĩ, tô vẽ cho nên phẩm thanh-cao để mà đánh lộn sòng. Ôi là ngoa-ngoắt !

Sự lầm-lẫn này, theo tiên-sinh, di-hạ; không nhỏ, vì nó có « ảnh hưởng sâu xa đến trình-độ và việc xét văn-chương, mỹ-thầm-thuật. » Thật là to lớn vô cùng, quan trọng vô cùng. Cho nên tiên-sinh có phận-sự phải vạch cho ra điều giả-tạo, lột trần cái nhãn hiệu giả - mạo đó đi, để cứu cho bao nhiêu người khác khỏi nạn « tiêu bạc giả ».

Tóm ý bài của tiên-sinh xong, bây giờ thì tôi xin cãi lại:

1. — Có phải tôi đã « *ngoa ngôn thác đoạt, ngoa ngoắt bắt bóng đề chừng* » như lời tiên-sinh nói đó hay không ?

Nếu bài văn của tôi là bài văn khảo cứu về giống hoa mai, miêu tả giống hoa mai, đề làm một quyển *Mai hoa phổ*, hay đề chỉ dẫn cho việc thưởng-thức hoa mai, hoặc nó là một bài văn bàn về « hoa mai trong văn-chương » mà tôi không diễn-tả cho phân-minh, tình-bày cho khúc-chiết, lại nói mập-mờ đánh lộn, thì tiên-sinh trách là đáng lắm. Tôi còn cãi làm sao được nữa.

Đàng này không phải vậy. Xin tiên sinh đọc lại một lần nữa cho kỹ bài văn của tôi. Bài văn đó tôi đã viết với dụng ý gì, và nhân có sao mà tôi tìm đến thăm gốc hoa mai nọ.

Trước nhất là, bởi từ lâu nay, đọc thơ *Vịnh cây mai* của thi-sĩ tiền-bồi Tôn Thọ-Trường.

Bài thơ đó đã cho tôi một xúc cảm đau thương, mỗi khi nghĩ nhớ đến « hồi kèn lạ tò te » từ đâu ào ạt đưa đến, làm chìm lặng tiếng « chuông quen lặng lẽ. »

Muốn tìm lại phong-tao thuở trước, muốn hỏi lại tâm sự người xưa, đối tượng nghĩ rất cần. Nếu không có thì cũng đành thôi, chứ nếu còn giữ lại được chút nào, thì chút đó là vàng lụa, ngọc sớt.

Ai ơi ! Cây mai đây sở-dĩ quý, không phải quý vì bản-thân nó đâu.

Bản-thân nó, muốn kè đẹp thì nó hãy còn thua kém hơn bao nhiêu hoa tươi lá nõn ở bách-thảo công-viên, còn thua kém hơn bao nhiêu cành xòe, nhánh rợp ở đại-lộ thông-cù.

Có ai đã bàn-hoàn dưới gốc hoa mai trong Sở thú Sai-gon chưa ? Có ai đã bàn-hoàn bên cội thông ngo trên Đa-lạt chưa ?

Đào Tiềm khi làm bài *Quit khứ lai từ*, « phủ cô tòng nhi bàn-hoàn, » không phải bàn-hoàn chỉ vì được nhìn lại gốc thông già ở chốn cố-viên mà thôi đâu, mà hãy còn bàn-hoàn vì đã lãnh-hội được triết lý nhân-sinh-quan « kim thị nhi tạc phi ».

Dặng thông Côn-sơn sở-dĩ quý không phải quý vì trồng ngay hàng thẳng lối. Mà trước đã quý vì dặng thông này là do vị nguyên lão thời Trần-mạt, Bãng-hồ tướng-công Trần-Nguyên-Đán tự tay chăm chút trồng lên. Rồi sau lại quý vì, cũng dưới bóng mát dặng thông này, người cháu ngoại của người trồng, vị khai-quốc nguyên-huân thời Lê-sơ, Ưc-trai thi-lão Nguyễn-Trãi, ngồi bên thạch-bàn đọc sách.

Hàng triệu tín-đồ chiêm bái gốc cây bồ-đề, có phải là vì cây bồ-đề tàn to lá rậm đâu.

Chiêm ngưỡng cây bồ-đề là chiêm ngưỡng cả một vùng đạo-lý, chiêm ngưỡng nơi đã đem bóng mát cho người ngồi dưới gốc cây đó mà phát bồ-đề tâm, khởi bồ-đề nguyện.

Póng dâm mát của tàn cây bồ-đề so-sánh đã bằng bóng dâm mát của vườn măng cụt ở Lái-thieu chưa.

Nhưng mà, bóng mát đó là bóng bác-ái từ-bi đã từng làm mát mẻ cho tâm-hồn nhân-loại.

Vậy thì, trong lúc tôi nhìn cây bạch-mai trên nền cũ sơn-xuyên xã-tắc ở Hà-tiên, không phải là tôi nhìn cây hoa mai nữa, mà tôi đã nhìn qua đó hàng trăm năm vó-công văn-nghiệp của họ Mạc, tôi đã nhìn qua đó ngót 400 bài thơ bài phú xướng họa của nhóm Chiêu-anh các.

Cũng như khi tôi đến Phú-lâm, vào Đồn Cây-mai, nhìn lại gốc hoa mai, trên nền cũ Bạch-mai thi-xã, nào có phải để nhìn thấy một gốc cây già lá rậm như một gốc mù-u đầu, mà tôi đến để nhìn qua đó suốt một thế-kỷ lịch-sử thương tâm nhất của nước nhà, riêng của miền Nam.

Tôi đã nhìn qua đó mà thấy lại chân-dung của những Trịnh-Hoài-Đức, của những Nguyễn-Tri-Phương, của những Phan-Thanh-Giản, của những Nguyễn Đình-Chiều, Phan văn-Trị, Bùi Hữu-Nghĩa, cho đến Huỳnh Mãn-Đạt, Tôn Thọ-Tường.

Hơn nữa, tôi đã nhìn qua đó để thấy lại cả một thời-kỳ chua xót đau thương của dân tộc.

Ai trách tôi đã dùng những trần-ngôn sáo-ngữ, đã đem bao lời đẹp mi-miêu để tả vẽ một giống cây tầm thường không xứng đáng.

Tôi xin cãi rằng : Vâng, tôi có mượn những chữ hay lời đẹp của hoa mai, tôi không chối, nhưng mà mượn để tả lại thân-thể cồ-nhân, nói lên tâm-hồn thế-hệ mà hoa mai là đối-tượng, tượng-trung. Tôi đã nhận-tính-hóa hoa mai, mà nhân-tính hóa cả danh từ về hoa mai nữa.

Muốn có chứng-minh cụ thể, tôi trích lại vài đoạn đề đủ tiêu-biểu bài văn của tôi hôm nọ, và lời biện giải của tôi hôm nay.

Tôi đã cảm-thương cho tâm-sự Tôn Thọ-Tường :

« Tôi đọc lại bài thơ cũ :

Cắm cảnh cây mai cách dưới đèo,

Mười phần trong sạch phận cheo-leo.

« Than ôi ! Một tâm-sự đáng thương, vì chất ngọc hồn băng muôn phần trong sạch, nhưng mà tay định-mệnh khe-khắt xô ngã vào cảnh ngộ éo-le. Cũng như cây mai nọ, một thân sương tuyết cheo leo đứng trơ-trọi dưới đèo mà cắm cảnh.

« Hôm nay qua bài thơ Cây Mai này, cùng một tác giả, tôi tự nhiên bỗng thấy cảm thương đau xót cho nhà thơ tiền-bối biết bao nhiêu...

« *Phương-tâm lịch-mịch ký hàn chi,* chút lòng thơm vắng - vẻ đành cứ gởi trên cành sương lạnh-lẽo, « quạnh - hiu xuân tới thu về » Đề đến đời, hoa hé ngập ngừng cho lệ thương-xuân khô-héo, hương vương u-uất, xui hồn cảm-cự băng-khuâng. Thương xót lắm ! Cánh hoa rụng, tiếc không chọn nhằm đất sạch ! »

Tôi đã ngậm-ngùi trước một thế-hệ dĩ-vãng, trong lịch-sử trăm năm :

« Được bước về, tay cầm cành hoa mai mà lòng cứ những lưu-luyến bàn - hoàn không muốn dứt.

« Nếu tôi là thi-nhân, tôi sẽ nói lên hết bao nhiêu những gió trắng hoa mộng, cũng như bao nhiêu những máu sắt phong yên mà gò Mai-Sơn này đã đứng đây chứng kiến, khoảng trăm năm, từ 1859-1860, cho đến năm nay, 1959-1960. Suốt một thế-kỷ to lớn của lịch-sử rồi đây.

« Bao nhiêu dĩ-vãng đã trôi qua. Đã bao phen thay triều đổi họ. Lâu dài cũng đã là lâu dài, mà ngoảnh đầu chớp mắt, thương hải chử tang điền, nhanh chóng cũng đã là nhanh chóng quá

« Tôi sẽ say-sưa tả vẽ lại bao nét linh-động từ khi cánh hoa mai, ở đây, đã từng rơi hương nhả ngọc vào ao mực nghiên sơn, đã hòa lẫn hương trời sắc nước vào men rượu khói trà, đã gây nên bao nhiêu cảm-hứng tuyệt vời, trong cuộc hào-ngâm thẳng-thường, cho những tay « rượu thánh thơ thần ».

« Có ngờ đâu, một mối xa thư gầy nát, « *cỏ cây mấy dặm sầu giăng* » Chùa Mai-Sơn, cũng như « *Chùa Lão-Ngộ, năm canh ửng đống lạnh, tấm lòng son gởi lại bóng trăng tròn* ».

« Rồi thì, ở đây, hoa mai này cũng đành để cánh ngọc hương thần cho gót sắt của đế-quốc xâm-lặng dầy séo, mình ngà vóc ngọc cho tay lang sói phủ-phàng.

« Máu gió hôi tanh đã hoen-ố tấm lòng trinh bạch.

« Than ôi ! *Danh hoa linh-lạc vũ trung khat,* nghĩ mà kinh hoàng thay cho bao

áng nhược chất diễm-kiêu, lỗ sinh giữa thời ly-loạn.

« Rồi cũng ở đây, từ đó, gió sớm trăng khuya, xương mai gãy-gỗ, phẩm tiên rơi đến tay hèn, thì cảnh xuân đành để cho người chuyên tay, tay hung bạo, tay tham tàn nào mà không đem dày-dò đời chác được, giữa chợ trần-ai ong bướm chán-chường.

« Rồi cũng ở đây, rất gần đây, hoa mai lại được hớn - hờ đón gió vinh - quang kháng-chiến, nở nụ chiến thắng huy-hoàng. Chim gió reo vui hoa lá tung bùng. Núi tanh sông đục, chừ đây, sông núi lại trong xanh, để cho giữa trưa hôm nay, một người thanh niên binh-sĩ và một kẻ lão-đại thư-sinh được ung-dung đến cúi đầu đưa tay nung húng lấy sắc cũ hương xưa, hương sắc thần-tiên của chùm hoa đất nước.

« Chất ngọc hồn băng tưởng đã nhàu nát tan tành, mà sung sướng thay, hãy còn nguyên vẹn. Thiên-thư định phận, trăm năm gương vỡ lại lành.

« Một giọt nước mắt cảm-khái, xúc động bởi vui mừng, tự-nhiên nhỏ giọt trong lòng hoa dân-tộc... »

Ai đọc hai đoạn văn trên đó, mà không thấy những chất ngọc hồn băng, mình ngà vóc ngọc, là hình ảnh của bao liệt-nữ-tiết phụ kiên trinh đã chịu đựng trong cảnh đất trời gió bụi.

Sao ai chẳng nhìn thấy sương tuyết băng trinh của lòng hoa dân-tộc bị hoen ố dày-vò mà cảm thương cho thân phận.

Sao ai chẳng nhìn thấy hương sắc thần tiên của chùm hoa đất nước đã được hớn-hờ đón gió vinh-quang, nở cười chiến thắng mà cùng chim gió reo vui.

Cũng vì không chịu nhìn thấy diễm sâu xa ý nhị đó, mà có người đề nghị : « chặt phăng góc mai đó đi, búng cho hết rễ. »

*
* *

(Còn tiếp)

ĐÔNG-HỒ

- ★ Hiềm nguy và tranh đấu luyện nên tinh-thần tập thể, tuy nhiên nỗ lực của tập thể nếu không đem lại thành công tất sẽ sinh ra thất vọng và tan rã ngay. Do đấy, người cầm đầu xứng đáng không những cần phải đưa hiềm nguy ra cồ-xúy mọi người, mà còn phải trình bày với mọi người những thắng lợi đã thu lượm được, để chứng tỏ tập-thể đã đi đúng đường lối và có khả năng thành công rực rỡ (A. Carrard).
- ★ Biết thềm giá đúng mức giá trị của một người là biết làm phát sinh ra ở nơi người ấy lòng tự hào về những công việc sáng tạo của họ, là biết động viên những năng lực quý báu bậc nhất của họ, là biết phân biệt và xác định công việc nào làm với tinh-thần phụng - sự và công việc nào làm với tinh-thần nô-lệ (Courtois).

LẠI NÓI CHUYỆN

VỀ THƠ CÓ THỂ VÀ THƠ TỰ - DO

ĐOÀN-THÊM

(Tiếp Bách-Khoa số 87)

KHI Lung bào chữa cho các thể thơ và văn điệu, tôi thấy bạn đưa ra những lý lẽ khó lòng chối cãi, hơn nữa, còn được nhiều văn-nhân thi-sĩ hiện đại có tiếng ở phương Tây xác nhận trên lý-thuyết cũng như trong thơ của họ.

Đòi với đa-số, thơ phải có nhạc hoặc còn ở nhạc-điệu nhiều hơn ở tình ý. Mallarmé đã điều hòa âm-thanh của tiếng nói một cách tài-tình, không những để gây mỹ-cảm, mà chính để gợi ra thơ phảng phất trong hồn, ông không chú trọng lắm đến ý nghĩ nhưng đến âm-hường dư dương lựa lọc trong ngôn-ngữ để tìm « *La musicalité de tout* »; thơ đòi với ông, là sự diễn tả những huyền-bí của cuộc sống bằng tiếng nói của

loài người, nhưng đây là tiếng nói theo nhịp điệu thuần-túy của nó; « *La poésie est l'expression par le langage humain ramené à son rythme essentiel, du sens mystérieux de l'existence.* »

Verlaine cũng viết một câu mà bao người đã thuộc: « Nhạc trước hết ». (*de la musique avant toute chose*) mà nhạc ở đây, tùy âm-hường của tiếng và văn điệu.

Nhiều thi-sĩ khác cũng thừa nhận với học-giả Alain, rằng khi làm thơ, thì cái « hứng » thành điệu theo nhịp trước khi hiện ra chữ, ra câu: « *L'harmonie des vers préexiste à leur sens* » (1).

(1) Xin coi *Le Génie humain = Poésie pure* = M. Pradines.

Chính nhiều vị mới đây đã từng làm thơ tự-do, hoặc chủ-trương phá thể, cũng lại quay về thể, hoặc theo cả hai lối: đó là trường-hợp G. Apollinaire, P. Eluard, A. Breton, J. Supervielle, J. Cocteau, L. Aragon v.v... (1).

Bạn Công không thể nào bảo rằng theo vấn đề cũ là có óc phong-kiến bảo thủ, vì chẳng ai hoặc cái gì có thể bắt buộc những nhà thơ kể trên dùng những thể cổ như « alexandrins », nhất là đối với người lãnh-đạo nhóm Siêu-Thực như A. Breton, hoặc đã tiếm nhiệm cả chủ-nghĩa mác-xít như L. Aragon, và ai dám chê bai thi-tứ hay ý-tưởng cách-mạng của các thi-nhân đó là cổ hủ với giọng điệu cũ vì thể cũ?

Đã bao thế-kỷ, nhiều nhà thơ có tài, tuy theo thể và dùng vấn đề, cũng sáng tác nổi những thi-phẩm mà hậu thế vẫn còn ngậm vịnh. Chúng ta chưa thấy những tập thơ tự-do nào đạt được tới mức Lý-Bạch, Đỗ-Phủ Nguyễn-Du, Musset, Mallarmé...

Hỏi nhỏ, Công chơi nhảy dây với các bạn, không chịu tập, lúng-túng ngã nhào, lại đổ tội cho dây vướng víu; lớn lên, Công làm thơ, ngại tốn công luyện, viện cớ thể thơ ràng buộc.

Song tôi cũng mong Lung mở rộng tâm-hồn, đừng gạt bỏ thơ tự-do, nhưng thành-thực nhận chân khả-năng của nó. Có lẽ Lung quá quen

đọc thơ thể, và chưa gặp những bài tự-do có giá-trị để ưa thích. Thơ tự-do tuy còn ít, theo ý tôi, cũng đáng chú trọng. Tôi chỉ xin kể qua một vài tí-dụ ngắn, và rất tiếc khi dịch không lột hết được cái hay.

« Vẫn một cuộc đời trôi trong muôn vật

« Như giữa dòng sông êm đẹp

« Và chúng ta vẫn hoài mơ cùng một giấc mộng xưa »

Comme un beau fleuve

Entre toutes choses la même vie coule

Et nous rêvons le même rêve.

(La chanson d'Eve —
Ch. Van Lerberghe)

« Ôi, phải làm sao cho các tiếng kêu và sức động

« Nhập cả vào thơ tôi và nói lên

« Cho tôi cuộc đời khôn tả, cuộc sống

« Ngây thơ của nhi-đồng không muôn hiểu biết chi hết

« Ngoài niềm hy-vọng vô-biên vào những sự mơ hồ !... »

Ah, il faut que ces bruits et ces mouvements

Entrent dans mes poèmes et disent Pour moi ma vie indicible, ma vie,

D'enfant qui ne veut rien savoir sinon,

Espérer éternellement des choses vagues

(Poésies de A. O. Barnabooth — Valéry Larbaud)

Sông dù băng giá

Vẫn cắt đôi vắng trắng

(1) Tỉ - dụ :

các bài

Tristesse d'une étoile

G. Apollinaire

Jeu de Construction

P. Eluard

Le matin du monde

J. Supervielle

Plain - chant

J. Cocteau

Le Musée Grévin

L. Aragon

Titre

A. Breton

Khi hạ cánh rồi
 Tôi còn tưởng vẫn bay cao hai
 ngàn thước

Ôi lạ thay
 Tôi ngỡ những bụi cỏ cánh đồng
 Là một rừng sâu!

Le fleuve même pétrifié
 Coupe net en deux la lune
 Lorsque nous atterrîmes
 Je crus que nous volions encore
 à deux mille mètres

Ô surprise
 Car pour une forêt profonde je
 prenais

Les bruyères de la prairie
 (Le Cap de Bonne Espérance —
 J. Cocteau)

« Cây cối như tươi cười
 « Giọt nước rung rinh ở đầu
 chiềc lá

« Một áng mây trôi qua đêm thanh
 « Trước nhà, một kẻ nào ca hát
 « Yên lặng từ từ, cánh cửa sổ hé
 ra . . . »

*Les arbres ont l'air de sourire
 L'eau tremble au bout de chaque
 feuille*

*Un nuage traverse la nuit
 Devant la porte un homme
 chante*

(P. Reverdy)

Hắn Lung cũng nhận cùng tôi rằng
 những cảnh những tình trong những
 đoạn kể trên, tuy không theo những
 điệu vẫn quen thuộc, cũng gợi cho ta
 những cảm-giác nhẹ-nhàng tê-nhị, với
 một giọng bình-dị hồn-nhiên, và nhất

là cảnh yên tĩnh nhưng hơi rờn rợn
 ban đêm trong vườn vắng của P.
 Reverdy.

Như vậy, nếu thể thơ giúp cho thi-
 nhân làm nổi bật vẻ đẹp và dễ truyền
 cảm vì du dương thánh thót, thể với
 hồn thơ không cần đi đôi với nhau :
 ưa hay không, Lung và tôi cũng phải
 nhận một cách khách-quan.

Lung muốn đi xe lửa tới một tỉnh
 xa. Công lang thang, lúc rẽ sang đôi
 tay trái, lúc tạt qua cánh đồng tay mặt,
 tùy ý phiêu du không đường nhất
 định, không ngồi yên trong toa tàu,
 chẳng sợ bánh xe trật khỏi đường sắt
 thẳng tắp hay cong cong nhưng vẫn
 song song sánh nhịp.

Ngay thẳng, vuông tròn, dĩ-nhiên
 cũng là yếu-tố sự đẹp, song là của sự
 đẹp nhân-tạo hay của con người thì
 đúng hơn : của cái hộp, cái bàn, nhà
 cửa, của nhân-thể, sinh-vật. Nhưng còn
 cái đẹp thiên-nhiên không thể theo
 hình toán-học được. Rặng cây hàng rào
 công-viên xen cắt đều thì ngoạn-mục,
 song ngọn cỏ loà xoà, nhánh lan ngắn
 dài phơ phất ở vệ đường góc núi,
 cũng rất nên thơ và có như vậy mới
 nên thơ ; mây lưng trời chẳng tròn
 vuông ngay ngắn, nhưng đẹp vì hình
 sắc biến hoá vô-cùng.

Không chủ trương phá thể như Công,
 tôi vẫn thừa nhận với Lung giá-trị của
 các loại thơ cũ có vần có điệu. Song,
 đồng ý với Công, tôi thấy thơ vẫn có
 thể hay, dù lan tràn ra ngoài khuôn
 khổ thi-pháp.

*
 * *

Tuy-nhiên, tôi chẳng hoan nghênh Công khi bạn đòi hỏi một quyền tự-do không bờ bến. Vì bất-cứ ở phạm-vi nào, dù nghệ-thuật, luân-lý hay chánh-trị, tự-do của con người không thể tuyệt-đời, phải có giới-hạn.

Giới hạn đó khó lòng vạch ra một cách máy móc như trên mặt đất hay bản địa-đồ, mềm dẻo song vẫn có. Công đừng lý luận như nhà toán-học mà bẻ lại tôi, nếu tôi nói chỉ có thể tùy trường-hợp mà liệu thấy giới-hạn bằng cảm-giác hay trực-giác, vì ở nghệ-thuật, những sự - kiện nấy cần nhiều hơn lý-trí khoa-học, và ở một phạm-vi mệnh-mông, khó tránh được sự mơ hồ dò dẫm.

Cồng cứ việc làm thơ không theo thể, không vần điệu, tha hồ tìm tình mới, ý mới, tiếng mới, vì như vậy mới dễ tiên. Nhưng nhiều bạn xin Cồng hãy gọi cho những hình ảnh màu sắc nào vừa đẹp vừa đúng với cảnh tình, và dấu mộc-mạc cũng đừng khiến cho độc-giả Việt-Nam phát ngượng hay phẫn nộ hoặc thấy tầm-thường quá: về phương-diện này, Cồng chẳng nên bắt chước ngoại-nhân.

Tôi rất tiếc rằng một số thi-nhân nổi tiếng, mà tôi cũng đôi khi thán phục, đã nói đến những sự và dùng những lời rất thiếu thanh-nhã đối với tâm-hồn một người Việt-Nam thường thường như tôi. Có lẽ nhiều đồng-bào của các vị vẫn tán thưởng, nhưng ta nên mặc họ với tính-tình phương Tây của họ. Riêng tôi, dù bất-đắc-dĩ phải trích ra để dẫn chứng, cũng không đủ can đảm dịch những câu thơ sau

ra tiếng mẹ đẻ, tiếng của nước mây ngàn năm văn-hiến.

.....
 Ma femme aux *hanches* de nacelle

 Ma femme aux *fesses* de dos de cygne

 Ma femme au *sexe* de placer et
 d'ornithorynque

(Ma femme à la chevelure de feu de bois André Breton)

.....
 Monde érotique qui pâme et brûle
 Monde à rassembler et à faire
 mousser *les mamelles*

Monde à rappeler la *mort séminale*
 qui s'en allait
 *Uréthral, urinaire*

Issu du *sperme* funéraire de la
 pensée.

(Lettre contre la Cabbale—A. Artaud)

..... leur odeur charnelle

Qui palpite et s'émeut comme un
sexe femelle

(Le jupon — Oeuvres poétiques —
 p. 577 — G Apollinaire)

.....
 J'abandonne à ses cris à ses *vagues*
 de *sperme*

Le monde avec ses murs de chair.

(Le chiffre sept — Poèmes P. 198—
 J Cocteau)

Ngoài những câu nói về các bộ-phận sinh-dục, còn những lời những tiếng khó nghe đối với tai người Việt-Nam, hoặc chẳng gọi gì đẹp hết :

— voyou : thằng du côn :

(Chanson du Mal Aimé —
G. Apollinaire)

— Café-crème : cà-phê kem

— pâté, sardines : ba-tê, cá sac-đin
(La grasse matinée J. Prévert)

— pharmacie : tiệm bào chề

(La crosse en l'air — J. Prévert)

Những câu thơ sau, có lẽ được một số thanh-niên Pháp ca tụng, nhưng nếu Công phỏng theo để làm thơ Việt-Nam, chắc cũng không lấy gì làm hay lắm, dù sao cũng chẳng hơn thơ « con cóc ngồi đây » của ta :

Nó đã bỏ cà-phê II a mis le café

Vào cái chén Dans la tasse

Nó đã bỏ sữa II a mis le lait

Vào cái chén cà-phê Dans la tasse
de café

Nó đã bỏ đường II a mis le
sucre

Vào cà-phê ô lê Dans le café
au lait

(Déjeuner au matin — M. Prévert)

v.v...

Dù các bài các câu thơ thuộc những loại kể trên có giá-trị đến đâu chẳng nữa về phương-diện khác đối với người phương Tây, giá-trị đó cũng khó lòng được thừa nhận ở đây vì không thích-hợp với tinh-thần cồ-hữu của chúng ta. Nếu Công chề giễu là « đạo-đức giả » oặc « cồ hủ » thì tôi đành chịu, còn hơn là nói đến nghĩ đến những điều không xứng với ý-nghĩa cao quý mà dân-tộc ta vẫn có về văn-chương.

*
* *

Dù sao, quan-niệm nghệ-thuật của Công rộng rãi hơn của Lung nhiều. Lung mong đợi những thích thú, ở thơ cũng như ở tranh, Công đòi hỏi những xúc-động sâu và mạnh, cho nhà thơ trước, cho độc-giả sau, dù kinh khủng, kỳ quái, rùng rợn hay ghê tởm... Công có thể tiến theo đường lối phương Tây.

Đôi với nghệ-sĩ Đức, Ý, Pháp... một con ngựa chết lẩn, một cái thây trần truồng, những thân thể quằn quại trên chiếc bè lênh đênh mặt biển (Le Radeau de la Méduse)... cũng có thể vẽ thành bức danh-họa : đó là trường-hợp Géricault. Cảnh « Thiên đường ở hạ-giới, Jardin des délices terrestres » của J. Bosch hay cảnh địa-ngục của Signorelli (Les damnés en Enfer) chẳng có gì thơ mộng đối với người không hiểu hội họa : lúc nhúc những đàn ông khóa thân gục ngã hay bò lê cạnh những bộ xương và sọ người ; thế mà họa-sĩ đã nổi tiếng vì các ảo-ảnh hãi hùng đó. Theo Công, tại sao làm thơ không thể như vậy ? (1)

Nếu chỉ nghĩ như Lung, tất chẳng thể có những bức họa kia, hoặc những thơ kịch, vì kịch có mục-đích vừa gieo khủng khiếp vừa gợi lòng thương (l'horreur et la pitié). Lung còn quên rằng một chiếc đầu lâu đẫm máu dưng trên bàn tiệc, đã khiến J.M. de Hérédia tả một cách rất sống

(1) Đã từ lâu, đối với đại-đa-số họa-sĩ, cảnh vẽ hay đề-tài (le sujet pittoresque) chẳng đáng quan-tâm. Sự tối-quan-trọng ở một bức tranh, là cách thực hiện diễn tả, là sức mạnh cảm xúc và tài-nghệ riêng của họa-sĩ... (le pictural).

động trong « Les Trophées, La revanche de Diego Laynez ».

Nói một cách khác, Nàng Thơ của Công có thể ở hang hốc rừng sâu, lội bùn, leo cây, thoa phấn, hiện hình người ngọc là lời thành con hổ-tinh nhẹ nanh hút máu, quaycuồng giữa gió gấm sóng cuộn trong bão táp, chập chờn trong bóng tối hoang mang mà quặn đau gào thét... Nàng Thơ của Lung như một tiên-nữ xinh tươi, ca hát nỉ non, thánh thót, rền rĩ, hay múa lượn nhịp nhàng. Nếu tôi không lầm, thì Nàng của Công dù đáng phục hay đáng sợ, cũng vẫn có người say mê; nhưng Nàng của Lung, có lẽ dễ được đa-sò chúng ta ưa mến hơn. Muốn vẽ Nàng của Công, nên nhờ Dali hay Picasso, vì Nàng có thể mở một mắt giữa lưng, hoặc có tóc mọc lờm chờm như rễ cây trên vai; song nàng của Lung nên nương cho nét bút lỏng lẫ quyên rũ của Corrège hay tinh-vi ý-nhị của Ingres, dù sao nàng cũng gần gũi chúng ta hơn.

Sự đòi hỏi tung-hoành của Công, dựa vào chủ-nghĩa cá-nhân của bạn, không kể đến tâm-hồn chung của dân-tộc. Tâm-hồn đó, dù đã biến đổi và

phức-tạp với nhiều nhu-cầu thắc-mắc hơn xưa, cũng chưa đến nỗi đi tới chỗ hoang mang rối loạn của phương-Tây.

Sự rối loạn hoang mang đó đã xảy ra vì thời-cuộc hậu-chiến cũng có (l'âge de l'angoisse) nhưng cũng vì khá nhiều nghệ-sĩ phương Tây sử-dụng tự-do một cách quá trớn. Những vị đó đã nghi ngờ hoặc đã phá tất cả các giá-trị cũ, giá-trị đạo-đức, trí-tuệ, kiên-thức, cảm-giác, những căn-bản để xây-dựng mãi mới được một trật-tự mà họ coi là giả dối, một văn-minh hiện-đại trong đó họ chỉ thấy vô-lý, vô-nghĩa, vô-hồn. Họ ngạo-nghe khinh rẻ và phủ nhận những tâm-tình lý-tưởng mà ta còn tin là trong sáng, cùng tất cả ngoại-cảnh ngoại-vật mà họ coi như vu vơ lảm lạc chẳng gì tốt đẹp nữa. Họ rần thân vào những khu-vực huyền-bí, ngộ tưởng rằng nhà thơ có thể bước tới và khám phá những u-ẩn của tiềm-thức, những hình-ảnh quái-dị của tâm-hồn kẻ mắc bệnh thần-kinh (névrosés) hay thơ dại (primitifs, naïfs), những kỳ-diệu của sự phát sinh các khuynh-hướng, ý-thức, tình-cảm. Rồi họ cồ dưng lời nói một

- ✱ Không gì cứu gỡ một người đang tuyệt vọng mạnh cho bằng cảm tình của kẻ bề trên đối với người ấy, nhất là khi cảm tình phát sinh do lòng mộ mến một người có giá trị, biết làm việc một cách mẫn cán.
- ✱ Tặng quá nhiều quà-cáp cho nhân viên là điều không hay. Cố nhiên, đôi khi nên tưởng thưởng công lao của họ một cách tích cực và cụ thể. Song không nên luôn luôn tưởng thưởng tinh thần phục vụ của họ theo cách thức đó vì là cách thức có thể làm giảm giá lý tưởng của họ đi. (Courtois)

cách khác thường mà diễn tả, với tham vọng vô-biên lột trần sự thực, việt-thực, siêu-thực, siêu-hình. Đã như vậy, thì cái gì chẳng có thể nói tới? tiếng gì cũng có thể dùng, chẳng còn hay dở xấu đẹp chi nữa.

Lung và tôi còn « thành-kiến » chọn lọc, còn muôn phân biệt ác, lành, thấp cao và nhất là xấu, đẹp, vì theo chúng tôi, nghệ - thuật chỉ có ý - nghĩa nếu giúp cho đời sống con người thích thú sáng tươi hơn. Song các nghệ-sĩ kể trên không tin ở tiêu-chuẩn nào nữa, nghệ-thuật đối với Công, không còn là sự đi tìm Đẹp, với những ý-niệm thẩm-mỹ (Esthétique) mà bao đời trước đã dần dần nhận chân và tổng hợp. Nghệ-thuật đối với họ chỉ là phương - tiện tìm hiểu mà chơi, những huyền-bí của sự vật, song song với khoa học (un moyen de connaissance), để dẫn tới những thế-giới kỳ-ảo mà người thường chẳng thấy: trong thế-giới đó, đầy rẫy các sự xấu xí, quái gở, chớ không cứ phải có cái Đẹp nhận được bằng giác quan. (1).

(1) « Le rôle de l'artiste sera donc de créer un organisme ayant une vie propre puisée dans la sienne, et non pas destiné à surprendre à plaisir ou à déplaire, mais à être assez actif pour exciter des sens secrets ne réagissant qu'à certains signes qui représentent la beauté pour les uns, la laideur et la difformité pour les autres. Tout le reste ne sera que pittoresque et fantaisie, deux termes haïssables dans le règne de la création artistique » (J. Cocteau)

(2) Xin coi « Jardin des Arts = numéro spécial 1960. »

« Sự khám phá quan-trọng của các nghệ sĩ thế kỷ thứ 20, là người ta có thể thành nghệ-thuật với bất-cứ cái gì » (La grande découverte des artistes du XX^e siècle, c'est qu'on peut faire de l'art avec n'importe quoi.

= Alain Jouffroy = Les théories inventées par les peintres du XX^e siècle.

Công đã chịu nhiều ảnh-hưởng của những thi-nhân kiêm họa-sĩ nhóm Siêu-thực, như Henri Michaux, Miro, và những nghệ-sĩ gạt bỏ hết tất cả các qui-luật căn-bản nghệ thuật của 20 thế-kỷ trước, để tha hồ buông thả tâm hồn, lời nói hay màu sắc, không cần ý-nghĩa gì, bằng bất cứ lời nào: tùy hứng nghếch ngoạc mây vệt mây nét, miễn là thấy hợp với tâm trạng mình (như Kandinsky — tranh L'arc noir) bôi mây miêng vôi lên vải với những hình lệch lạc méo mó như miêng giấy cắt không đều (như Serge Poliakoffe). Thế cũng là họa phẩm (2). Xếp liền nhau lung tung chữ nọ chữ kia và ghi những cảm tưởng hỗn độn mà mỗi chữ gợi ra: thế cũng là thơ, tỉ như bài sau đây của Eluard « nhà thơ thuần-túy »:

« Tiếng *maisonnette* (nhà nhỏ)

« Người ta thường thấy

« Ở các mục rao hàng trên báo, trong những bài hát

« Nó có những nét giản, đó là một ông già mặc áo trá hình

« Nó đeo chiếc đê ở ngón tay, đó là một con vẹt đứng tuổi.

.....

« Tiếng *créole* (người da trắng sinh ở thuộc-địa)

« Toàn bằng chắt điên-điên nút chai trên sa-tanh

.....

« Tiếng *baignoire* (thùng tắm) bị kéo đi

« Do những con ngựa hoàn-toàn, xấu hơn những chiếc nạng chông của người què

.....
« Tiếng *forteresse* (thành trì) sự tinh quái vô-ích

.....
« Tiếng *garçon* (con trai) như một hòn đảo nhỏ.

Le mot *maisonnette*

On le trouve

Dans les annonces des journaux
dans les chansons

Il a des rides c'est un vieillard travesti

Il a un dé au doigt c'est un perroquet mùr

.....
Le mot *créole* tout en liège sur du satin

.....
Le mot *baignoire* qui est trainé

Par des chevaux parfaits plus laids que des béquilles

Forteresse malice vaine

.....
Le mot *garçon* comme un ilot

Cours naturel - P. Eluard)

Công đã bảo tôi:

— Nhạc-sĩ cứ chấp các âm-thanh *do, ré, mi, fa, sol*, chẳng có nghĩa gì, thề mà gọi ra vui buồn. Họa-sĩ bây giờ xếp các màu xanh đỏ trắng vàng... chẳng cần giống hình thể đồ vật gì, cũng gọi buồn vui... Thề thì nhà thơ cũng cứ ghép chữ, không cần thành câu thành nghĩa gì, cũng đạt được kết-quả như nhạc-sĩ

họa-sĩ sao lại cảm? Cần nghĩa, cần đề-tài, tức là còn phải dùng lý-trí: cứ để mặc cho chữ gọi cảm lan man một cách tự-nhiên, thề là nghệ-thuật thuần-túy.

Không muốn đi xa quá vào phạm-vi Nhạc và Họa, vì e lạc đề, tôi chỉ lưu-ý Công về một điểm:

Âm thanh và màu sắc của tạo-hóa được cảm ngay khi tai nghe hay mắt nhìn, nên có thể xúc-động trực-tiếp không cần ý-nghĩa. Nhưng mỗi chữ của loài người, đã bao đời trót mang nặng một vài nghĩa nhất-định, mỗi khi nghe, nhìn, chúng ta nghĩ đến nghĩa mà không chú trọng tới cảm-giác riêng do mỗi chữ gieo rắc vào thần-kinh.

Khi đọc câu: « *Ngày xuân con én đưa thoi* » chúng ta thường nghĩ ngay tới cả một tiết êm đêm đầu năm, tức là nghĩ đến nghĩa, chớ không xúc cảm vì từng tiếng riêng trừ phi ở trường-hợp có chữ mới lạ hay chướng tai.

Nhìn riêng một miếng giầy miếng vải màu xanh hay màu hồng nhạt, nghe riêng một tiếng « *do* » trầm hay tiếng « *mi* » thấp ta còn có thể tùy tính-tình cá-nhân mà thấy ưa hay ghét, buồn hay vui...

Nhưng có những chữ, nếu đứng một mình, khó lòng gọi gì đẹp; như nếu chỉ đọc mỗi một chữ « *ngày* », hay nghe riêng một tiếng « *con* », tôi chẳng thấy gì hết. Tôi chỉ hiểu khi nó nằm giữa câu, để hợp với những chữ khác, mà thành một nghĩa cho tôi hiểu cả câu, thì mới thấy thích hay không.

Vì thế, không thể ví chữ với sắc hay thanh mà dùng chữ lung tung, song phải theo thứ-tự xếp đặt của lý-trí, thì người đọc mới lĩnh hội được.

Và chẳng, dù có chấp tiếng, cũng cần chọn lọc, mặc dầu Công ghét chọn lọc. Vì nếu mỗi âm mỗi sắc riêng biệt chẳng có nghĩa gì, thì rất nhiều chữ đã từ bao đời, đã được phân loại xấu đẹp, thô tục hay thanh nhã... Nghe hay đọc chữ «*đống rác*» chúng ta thường nghĩ đến những cái gì lộn xộn, dơ bẩn, hôi hám, ghê tởm. Trái lại chữ «*mây*» khiến chúng ta liên tưởng đến gì nhẹ nhàng, êm đềm, có màu sắc... Vì thế phải chọn lọc không thể «*thành nghệ-thuật với bất-cứ gì và theo bất-cứ cách nào*».

Sau hết, nếu theo đường lối đó, nghệ-sĩ muốn thử xem mình cảm thấy gì, thăm dò đáy lòng mình hoặc đưa tâm-hồn phiêu lưu vơ vẩn đến cõi bí-mật, thì cũng chẳng tới nào: chính những người như Mallarmé, Valéry, hay Cocteau mới đây, đã nhìn nhận sự bất-lực, và rốt cuộc, chỉ dùng thơ để diễn tả gọi là, nỗi khổ tâm thất bại:

« Nếu khách du-hành đi sâu vào
đêm tối đáy lòng mình

« Khách chẳng thể đạt tới đích

« Một thần-tượng canh giữ cõi
huyền-ảo, và chỉ cho biết bí-mật

« Bằng đôi mắt cú trợn trừng »

*Si dans sa propre nuit le voyageur
s'enfonce*

« Il n'en peut atteindre le bout

*Un Sphinx garde la porte et ne donne
réponse*

Autre que ses yeux de hibou.

(Extrêmement. J. Cocteau)

*
* *

Hay là Công hãy nhũn nhặn hơn, vui lòng nhận rằng tài trí và tiếng nói của con người có hạn, không thể dùng thơ mà xé màn bí-mật của Tạo-Công? Nếu vậy, thì quay trở lại đường Mỹ-thuật mà tìm thêm các vẻ đẹp có thể thấy bằng giác-quan? (le monde sensible).

Song nếu đã chịu như vậy, thì chúng ta liệu xa lánh những ngõ ngách đen

* Rất ít có người lãnh đạo biết bày tỏ đúng lúc sự hoan hỷ của mình về một nỗ-lực đáng khen hay một công việc đáng thưởng.

Họ đi từ nguyên tắc công việc «*phải*» làm cho có kết quả và khi nào họ không nói gì tức là họ đã tỏ ra bằng lòng về công việc đó rồi. Điều ấy rất đúng, nhưng họ quên mất rằng: người dưới quyền bao giờ cũng cần người trên tỏ ra hoan hỷ khi thấy công việc đã thật-hiện được viên mãn (A. Carrard)

* Ta có thể nhờ được một người giúp ta tận tâm, nếu ta biết nói với họ: «*Tôi xin anh cố gắng, vì tôi biết anh có khả năng làm nổi việc đó*».

tôi và đứng theo bước nhiều thi-sĩ phương Tây. Chúng ta cùng tìm những lối khác sáng sủa hơn, trong trời đất, ở tâm-tình lý-tưởng mà cảnh tạo-vật hay cuộc nhân-sinh gợi ra, và nếu thay hướng, đổi đề-tài, tất phải lựa chọn cách diễn tả để gợi hứng thú « *trót nợ vì thơ phải chuốt lời* » như Nguyễn-Công-Trứ nhà ta đã nói.

Con cháu Malherbes hay Ronsard có thể nghĩ bừa nói bậy. Nhưng trong máu huyết ta, chắc cũng còn dư lại giọt hồng trong sạch của mây trăm đời thanh-khiết, và ngôn-ngữ ta cũng vẫn có vẫn còn những âm thanh thuần-nhã mà Tây cũng say sưa nếu được học ta.

Nói thế chẳng phải tôi thiên lệch mà bênh vực gì Lung. Vì tôi cũng mong Lung mở rộng hơn vũ-trụ thơ cho hồn bay bổng. Nếu kiểm điểm lại để so sánh với ngoại-quốc, chúng ta đều thấy còn nhiều ngã đường mà ta chưa đưa chân tới, tuy có thể theo. Sao ta chỉ hay lẩn quất quanh nổi khát-vọng yêu đương để buồn vui bằng lời cũ hay tiếng mới? Còn những hình ảnh các thế - đại chưa từng được ngọn bút nào tả rực rỡ như J.M. Herédia, những vẻ đẹp của núi sông đất nước mà ta chưa khám phá hết; nhiều tâm tình mệnh mang bển bĩ trong hồn Việt còn đợi chờ những vần điệu như của De Régnier, Péguy, F. James, Verhaeren... những cảnh vật gợi cảm êm đềm, thiết tha, tề-nhị chưa thấy ai tả được như Mallarmé, Verlaine, Samain... Chúng

ta cần nhìn nhận và tìm kiếm nhiều hơn ở quanh ta và ở mình ta, và dùng tiếng nói thế nào để khi đọc, bà con đừng ngộ tưởng là những câu dịch ngô nghê gán nguyên-văn chữ nước ngoài.

Thơ ở Pháp cũng như ở các nước Tây Âu, từ 1950 tới nay, đã rời bỏ dần những đường lối siêu-hình siêu-thực để trở lại gần con người và đại-chúng (1) hơn nữa, nhiều thi-nhân học-giả đã lo ngại về những thói ngông cuồng, nên bản khoán hỏi nhau : « chúng ta đã tròn tránh những lẽ lỗi được công-nhiên thừa nhận, để rơi vào tình-trạng rời ren hỗn độn hay sao? (*N'avons-nous fui l'académisme que pour tomber dans l'incohérence?*) ».

Tôi thiết nghĩ chúng ta cũng cần suy ngẫm nhiều hơn, về câu hỏi mà Pierre de Boisdeffre đã đặt.

Về phần riêng tôi thiết nghĩ : muốn giải quyết vấn-đề thơ, cần tiên quyết về vấn-đề con người. Nếu tâm-hồn chúng ta hướng về cao thanh khiết tinh như ông cha thời trước, thì tự-nhiên thơ ta trong sáng êm đềm. Nhược bằng chúng ta quá thiên về tình dục hay huyền-bí, tất thơ ta có thể buông tuồng vắn đục hay tối tăm. Lòng khát - vọng một trật-tự trong vũ-trụ hay giữa xã-hội để đưa tới mục thước để nhắm vào thẳng-bằng trăm

(1) Xin coi « L'avenure intellectuelle du XX^e siècle » của R.M. Albères. 1960

« Une histoire vivante de la littérature d'aujourd'hui » của Pierre de Boisdeffre. 1958.

tình; ngược lại, những cuồng-vọng quật khởi và những bất-mãn trước mọi hình-thức trật-tự, hay xô đẩy đến ý-tứ và lời — lẽ vụng vẩy tung hoành.

Công hay Lung sống hoặc muốn sống thế nào, thì lời thơ như thế.

Trong cuộc sống, bảo thủ cần thiết để tích lũy tinh-hoa thời trước mà rút kinh-nghiệm xây dựng hơn là nhắm mắt theo đòi. Song những trào lưu phản-ứng để cải cách, mặc dầu khó tránh đồ vỡ, cũng rất cần cho tiến-hóa của loài người. Dù sao nệ cổ hay nệ kim, thì chỉ đi tới mô-phỏng, chưa phải là sáng tác.

Lung và Công mỗi người cứ theo chân-thành của mình. Điều tối-yếu là đừng ai khăng khăng phủ nhận đã kích tất cả phương-pháp của người không giống mình. Mỗi quan-điểm, mỗi thí-phái đều có phần ưu phần khuyết, và trong nghệ-thuật vô-biên, không ai đủ tư-cách định luật muôn năm, vì ai cũng có thể làm và tài giỏi đến đâu, cũng chỉ đạt nhiều ít ở một khu-vực nào đó: mấy ngàn năm văn-hóa-sử vẫn còn kia.

Dù sao, Lung, Công và tôi, chúng ta vẫn là người Việt-Nam.

Đ. T.

Đính chính

Trong B.K số 87 bài « Lại nói chuyện về thơ có thể và thơ tự do », chúng tôi có đề những lỗi sau đây, mong các bạn đọc sửa giùm:

— Trang 48, cột 2 dòng 7 :

Bercent mou coeur, xin sửa là : Bercent mon coeur.

— Cùng trang, cột, dòng 8 : d'une languer xin sửa là d'une langueur.

Trang 51, sát cuối cột 1 : vững với toàn thể, xin sửa là xững với toàn thể.

— Cùng trang, cột 2, dòng 22 xin bỏ dấu chấm ở sau chữ chẳng : phải chẳng Công muốn

Trang 52, cuối cột 1, câu : đề chống đỡ sự lập dị, xin đọc đề chống đỡ cho sự lập dị.

VẤN-ĐỀ PHẬT TRẺ EM

trong phương-pháp giáo-dục hiện tại

* NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

TA có thể quan niệm một phương pháp giáo dục mà không cần phật, hay nói cho đúng ra, không phải đề-cập đến vấn-đề Phật được không ?

Từ bao nhiêu thế-kỷ nay, ở Đông cũng như Tây, tất cả các phụ-huynh và các nhà mô phạm, kể cả những vị rộng rãi nhất, đã không ngần ngại trả lời : *không*. Không thể nói đến giáo-dục mà khỏi nghĩ đến phật được. Phật là một phương-pháp cổ-truyền, có thể nói được là vĩnh-cửu : « yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt, cho bùi », « thứ nhất hay chữ, thứ nhì dữ đòn », « càng yêu cho lắm, càng đánh cho đau » (qui aime bien, châtie bien)...

Nhưng ngày nay, có rất nhiều nhà giáo-dục, và lý-thuyết-gia giáo-dục quả quyết rằng : phật là một trọng tội. Tuy nhiên, ta phải nhận rằng, so với phe thủ-cự, những vị nói trên vẫn là thiếu số, và bị công-kích dữ. « Sao lại có thể dung-túng con cái hay học trò mỗi khi chúng phạm lỗi ? Như thế, còn gì là thế-thống, còn gì là uy-quyền nữa ? Giáo-dục con em, tức là luyện-tập cho họ sống với xã-hội sau này ; và đã nói đến xã-hội, tất phải nói đến những quy-tắc, luật-lệ phải tôn-trọng, nếu không, sẽ bị xã-hội trừng phạt. Và lại, đứa trẻ, từ nhỏ, cần phải rút kinh-nghiệm bản-thân, cần hiểu rằng mỗi hành động của mình đều có hậu quả, rồi dần dần, biết thế

nào là tinh thần trách-nhiệm: mình làm, mình chịu.

Cần có một quy-tắc:

Có hai điểm đáng ghi, và đã được thừa nhận trong cách biện-luận trên.

Điểm thứ nhất, là bất cứ ở một xã-hội nào, dù trong gia-đình hay ngoài học-đường, cũng cần phải có quy-tắc, mà ai nấy, lớn, bé, đều phải theo. Và dĩ nhiên, kẻ phạm pháp, bao giờ cũng bị khiển-trách, bị phạt, nếu không, những luật-lệ không có lý-do tồn-tại nữa: cầm không được ăn cắp, và nếu ăn cắp, dù người lớn, hay học sinh, sẽ bị phạt. Nếu không, sự cầm đoán kia không có nghĩa.

Dạy cho biết thế nào là trách-nhiệm:

Điểm thứ hai đáng ghi, là nhờ có giáo-dục mà đứa trẻ biết thế nào là tinh-thần trách-nhiệm, biết phân biệt hay, dở, xấu, tốt... như một cuộc thí-nghiệm vậy. Và cuộc thí-nghiệm nào chẳng phong-phú, dù đôi khi làm cho người ta đau đớn, thiệt thòi, miễn là đừng làm nhục, đừng hạ nhân-phẩm xuống.

Nhưng hai điều nhận-xét trên kia quá chú-trọng đến quyền lợi của xã-hội, đến luân-lý, đạo-đức, và ít lưu tâm đến kẻ bị phạt, tức là đứa trẻ. Ngay đến luật-lệ đem áp-dụng cho người lớn khi phạm tội, nhiều khi chẳng có những trường-hợp khinh-giảm sao: vô tình hay hữu-ý, hoàn cảnh gia-đình, giáo-dục đã hấp-thụ từ trước.... Huống chi đứa trẻ, lại có

nhiều nhược-điểm, cảm-xúc còn non nớt, dễ bị kích-động, và khác người lớn xa: Có những hành-động của trẻ con, bề ngoài, không khác hành động của người lớn, mà thật ra, không thể giải-thích được như nhau. Có nhiều cử-chỉ, coi như tội lỗi, mà kỳ thực, vô tội. Và tính tình ngây thơ, là thực-tính của trẻ. Thí dụ, muốn nói dối, trước hết phải biết đâu là thực, hư trước đã, biết giới-hạn của sự ngông cuồng... Muốn ăn cắp, phải biết phân biệt của người, của ta. Tiền lấy của bồ mẹ, khi đứa trẻ còn nhỏ tuổi quá, không phải là tiền ăn cắp; vì có là sở-hữu-chủ, mới ý-niệm được thế nào là quyền sở-hữu.

Có người sẽ bảo: chính vì muốn cho đứa trẻ sớm nhận-định thực, hư, hay, dở, xấu tốt... nên mới phải phạt để nó nhớ suốt đời. Không chắc! Và thiếu gì cách nhẹ nhàng hơn, không cần xúc-phạm đến tri-giác của trẻ mà vẫn tới đích được?

Nếu một vài bậc phụ-huynh hay thầy không phạt, người ta bảo vì họ nhu nhược. Và trái lại, những vị tán thành phạt, cho rằng: có yêu mới mắng, phạt. Thật ra, chính đứa trẻ mới là kẻ yếu đuối nhất, và vì thế có nhiều ngần ngại không muốn dùng vũ-lực để đối phó với con. Họ lấy làm hổ thẹn là khác, vì dùng đến vũ-lực, có gì là khó? Còn bảo rằng vì yêu mà đánh, thiết tưởng thiếu gì cách yêu ngoài roi, vọt?

Quan-niệm giáo-dục hiện nay về phạt, theo hai khuynh hướng, tựa như hai lực-tuyên vậy:

a) *Khuynh-hướng lịch-cực*, trái với khuynh-hướng tiêu-cực, đàn áp. Giáo-dục ngày nay đưa ra những khuôn mẫu để theo; luyện-tập cho trẻ, chứ không ngăn cấm, làm cho nó phân-khởi, và cốt sao ghi vào trí não nó lòng ham thích điều hay hơn là ghét điều dở: thí-dụ giải-thích cho con biết tại sao phải sạch sẽ, lễ phép, có ngăn nắp, đúng giờ, vâng lời có lợi gì... hơn là phạt vì vô lễ, ở bẩn, lộn xộn, sai hẹn. Phương-châm của hướng-đạo sinh: mỗi ngày hãy làm một việc thiện, là một phương-pháp giáo-dục rất hay và có hiệu-lực.

Ta hiểu theo quan-niệm đó, trong óc nhà giáo-dục, phạt không thành vấn-đề nữa. Không những không phạt, mà cũng không cần thưởng, vì một khi phẩm-hạnh tốt, tự khắc trong tâm-tâm cũng đã cảm thấy nguồn vui sướng, một phần thưởng tinh-thần vô giá rồi.

b) *Khuynh-hướng thứ hai*: sự cộng-tác của đứa trẻ.

Trong phương-pháp giáo dục xưa, vai chủ-yếu là cha mẹ và thầy, với quyền sinh, quyền sát, có toàn quyền điều khiển, và chịu hết trách-nhiệm.

Ngày nay, vai chủ-yếu lại là đứa trẻ. Nó cần được tự do định đoạt cuộc đời của nó, và tự gánh lấy trách-nhiệm. Cha mẹ và thầy chỉ cần ở bên để nêu gương, nâng- đỡ hoặc khuyến-khích thôi.

Ngày nay, ở gia-đình cũng như học-đường, giáo-dục không còn đi một chiều như trước nữa: cha mẹ,

thầy bảo sao, con cái, học trò phải nghe, đặt đầu gối đây, có hỏi mới được trả lời, thích gì, phải chiều...

Trái lại, muốn có hiệu quả tốt, cần phải có sự cộng-tác của đứa trẻ, cần phải hiểu tâm-lý từng đứa con, từng học-sinh, rõ bản-tính, khả-năng, nhược-điểm, nhu-cầu từng đứa... Và biết ý-kiến nó nữa.

Đĩ-nhiên, nếu muốn biết ý-kiến nó về *phạt*, nó không tán thành, trừ ra có những trường-hợp đặc biệt. Muốn nó cộng-tác chặt chẽ với ta, không thể mỗi lúc đe dọa phạt được.

Như thế, vấn đề phạt, là một vấn-đề ta nên làm sao để đừng thành quan trọng lắm. Một quy-tắc mà có lẽ ai nấy đều ước mong thực-hiện được, là « ít phạt con, ít phạt học trò chừng nào càng hay ». Nhưng quy-tắc đó, chỉ có thể áp-dụng được khi nào trong gia-đình cũng như ngoài học-đường, có một bầu không khí hiểu biết lẫn nhau, mọi người, đối với nhau tâm đầu ý hợp, có tín-nhiệm, và một bầu không khí yên tĩnh, không náo động, không lộn xộn, đừng có tính-nết thật thường.

Khuyến can một bà mẹ có tính « nóng như lửa » đừng tát con, hay ông giáo khắc-khổ, quá nghiêm, đừng phạt học trò, có lẽ không ăn thua. Nếu những vị đó nghe, có khi lại có hại là khác, vì công việc dạy dỗ, sẽ mất công-hiệu. Cần phải thay đổi hết, từ phương-pháp dạy đến bản-tính của người dạy, hay ít nữa, cũng phải có sự thay đổi ở bề ngoài.

Cần phải thay đổi không khí gia - đình và học - đường.

Về giáo-dục, việc nọ có liên-quan đến việc kia. Không thể đung tời khu-vực này mà không tu sửa lại một lúc cả toàn-thể. Như trong gia-đình hay trường học nào mà các nhà giáo-dục biết tạo nên một bầu không khí đầm ấm, vui vẻ, tin cậy, ai nấy đều ham làm, không ai nhàn rỗi cả, tự khắc, không cần phải dùng đến hình phạt. Và thảng hoặc có phạt, ít chùng nào, nhẹ chùng nào, càng có hiệu-quả: một lời khiển - trách, một câu cảnh cáo, có giá-trị hơn đánh, phạt.

Có nên đánh đập không ?

Về vấn-đề này, mỗi người có một ý-kiến riêng. Nhưng thường thường, các lý-thuyết-gia về giáo-dục không tán thành, cho rằng đánh đập là phạm đến phẩm cách con người, đã tàn nhẫn lại quá giản-dị, không làm cho đứa trẻ sửa lỗi được, có khi lại có ảnh-hưởng tai hại đến sức khỏe vật-chất và tinh-thần của nó. Và sau hết làm nó sợ, gây tự-ti mặc-cảm, gây thù oán nữa.

Có người quá nóng giận, đánh con song, ngó ý hồi-hận, hay tự ngượng với người xung quanh. Những vụ giáo-viên đã thương học trò trong lúc thiếu bình-tĩnh không phải là hiếm.

Đánh xong thì hả giận ngay.

Ngày nay, trong các trường học, có lệnh không được đánh học trò nữa. Tuy nhiên, trên thực-tê, lệnh đó có khi vẫn được thi-hành. Có một vài vị giáo-sư lão thành, xưa nay ít

đánh học trò, đã nói : có lúc, bảo ngọt không được, chỉ đét cho một roi là đầu vào đây ngay và làm nó nhớ mãi. Ngay những bậc phụ-huynh học-sinh, lên tiếng phản-đòi nhất phương pháp đánh, trong khi bực tức, cũng không nhìn được tât, hay nọc con ra đánh. Và đánh xong thầy dịu ngay, đứa trẻ cũng thế.

Nhưng chỉ nên đánh khi đứa trẻ còn nhỏ tuổi

Vừa mắng, vừa phát nhẹ vào tay một đứa con nít, có khi gây cho nó một phản ứng tiêu-cực, làm nó nhớ mãi, lần sau không dám tái phạm nữa, như nó sợ lửa, tránh nước sôi, sau khi đã bỏng một lần. Khi trẻ lên 5, lên 8, cho một vài roi, cũng có một tác-dụng tương tự. Người ta nhận thấy có nhiều trẻ, dưới 8 tuổi, ưng bị đòn, miễn đừng bị đòn đau quá, hơn là bị si nhục.

Nhưng khi đứa trẻ đã lớn, thì không nên dùng đến roi vọt nữa.

Đánh một đứa lên 12 tuổi, hay tát một thanh niên, là một điều thật-sách, và phản giáo-dục.

Sở dĩ chúng tôi nhấn mạnh về vấn-đề thể-hình, vì đó là một quan-niệm của hình phạt cổ-truyền, khác hẳn với quan-niệm hiện tại.

Quan-niệm xưa, cốt phạt để cho đau đờn. Quan-niệm đó có liên lạc với tất cả một biểu-tượng triết-lý về nhân-tính : có khó mới có ăn, một bát cơm là một bát mồ hôi, mang nặng để đau v.v... Đó chẳng phải là những hình phạt mà Đức Thượng-Đề đã bắt

con người phải chịu, sau khi đẩy ải xuống trần thế đó sao?

Quan-niệm phật để
sửa lỗi, để cải thiện

Ngày nay, quan-niệm của nhà giáo-dục khi phật, cốt để xây dựng, sửa lỗi cho đứa trẻ. Và muốn sự trừng phạt có hiệu quả, cần phải có sự cộng-tác của nó, cần giải - thích cho hiểu rõ mối liên-quan giữa hình phạt và hành-động trái phép của nó. Nếu không, đứa trẻ sẽ hoang mang khi thấy trong những trường-hợp khác nhau, mà vẫn áp-dụng một thứ hình - phạt đồng loạt. Thí-dụ: chậm chạp thì không được đi chơi, tròn học thì chủ - nhật ở nhà học bài, về trễ không báo trước cho nhà biết, thì nhịn ăn, lây của người phải trả lại, phá đồ chơi của em thì lấy đồ chơi của mình thay vào hoặc bỏ tiền túi ra mua đèn v.v...

Hình phạt ban ra, không cần phải giận dữ, gắt gỏng. Nhờ đó, đứa trẻ biết thế nào là điều hay lẽ thiệt, sẽ có cảm giác đó là một luật định thiên nhiên, phải đem hết cố gắng để chừa. Hơn nữa, cha mẹ hay thầy có thể đôi khi ngộ ý lây làm tiếc, buộc lòng phải phạt nó, chứ không phải vì ghét bỏ, hay có ác ý. Cũng không nên có bộ mặt « lạnh như tiền » hay nghiêm nghị làm cho nó sợ, nó sẽ rồi trí, không được vững tâm, đâm liều, dối trá....

Đôi với học sinh, cũng có một loại phạt, có thể gọi là loại lý-trí hay kỹ-thuật : bài không thuộc, phải học lại, viết bản, chép lại.. khi xưa, có nhiều

vị giáo viên bắt học trò chép lại một câu tới hàng chục hay hàng trăm lần. Chép mãi đến phát chán, tâm trí nghĩ đâu đâu, chép cho mau cho chóng, đâu có công hiệu bằng chép một lần, nhưng đem hết chăm chú vào công việc làm ?

Hình phạt tinh-thần

Em A, mặt mũi, chân tay, lúc nào cũng bẩn. Mắng chửi, đánh, dỗ ngon, dỗ ngọt mãi cũng không được. Bà mẹ bèn nghĩ ra một kế : làm cho nó xấu hổ may ra nó ở sạch chẳng. Nên mỗi khi có khách đến chơi, và hỏi đèn em A... bà trả lời, để nó nghe thầy, vì nó bẩn lắm, nên không dám cho ra chào. Hay có khi bà đem em nó ra khoe : nào ngoan ngoãn, chăm học và nhất là sạch sẽ. Thật ra, cũng có lần em A... cố gắng ở sạch, cố gắng bài vở, nhưng bà mẹ đâu có trông thấy sự cố gắng kia ? Ngày nào bà cũng mắng và chê giễu nó trước mặt người lạ, hoặc các em, làm nó « mặt thề điện » Nhãn-hiệu « ở bẩn » nhìn như đã bám chặt vào nó rồi, làm cho nó chán nản. Đã thề, kệ ! Đẳng nào thì cũng mang tiếng rồi. Và nhiều khi sự chán nản đó lại được cha mẹ duy-trì bằng những lời chê nhạo trước mặt bạn nó hay người lớn. Và khi đã chán nản, đứa trẻ cảm thấy không có quyền ước vọng gì nữa, không thể nào tiến xa được, tương lai dù tươi đẹp mấy, cũng không đến phần mình. Người ta đã bảo nó ngu, yên trí là nó ngu, thì nó sẽ ngu, và thích thú nữa là khác, vì chẳng lẽ cứ ôm mãi trong lòng nỗi buồn của mình sao ? Đứa trẻ rất bị ám-thị, đó là một điều mà

có lẽ ít bậc-phụ-huynh lưu tâm đến, khi họ làm nhục nó, vô tình dìm con (rêu rao lỗi trước mặt mọi người bắt xin lỗi công khai...). Đã ngã lòng, có tự-ti mặc cảm, nó có thể, khi bị dồn tới bước đường cùng, khi đã dạn đòn, đâm liều và chông đời lại, dù chết cũng cam tâm.

Người ta nhận thấy rằng những hạng du - đãng, còn đồ thanh thiếu - niên phạm pháp, phần nhiều lúc bé bị cha mẹ mắng chửi, làm nhục, đánh đập... Còn nhỏ, nó thù cha mẹ, oán giận (bảo không nghe, hỏi không trả lời, hỗn láo, bướng bỉnh, ...) Lớn lên, thù xã-hội.

Như thế, muốn cho sự trừng phạt có hiệu-lực, cần phải chú-ý đến ba yếu-tố: đứa trẻ có lỗi, người phạt, và bầu không khí tình cảm trong gia-đình hay ở ngoài học đường.

Ta đã rõ cảm-xúc của đứa trẻ dễ bị kích-động, nó có nhiều nhược điểm. Một lời nói, có khi một giọng nói, cũng đã in sâu vào trí não nó; làm nó hiểu nhầm, hoặc cho là câu nói đùa, hay nói mỉa, và khiến nó cưỡng lời, chông đời lại. Có trẻ tưởng đã phạm trọng tội, vì chót lỡ tay đánh vỡ một chiếc chén, hay vô ý đánh mất tiền của mẹ, chính vì đã có lần bị cha mẹ quở mắng, đánh đòn. Tai hại nhất là nó cảm thấy, một cách lơ mơ, đã « phạm lỗi » thật, bị những ý-nghĩ tội lỗi ám ảnh.

Đã là một nhà giáo-dục, không nên để cho tâm hồn con trẻ phải vẩn

vương về những tư-tưởng hắc-ám đó; không có quyền, vì đứa trẻ đã chót dại làm một vài việc đáng khiển trách, bỏ rơi không nâng-đỡ nó, để cho nó hết tin tưởng ở tương-lai kia đã bị quá-khứ tội lỗi chi phối.

Đòi với chúng, chỉ có hai công-thức:

1') Cứ cố gắng mãi lên thì không có gì phải tự trách cả.

2') Nhớ lại lỗi lầm đã qua là để tránh mắc lỗi lầm khác.

Còn đối với người phạt.

Trước khi phạt, cần phải hiểu rõ ý-nghĩa của sự trừng phạt. Có nhiều vị ngây thơ; tưởng mình thay thế cho công-lý, *vĩnh-cửu và tuyệt-đối*, coi sự trừng phạt như một phương-tiện để hạ cơn giận, như một vụ thanh-toán để trả thù kẻ đã xúc phạm uy-quyền của họ hơn là xúc phạm đến luân-lý. Họ quan-niệm hình phạt như một cuộc đấu tranh mà thế nào cũng có bên thắng, bên bại. Họ quên rằng nhiệm-vụ của cha mẹ hay thầy, không phải là diệt trừ, mà trái lại, để sửa lỗi, để cải-thiện. Có bà đánh vùi, đánh đập con, như đòi với kẻ thù, để hạ cơn nóng, hoặc vì tự-ái, hơn là muốn răn dạy con. Mới đây ở Mỹ-Tho, một ông bố, trong cơn giận, đã đánh con gái, 18 tuổi đến chết.

Có lẽ, vì luân-lý đã được coi như đồng nghĩa với phục tòng, ô nhục, mà trí-tuệ, khả năng con người ta nhiều khi bị suy giảm, kìm hãm, không thể phát-triển được. Có lẽ vì thế, mà ta thấy nhiều kẻ tâm thường, ngu

xuân, thì đi vào con đường ngay, trong khi biết bao người khác thông minh, giấu tình-cảm lại đi lạc hướng và phung phí tuổi xanh, bất lợi không những cho nhà, cho nước, mà ngay cả cho họ nữa.

Khi đưa trẻ còn nhỏ tuổi quá, cha mẹ hay thầy, có thể tượng-trưng cho luân-lý, đạo-đức. Nhưng càng lớn, phải cho nó hiểu, sở dĩ phải tôn-trọng những quy-tắc, vì đó là những quy-tắc chung của bất cứ xã-hội nào, chứ không phải tuân theo để chiều lòng người lớn, để tránh cơn thịnh-nộ. Rất có thể là trong lúc đó, nó sợ cơn « lòi đình » của cha mẹ hay thầy, nhưng chẳng sớm thì muộn, nó sẽ coi thường, hoặc phủ-nhận uy-quyền của người trên.

Tóm lại :

Chúng tôi không muốn bảo là không bao giờ nên phạt và phạt là dở. Nhưng đừng phạt một cách độc đoán, với mục đích làm nhục đứa trẻ hoặc làm cho nó sợ hãi, để nó lánh xa mọi người.

Tuy nhiên, đưa trẻ cần phải sớm hiểu rằng nó sống với người nọ, người

kia, sự tự do của nó có giới hạn và mỗi hành động, xấu, tốt, đều có hậu quả, Nếu nó không tôn trọng kỷ-luật, làm điều bậy, sẽ bị trừng phạt.

Phương pháp giáo-dục độc đoán, cầm, mắng, đánh... có khi lại như xui dục đưa trẻ làm điều dở. Trái lại, nếu khích-lệ nó, ta thúc đẩy nó làm điều hay.

Sau hết, ta cũng nên để ý đến một sự-kiện này : có khi đưa trẻ hiểu nhầm thiện - chí của người phạt, và tưởng rằng vì ghét nó mà phạt. Vì thế, cần cho nó hiểu rằng phạt là một việc bắt buộc dĩ, mong cho nó sửa lỗi, và khi đã biết hồi cải rồi, nó có thể quay về hàng ngũ, như một kẻ đắc thắng, chứ không phải như kẻ bại. Nếu không, nó sẽ ngã lòng, và rồi ra nó có mỗi ác-cảm đối với xã-hội, qua cha mẹ hay thầy, mà thật ra chính nhờ những vị này mà nó có thể bước chân lên con đường đời, với một niềm tin tưởng, để vượt qua bao cơn thử-thách đang đợi chờ nó.

NGUYỄN-HỮU-PHIẾM

(Trong hội Bàn trẻ em Việt-Nam)

« Ý muốn của ta là lẽ phải »

Đề diễn tả cái ý chí độc đoán, kiêu căng, thi sĩ Juvénal (Satires, VI, 223) đặt vào miệng một phụ nữ lời nói ngạo mạn, hách dịch sau đây : « *Hoc volo, sic jubeo, sit proratione voluntas* » Je le veux, je l'ordonne, que ma volonté tienne lieu de raison, Ta muốn, ta truyền, ý muốn của ta phải được coi là lẽ phải.

THÔNG THƯƠNG VÀ CHIẾN-TRANH GIỮA NGƯỜI HÒA-LAN VÀ XỨ TA (THẾ - KỶ THỨ XVII VÀ XVIII)

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

Xét trong lịch sử của ta, đã có nhiều sự kiện mà bây giờ chúng ta quên.

*Một sự kiện nên nhắc, ấy là **Sự thông-thương** và sau đưa đến **chiến-tranh** giữa ta và người Hòa-Lan.*

Nước ta, hồi thế kỷ thứ XVII, XVIII, chia đôi. Ở Bắc là Chúa Trịnh, ở Trung là Chúa Nguyễn ; đất Nam mới được canh-tác.

Bài nhỏ này tóm-tắt lịch-sử Thông-thương và Chiến-tranh giữa ta với người Hòa-Lan.

Sự giao-thiệp giữa người Hòa-Lan với xứ ta từ khi khởi sự (1600) đến khi kết liễu (1759) rất là phiền phức. Ông Ch. B. Maybon trong tạp chí Revue Indochinoise 1916 có khảo cứu về « Những khách thông thương người Âu ở Nam-Kỳ và Bắc-Kỳ » : bài sử đó sơ lược và có chỗ sai lầm vì tác-giả tham khảo không được đến nơi đến chốn. Mới đây (1929) Ô. W. J. M. Buch, người Hòa-Lan, có đưa in ở Amsterdam bản luận án tiến-sĩ của ông nói sự giao-thiệp giữa người Hòa-Lan và xứ ta, từ 1600 đến 1652 (xem bài tường thuật của E. Gaspardenne trong tạp kỷ yếu trường Viễn-Đông Bác-cử quyền XXIX trang 364, 370) năm 1936, 1937, ông lại viết bằng tiếng Pháp và đưa in ở tạp Kỷ yếu Trường Viễn Đông Bác Cù. (trang XXXVI, tập I và quyền XXXVII) những sự tìm thấy trong luận án của ông (in bằng tiếng Hòa-Lan); ông lại học thêm về đoạn từ năm 1652 đến năm 1659 và về sự giao thiệp với xứ Cao-Man và Ai-Lao nữa.

Bài này tóm tắt những đoạn trong quyền sách của ông W.J.M. Buch có nói lời xứ ta.



PHÂN THỨ NHẤT
THÔNG THƯƠNG

Năm 1600, hai chiếc tàu buôn Hòa-Lan đi từ Batavia sang Trung-Hoa vì bão, phải giạt vào bờ biển xứ Trung-Kỳ : 23 thủy thủ bị giết và người chủ tàu bị giam. Vì sự ngẫu nhiên đó mà người Hòa-Lan biết xứ Trung-Kỳ. Nhưng họ chưa nghĩ tới thông thương.

Năm 1609. Hãng *Thông thương Ấn-độ, Hòa-Lan* lập một hiệu buôn ở Hi-ra-đô (hay là Firando ở bên Tàu) để bán lụa cho Nhật-Bản. Hồi đó người Nhật chưa sản xuất được tơ, lụa và cũng chưa giao thiệp với nước Tàu. Họ lại rất cần dùng đến tơ lụa. Vì vậy người Hòa-Lan muốn mua lụa để bán cho họ. Chưa có thể giao thiệp được với nước Tàu sản xuất tơ lụa người Hòa-Lan muốn đón các lái buôn Tàu ở Hội-An (Faifoo) nơi mà cứ hàng năm họ đem tơ lụa sang bán. Tỉnh Hội-An lại còn là nơi bán lụa cho xứ Trung-Kỳ và thứ nhất của tỉnh Quảng-Nam. Vậy sau năm 1609, người Hòa-Lan mới nghĩ tới thông thương với xứ ta.

Năm 1613 hay 1614, người Hòa-Lan chủ hiệu lụa ở Hirado, sai hai người Hòa-Lan khác chở một chiếc thuyền sang Bắc - Kỳ và Trung - Kỳ. Chiếc thuyền đó đem theo hồ tiêu, sừng voi, vải, trị, thủy tinh và tới Trung-Kỳ (có lẽ là Hội-An) cùng với một chiếc thuyền của người Anh-Cát-Lợi. Người chủ chiếc thuyền Anh vì ăn nói không được lễ phép, bị chúa Nguyễn sai giết chết; hai người Hòa-Lan cũng phải chịu theo số phận đó và thuyền buôn của họ bị cướp phá.

Tuy vậy chúa Nguyễn có viết thư mời người Hòa - Lan, chủ hiệu buôn ở Ayouthia (Ay ut' chi a) (Siam) sang thông thương.

Năm 1617, Hãng *Thông thương Ấn-độ Hòa-Lan* phái sang Nhật hai chiếc tàu khi ở Nhật về, hai chiếc tàu đó phải rẽ vào Hội-An để buôn bán. Vì sợ bị giết, thủy thủ đều giăng buồm về thẳng Batavia. (Ba-ta-vi-a, một hải cảng ở Nam-Dương quần đảo).

Năm 1632, một chiếc tàu buôn Hòa-Lan, sau khi đã cướp hàng của một chiếc tàu Bồ-Đào-Nha thì bị bão đánh giạt vào bờ bể Trung-Kỳ. Cũng như năm 1613, tàu đó bị cướp phá. Nhưng thủy thủ có lẽ trốn khỏi, hay được giải về. Vì vậy người Hòa-Lan lại nghĩ tới xứ Trung-Kỳ có nhiều lụa và cần phải tìm cách thông thương. Một lý nữa là, tuy người Hòa-Lan sau khi thắng nước Tàu và chiếm đảo Đài-Loan (Formose) (1622), thông thương với người Tàu không được lợi cho lắm.

Năm 1633, hai chiếc tàu đi từ Batavia sang Hội-An, chở tiền Hòa-Lan bạc nén, chỉ và các vật hàng định bán cho xứ ta để mua vàng và tơ. Tàu Trưởng lại phải xin bồi thường sự thiệt hại của người Hòa-Lan năm 1613 và năm 1632.

Vì tàu tới chậm (cuối tháng bảy - Juillet - năm 1633) các hàng hóa (vàng và tơ) đều bị người Nhật-Bản và Bồ-Đào-Nha mua trước hết. Bởi thế, hai người Hòa-Lan ở Hội-An, nhờ người Nhật tên là Domingos (Đô-min-gốt) che chở. Còn tàu thì đi sang Hải-Nam để đón cướp tàu của người Trung-Hoa và người Bồ-Đào-Nha. *Vậy năm 1633*

là năm đầu tiên mà người Hòa-Lan ở lại Hội-An để mở cửa hàng.

Vào đầu năm 1634, một chiếc tàu đi từ Đài-Loan về Batavia, ghé qua Hội-An, có đem theo tiền Nhật-Bản (hồi đó tiền Nhật được tiêu thụ ở Hội-An) Vì người Nhật làm hạ giá tiền nước họ, thành người Hòa-Lan bị thiệt hại to. Họ chỉ mua được — một cách rất khó khăn — một ít vàng nén và phải đem trở về Batavia, chỉ vì bạc nén không bán được.

Về giữa năm 1634, một chiếc tàu đi từ Batavia sang Hội-An, mua được tơ, lụa, (ít vàng hạng xấu) đồ xứ, gỗ. Người chủ tàu Duijecker (Giúc-Cơ) phải dâng cho chúa Nguyễn và các quan nhiều phẩm vật. Lãi lại ít. Sự cạnh tranh của người Nhật càng thêm nổi khó khăn. Duijecker bèn nhổ neo đi Đài-Loan (Formose) rất chán nản.

Ngay sau đó, chiếc tàu Hòa-Lan Groottenbroek (Gou-ton-bờ-ruk) bị đắm gần đảo Faracel (Pha-ra-sen): thủy thủ bị bắt giam và số tiền 25.580 vàng bị tịch thu.

Vì vậy, ngay tháng Novembre 1634. Hãng Thông Thương Ấn-Độ Hòa-Lan, phải hai người Hòa-Lan sang đòi chúa Nguyễn số tiền đó.

Năm sau, một bức thư tiếp theo, dọa nạt. Và ba chiếc tàu chiến Le Grol, Le Warmond, Le Huisduimen do một Ông quan tư chỉ huy, đi từ Đài-Loan sang cửa Hàn (Tourane).

Duijecker phải thu xếp ba việc.

1) Đòi chúa Nguyễn tiền bồi thường.

2) Xin chúa Nguyễn giúp việc buôn bán của người Hòa-Lan.

3) Mua vàng, lụa và từ bốn đến năm trăm tạ đường đen, dù phải trả tiền đắt hơn người Bồ-Đào-Nha.

Khi đoàn tàu tới cửa Hàn, Sãi-Vương đã băng và con là Nguyễn - Phước - Lan tức Công Thượng-Vương, lên nối ngôi chúa.

Công Thượng-Vương đã xử trí như thế nào?

Ngài không bồi thường nhưng hứa sẽ cho người Hoà-Lan thông thương tự do trong xứ, không lấy thuế tàu đỗ ở bến và không lấy lễ vật.

Đoàn tàu đi về Batavia, và Duijecker, hy vọng là nam sau sẽ mua được hàng kể trên để đem sang bán cho Nhật-Bản.

Tháng sáu (Juin 1636) ba chiếc tàu buôn từ Batavia sang Hội-An, do Couckbacker (Cúc-cờ-bất-cờ) chủ hiệu buôn ở Firan-do, chỉ dẫn. Cũng như Duijecker năm trước, hẳn phải thu xếp ba việc nói trên.

Ngày mùng hai, tháng bảy (2 Juillet). Công Thượng Vương tiếp Couckbacker và Duijecker Ngài phán rằng:

1) Ngài không bồi thường sự thiệt hại của người Hoà-Lan năm 1613 và năm 1632, vì là việc đã xảy ra từ đời đức Kim Thượng.

2) Ngài là vua không phải là lái buôn. Ngài không có thể hứa bán một số hàng hoá nhất định theo một giá tiền nhất định, như người Hòa-Lan mong ước.

MAI SỐ 4 ĐÃ PHÁT HÀNH NGÀY 25 - 8 - 1960

3) Ngài không muốn giao dịch với Couck backer (lúc-cờ bắc-cờ) vì, đã là vua, Ngài phải giao thiệp trực tiếp với quan toàn-quyền ở Batavia.

4) Ngài lại nói là nếu Hạng Thông thương Ấn-độ Hoà Lan muốn gây chiến tranh với Ngài thì Ngài sẽ đối phó.

Ngài sai ban phẩm vật cho Couckbaer và Duijecker lại đưa cho hai người này lễ vật để dâng cho Toàn-Quyền ở Batavia.

Tàu Hoà-Lan phải nhổ neo. Duijecker, ghé ở lại Đài-Loan, còn Couckbaker thì đi thẳng sang Nhật: ở đây bán những lễ vật mà chúa Nguyễn đã giao cho.

Còn sự mua bán chuyển tàu ấy thì, trái hẳn lại dự tưởng của Duijecker, người Hoà-Lan mua được rất ít hàng. Ở Trung-Kỳ năm đó đói kém, dân gian không trồng lúa mà trồng lúa. Vì loạn lạc, bỏ cả nuôi tằm, ươm tơ. Và lại người Nhật-Bản và người Trung-Hoa cư trú ở Hội-An cạnh tranh người Hoà-Lan khiến họ khó mua bán.

Vì vậy, người Hoà-Lan muốn giao thiệp thêm với xứ Bắc-Kỳ.

Đầu năm 1637, chiếc tàu Le Grol từ Nhật trở về Batavia, có ghé qua Bắc-Kỳ để bán đồng, sắt, súng đại bác và đạn dược. Nhưng cũng ghé qua Trung-Kỳ để bán chì, đồ xứ, vải bông. Duijecker tự nghĩ là rất có thể buôn bán với cả Bắc-Kỳ và Trung-Kỳ, hai xứ cừu địch. Khi trở về Batavia, Duijecker mua được 100 tạ tơ, 1500 đến 200 tạ đường đen và lại được chúa Nguyễn giao cho một bức thư để đưa cho quan Toàn - Quyền Batavia, mời sang thông thương tuy Ngài từ chối không chịu nhượng đất cho người Hoà-Lan.

Về tới Bavatia, Duijecker phái Cormélis Caesar sang Hội-An trông nom sự mua bán.

Ở Hội-An, Cormélis, Caemar không mua được nhiều hàng, vì người Trung-Hoa đã mua trước hán, vì tơ lụa ở Bắc-Kỳ bị chúa Trịnh cấm không cho chở vào Trung-Kỳ, vì ở Trung-Kỳ năm ấy mưa luôn, nghề tằm tơ bị thất bại. Tuy vậy hán cũng chở trên chiếc thuyền Bonne Espérance bắt được của người Bồ-Đào-Nha: ít lụa kỳ hương, thảo quả, chì, bạc. Vì thuyền nhẹ, phải chở thêm gạch vào cho cân. Còn đường thì đem xếp vào hai chiếc thuyền của Trung-Hoa.

Khi Duijecker tới Hội-An, vào tháng bảy (Juillet) 1637, vì hàng hóa đã bị Cormélis Caesar cho chở đi về trước. Tàu buôn của Duijecker phải chạy không sang Nhật.

Cũng một năm ấy, sự buôn bán với Bắc-Kỳ không được lợi lắm, chúa Trịnh chế đồ lễ vật ít ỏi. Chiếc tàu Le Grol chỉ có thể đem đến sang Nhật 600 tạ tơ. Tuy vậy, người Hoà-Lan Hartsinak (Hắt-sin-nắc) được nhận làm con nuôi của chúa.

Duijecker nghĩ có lẽ phải thôi không buôn bán với Trung-Kỳ nữa, vì vậy tháng Juin 1633, Hạng Thông Thương Ấn-Độ Hoà-Lan, đóng cửa hiệu mở ở Hội-An năm 1633.

Nhưng vì chúa Trịnh và chúa Nguyễn đánh nhau — muốn thông thương với Bắc-Kỳ, người Hoà-Lan có lẽ phải giao chiến với Trung-Kỳ chăng?

(BÀI SAU CHÚNG TÔI SẼ NÓI TỚI)

NGUYỄN-THIỆU-LÂU

MỘT BÀI THƠ BỎ SÓT

☆ KIM-GIÁP

Một hôm, thuở tôi còn thiếu thời, một nhà nho có kể cho tôi nghe một mẩu chuyện của nhà đại thi hào Việt-Nam là ông Cao-Bá-Quát:

« Sau khi ông Cao-Bá-Quát bị bắt —
« nhà nho này nói — mỗi khi đem ra
« lấy cung, ông cứ kêu vang là
« bị bệnh. Luật pháp bây giờ có cho
« phép hoãn việc lấy cung nếu can-
« nhân đang lâm bệnh. Đã nhiều lần
« như vậy, Quan Án mới phán rằng:
« Đau gì mà đau hoài như Trương-
« Lương vậy? Hãy làm một bài thơ
« Trương-Lương tỏ đa bệnh » xem.
« Ông Cao-Bá-Quát liền ứng khẩu đọc
« tám câu sau:

« Ngũ triều thực nhục tích như ba
« Thùy nhá Trương-Lương bệnh tổ đa.

« Ngoại cảm Hán thiên-tân vô lộ
« Nội thương Hàn địa cựu sơn-hà.
« Võ cửu mục nhiệt Hồng câu thồ
« Tần oán tâm hàn Bát-lãng sa.
« Thử bệnh hạnh từng tiên tử được
« Ta vô tiết khẩu Tin như Hà.

« Hai câu phá nói về nhà ông
« Trương-Lương làm Tể-tướng năm
« đời ở nước Hàn, « thực nhục » là
« ăn thịt của vua tức là lãnh bổng lộc;

« Hai câu trạng nói về long thương
« tiết lo lắng của ông Trương-Lương
« để khôi phục giang-sơn nước Hàn
« nhưng nước Hàn đã bị diệt rồi; còn
« việc phò nhà Hán (ô. Bái-Công) chỉ
« là việc miễn cưỡng phải làm để đạt

MỘT BÀI THƠ BỎ SÓT

« mục-đích trên cùng diệt nhà Tần
« để trả thù cho nước mình, vì vậy mà
« ông dùng những chữ « ngoại cảm »...
« cảm Hán thiên-tân vô lộ » và « nội
« thương Hàn địa cự sơn hà »

« Hai câu hiệu nói về sự thù hận
« Hạng-Võ và oán ghét Tần-Thủy-
« Hoàng. Trong bốn câu này tác giả
« đã kéo đưa vào trong bài thơ tồ-đa-
« bệnh những danh từ y-khoa Đông-
« phương như ngoại-cảm, nội thương,
« mục-nhiệt, tâm hàn để mô tả một
« cách đúng với tâm hồn và thực trạng.

« Hai câu kết nói về ông Trương-
« Lương đã biết rút lui nhằm lúc lấy
« cờ là đi tìm tiên kiếm thuốc và

« thương hại cho Hàn-Tín và Tiêu-
« Hà không biết bớt cái miệng, cứ
« tiếp tục ham ăn, tham-lam danh lợi
« nên mạng vong.

« Bài thơ này đã được đưa qua
« Trung-Quốc và người Tàu cũng phải
« chịu là tuyệt bút »

« Về sau tôi có được xem tập thơ
« của ông Cao-Bá-Quát song không
« thấy bài thơ này. Mà cả trong Văn-
« Đàn Bảo-giám cũng không thấy đăng.
« Như vậy có phải là các nhà biên
« chép đã thiếu sót chăng ? Hay là bài
« thơ trên là tác-phẩm của một thi-sĩ
« vô danh ?

KIM-GIÁP

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BAO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bà o - Hi ể m

1-3-5 Bến Chương - Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngành : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Thành-tích năm mươi năm khoa-học (1900-1950)

(Xin xem B.K. từ số 81)

SINH-VẬT

— Động-vật học (*Zoologie*), Thực-vật học (*Botanique*) và Vi-sinh vật học. (*Microbiologie*),

Với thế kỷ thứ 20, Động-vật học và Thực-vật học, ngoài những bộ-môn khảo về các loại sâu-bọ, nấm rêu, vi-trùng và via-ruýt, không còn có gì là mới lạ cho lắm. Ở đây chúng tôi chỉ xin kể những sự kiện gì hay nhất và tiên bộ nhất mà thôi.

Griffin và Galambo, năm 1942, nghiên cứu về loài rơi (*chauve-souris*) để biết tại sao giông rơi có thể bay trong bóng tối các động, đã khám phá ra rằng những con vật ấy trong khi bay, thường phát ra những siêu-âm ba (*ultra-sons*). Những siêu-âm ấy sau khi đụng phải các vật, lại vang lại vào tai rơi. Rơi vì

thể nghe thấy và biết rõ đâu có những « chướng ngại vật » để phòng và bay đi chỗ khác.

Trái lại, về vấn-đề tại sao những động vật, như sâu bọ, như chó, như « bồ câu đưa thư » (*pigeons voyageurs*) biết tìm phương-hướng để quay về tổ, chưa ai đã có thể giải quyết nổi một cách thật chu đáo. Không phải là người ta thiếu thí-nghiệm hay thiếu ý kiến. Nhiều người đã nghĩ đến ảnh hưởng của điện-từ khí (*électromagnétisme*), nhưng cho đến nay, chưa có bằng chứng khoa-học nào cho phép chúng ta quả quyết là do điện-từ khí mà các động vật đó biết lối đi...

Công cuộc khảo sát về côn trùng của nhà bác học Pháp J.H. Fabre, xưa kia

được nhiều người tôn sùng, đến nay phần đông đều bị phá đổ cả vì thiếu một cơ-sở khoa-học vững chắc.

Nói tóm lại, ngành côn-trùng học (entomologie) tuy có tiên-bộ, nhưng đến giờ bị lu mờ trước những bành trướng của ngành khuẩn học (mycologie) chuyên khảo về thể-giới bí mật của các loại « nấm ». Nhờ khuẩn-học mà người ta đã tìm ra các chất kháng-sinh (antibiotiques) loại pénicilline, streptomycine, v.v... có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong lãnh vực chữa bệnh cho loài người. Ông R. Heim ở viện Muséum Pháp, vừa đây đã tự ý uống mấy loại nấm độc do hồ - dân bên Mỹ thường dùng, để hiểu thêm công dụng của những nấm ấy về phương diện chữa bệnh, phương diện tôn-giáo và xã-hội...

Về những cây cối « thượng lưu » (végétaux supérieurs), ông Plantefol có cho chúng ta biết thêm về cách phân phát lá cây trên thân cây. Sự phân phát đó (phyllotaxis : điệp-tự, điệp-iệt) phần nhiều theo thể xoáy tròn ốc

(spirale). Ngoài ra, những hiện-tượng như sự 2 loại cây sống chung với nhau (symbiose : cộng sinh, cộng thể...) thể, đây không có nghĩa là vợ, mà nghĩa là cái giường, là đậu, nghỉ ngơi...) hay sự ký sinh (parasitisme) không còn có gì là bí mật nữa. Công cuộc khảo cứu của Noël Bernard năm 1909 về sự cộng-sinh của nhiều giống lan (orchidées) với loại nấm Basidiomycètes ; việc nghiên cứu của các nhà bác học Nhật Miyairi và Suzuki về sự ký sinh của loài sán (Schistosoma Japonicum) và chu kỳ tiến-hóa của nó (cycle évolutif), đều là những kết quả khả quan của ngành thực-vật học và động-vật học.

Ngành học các vi-sinh vật (micro-organismes) đã mở rộng kiến thức của con người về sự sống và quan-niệm sự sống. Badian năm 1935 và R. Neumann năm 1941 cho ta biết thêm là những loại rong (algues : tảo loại) và loại vi-trùng (bactéries) mà chúng ta tưởng là những vật nhỏ bé nhất và đơn giản nhất, lại chính là những vật có một tổ-chức rất cầu-kỳ và phiến toái.

« Lao động sôi sùng sục »

và

« Thời đi không trở lại »

Thi hào Virgile (Géorgiques, IV, 169) tả hoạt động của đàn ong bằng một câu bất hủ : « Fervet opus », Le travail bouillonne, Lao động sôi sùng sục. .

Ông tả thời gian đi cũng không kém mãnh liệt : *Fugit irreparabile tempus* (Géorgiques, III, 284) Le temps fuit irréparable,, cùng nghĩa với câu hán văn : *Thời bất tái lai*, Thời đi không trở lại.

Những vi sinh vật này có thể sống trong nhiều hoàn cảnh với những điều kiện rất hiểm nghèo mà không bị nguy-hại. Năm 1925 Besredka đã đem ngâm nhiều loại vi trùng trong chất độc Sublimé corrosif (Diêm-hóa-độ-nhị thủy-ngân, Hg Cl₂) và thấy rằng những vi trùng đó vẫn sinh sản như thường.

Với những công-trình kỹ-thuật càng ngày càng tinh-xảo hơn xưa, như loại kính hiển vi thật tối - tân, như những chất nước nhuộm (colorants) để trông rõ hơn, người ta đã tìm thấy nhiều giống vi-sinh-vật nhỏ bé hơn vi-trùng, như giống Rickettsia (do Rickett và Wil-

der khám phá ra năm 1910) và giống Bactériophage (do Herelle tìm, năm 1918) có thể coi như là « vi-trùng của vi-trùng » vậy. Năm 1901, Beijerinck và năm 1929 Vinogradski đã học về 2 giống vi-sinh vật tìm thấy ở trong bùn có tính cách thu giữ được chất đạm (Azote) của không khí và nhờ đó mà người ta đã biết được chu - kỳ của đạm khí (cycle de l'azote) có can hệ mật thiết với nghề nông ra sao. Từ độ ấy, vẫn có nhiều người tiếp tục công việc khảo-cứu vẫn-đề này.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Kỳ sau : Những vấn đề tiến-hóa.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT (INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.721 — Boite postale : 276

1, Duong Nguyễn-Siêu — SAIGON

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO

"DOREL"

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
CAM MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuống họng



VIỆN BAO-CHẾ VANCO

TRƯ'ÔNG-VĂN-CH'ÔNG

Dược-khoa Tàn-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đồ — Saigon

ĐIỂM SÁCH

★ NGUYỄN-ANH-LINH

SAU « Đi tìm một căn-bản tư-tưởng », « Xây dựng nhân-sinh-quan » cho ta hay cái lối nhìn về cuộc sống và phép xuất xử. Qua 367 trang, Nghiêm-quân muốn giải quyết bốn câu hỏi sau đây :

— Thực thể và thân phận con người có những gì ?

— Sau nhận định trên, con người phải yếm thế hay lạc-quan, phải tin ở đời này hay đợi chờ một đời khác ?

— Con người có thể ảnh-hưởng đến thân phận mình không, có tự-do không ?

— Và nếu có tự-do, con người phải dựa vào những nguyên-tắc luân-lý nào để hành-động ?

Để trả lời, tác-giả buộc phải kiểm điểm những giải-pháp tự cổ chí kim rồi khiêm tốn đề-nghị « nhân-sinh-quan toàn diện » của mình.

Tác-phẩm : Xây-dựng nhân-sinh-quan.

Tác-giả : NGHIÊM-XUÂN-HỒNG.

Nhà xuất bản : Quan-điểm.

Một bản mục-lục rõ rệt, đầy chi tiết, giúp ta nhận định hành-trình tư-tưởng của tác-giả.

* *
*

Cảm-tưởng của chúng tôi, sau khi đọc xong, là tác-giả đã viết những vấn-đề trừu tượng, khoa-lọc, cách dễ dàng, xuôi chảy. Người ta vẫn cho rằng Việt-Nam không đủ tiếng để trình-bày các triết-thuyết. Tập này là một bằng chứng để bác bỏ tự ti mặc cảm kia.

Có thể nói khi giới thiệu các trào lưu, tác-giả đã phần nào nắm được điểm nhất quán của mỗi môn phái, từ Lão-giáo qua Mác, đến chủ-nghĩa hiện sinh ngày nay. Đôi khi có những trang khó hiểu, nhưng có lẽ vì lý-thuyết của triết-gia hơn là cách trình-bày của tác-giả, như khi nói về Kierkegaard, Sartre. Nhưng đặc sắc của Nghiêm-quân là ở chỗ tóm tắt, so sánh các

trào lưu đó : chẳng hạn, những bản khái
yếu trang 53, 56, 64, 88, 101, 107, 147,
175 v.v...

* *
*

Sách chia thành hai phần : phần I bàn
về nhân-bản trong các triết-học duy tân,
duy vật, hiện sinh ; nêu cao quan-niệm tự-
do, đức lý trong các thuyết. Phần II phê-
bình và cảm mốt cho một nhân-sinh-quan
mới hợp với thời-đại.

Mở đầu tác-giả định-nghĩa : « Tư-
tưởng nhân-bản là những trào lưu muốn
khởi đào bản chất của người, tìm hiểu thân
phận hoặc mục-đích của đời sống con
người và quy định những nguyên-tắc hoặc
phương thức để phát triển các khả năng
nội tại của người » (trang 16). « Vấn-đề
đó được đặt ra rõ rệt khoảng giữa thế-kỷ
19 », ngoại trừ một vài cố gắng lẻ tẻ của
các triết-gia thời Thượng-cổ và Trung-cổ ;
ở Á-Đông thì hầu như không có.

Hai chữ cốt yếu, chắc theo tác giả, là
« nội tại ». Nội tại là ở trong con người :
Con người phải tìm xem có những quyền
lợi gì, vì trước đây chỉ thấy nói đến bổn
phận con người mà không đếm xỉa đến
quyền-lợi. Tư tưởng của tác-giả tương tự
như trong bản Tuyên-ngôn dân-quyền của
cách-mạng Pháp 1789.

Nội tại cũng còn có nghĩa là không ra
khỏi phạm-vi con người, không bắt con
người lệ thuộc vào một cái gì huyền diệu,
mơ hồ, như Tâm, như Đạo.

Vì thế, ngay mấy trang đầu, tác-giả đứng
đổi lập với tất cả những gì có tính cách
siêu nhiên, và những nhân-bản nào căn cứ
vào đó đều « giải quyết rất ít vấn-đề con

người trong cõi nhân-sinh hiện tại (tr. 16).
Khổng-giáo, trái lại, « đã hàm chứa một
quan-niệm nhân-bản đầy đủ và rõ rệt », vì
con người « được coi như một hàm số
của trật tự xã-hội mô phỏng theo hình ảnh
một nền trật tự thiên nhiên » (tr. 16). Câu
của Mạnh-Tử « Dân vi quý, xã tắc thứ chi,
quân vi khinh » là một cách-mạng táo bạo
trong chế-độ siêu hình quân chủ, là một mầm
non tư tưởng nhân bản.

Phế bỏ những gì trác tuyệt, bí ẩn, tác-
giả chủ trương dùng khoa-học thám-hiểm
nội tại con người : sở dĩ Á-Đông « triển
miên trong giấc mộng siêu hình, cùng những
chế độ chính-trị, kinh-tế cũ », là vì khoa
học chậm tiến. Trong khi ở Tây-Phương,
nền nhân-bản chớm nở và phát triển mạnh
mẽ, dù, suốt thời Trung-cổ, cũng đã bị
« chìm đắm trong một bối cảnh ý thức
hệ siêu hình lấy trọng tâm ở Thượng-
Đế. » (tr. 17)

Cơ-đốc giáo đã thống trị Âu-Châu đến
khoảng giữa thế-kỷ 19. Mác đã thoát khỏi
ảnh hưởng đó và nhờ thế đã « đặt vấn đề
con người cách rõ rệt và cụ thể hơn »
(tr. 20) Kierkegaard cũng gạt bỏ Thượng-
Đế ra ngoài và nhấn mạnh vào thành phần
chủ-quan độc đáo của mỗi con người. Dos-
toievski đứng lên chống lại quan niệm thần
quyền, bài xích ý thức hệ siêu hình, vạch
một đường lối cho Nietzsche. Đi xa hơn,
Nietzsche gọi giáo lý Cơ - Đốc là một
« trọng tội », và những người theo đạo là
những kẻ « ảo giác của đời sống bên kia ».
Nên cần giết Thượng-Đế « để bước lên
địa vị một siêu-nhân sáng suốt, quật cường,
tự mình nắm giữ lấy vận mệnh... » (tr. 21).

Hơn 150 trang sau (23-192) dùng để
diễn đạt những tư tưởng đó và tác-giả

muốn minh chứng, qua các môn phái, nhân bản chân chính trước hết phải diệt trừ mọi ý thức siêu hình.

80 trang (193-272) dành riêng cho quan niệm tự-do và đức lý, vì đó là điều can hệ hơn cả trong vấn đề nhân bản. Tác - giả nêu lên 3 câu hỏi :

1) Ta đã thâm cảm thấy gì về thân phận cùng số mệnh con người, và ta có thể tìm thấy ở người một bản chất nào không ?

2) Ta có tìm thấy ở người một khía cạnh tự-do nào không ?

3) Nếu có, làm thế nào thực hiện được tự do đó, và tìm lối thoát cho thân phận con người ?

Tác giả buộc phải kiểm điểm lại lần nữa các học thuyết và kết luận như sau :

Về câu hỏi thứ nhất, giải đáp của hầu hết các triết học, Phật, Lão, Cơ-Đốc, Kierkegaard, Nietzsche, Dostoievski là bi quan yếm thế. Còn Malraux và Camus chỉ biết « chống đối với một số mệnh mà họ cảm thấy hết sức vô nghĩa » (tr. 195) Riêng Khổng-Tử thì bỏ qua sắc thái bi quan để đề cao đức tính hiếu sinh của trời đất.

Câu hỏi thứ hai được tất cả mọi triết gia hay tôn-giáo cho biết con người vốn có tự-do. Duy Mác mới phủ nhận đặc tính đó trong thực thể con người.

Câu hỏi thứ ba gây nên nhiều chia rẽ : có phái đặt một hy - vọng vô - biên vào một cứu cánh mà con người có thể đạt đến. Có thuyết bi quan lại chối từ mọi thứ cứu cánh; nhưng cả hai bi quan, hay lạc quan vẫn cố xây dựng một đường lối

thực hiện tự do con người. Thực hiện bằng cách nào ? Bằng cách tự tử (Camus ?). Bằng cách qui về bản thể uyên nguyên. Bằng cách nhập cuộc để cải tạo xã hội và chi phối thiên nhiên (Mac, Sartre...). Khổng tử và Cơ-đốc giáo dung hòa hai giải pháp cuối.

..

Phần thứ hai là phần phê bình và cảm mốc. Sự thực, đọc kỹ sách, ta thấy những trang đầu của tác-giả và ngay tiêu đề của sách « Người không phải là tu sĩ cũng không phải là ủy viên chánh trị », đủ cho ta biết lập trường của họ Nghiêm. Nhưng ở đây tư tưởng có hệ thống hơn.

Tác giả lên án nhân bản của phái duy tâm, vì nó chỉ là một siêu nhân bản, cốt thăng hoa thành phần siêu việt trong chủ quan con người để đạt đến cuộc đời sống vinh quang ở nơi bản thể tuyệt đối. Nhưng bản chất đó đâu có thực; xem như nó chỉ là một sự cụ thể hóa những nguyện vọng con người và ngày nay đại đa số nhân loại không thể chấp nhận học thuyết duy tâm. Chủ trương thái độ bất khả tri của Khổng-Tử là khôn ngoan (trg 253-256). Do đó, quan niệm tự do và đức lý của học thuyết duy tâm là huyền ảo.

Nhân bản Mác-xít là một thứ nhân bản của thứ hạ-nhân (Sous-humanisme), vì trước bỏ thành phần chủ quan con người để chỉ lưu tâm đến thành phần tương quan với vũ trụ và xã hội (trg 257). Và tự do, luân lý của thuyết Mác cũng chỉ có thể là một tự do tập thể, khách quan.

Học thuyết Hiện sinh vô thần ra khỏi « những vết xe đổ của trận doanh duy tâm và duy vật », (trg 261), nhưng quan

niệm con người cô đơn, không thể cảm thông với vũ trụ, xã hội, cũng như quan niệm tự do, đức lý lẫn lẫn trong phạm vi chủ quan cá nhân không thích ứng với ngoại cảnh. . . đều là những nhược điểm.

Phi bác xong các thuyết, tác giả « cảm mốc chính cho một quan niệm chân xác về nhân bản tự do và tuyệt đối đức lý của giai đoạn hiện tại » (273). Mốc chính phải dựa trên khoa học, dù « khoa học ngày nay chưa giải thích được hết thấy các bí ẩn của vũ trụ và con người và có lẽ cũng không bao giờ giải thích được một cách toàn triệt, song những kết quả thu lượm được bởi khoa học ít nhất cũng là một khởi điểm vững vàng cho ta tiến bước » (trg 270). Khoa học cho ta biết, cũng như sự vật có một phương diện vật lý và một phương diện sống động luôn luôn muốn vượt ra khỏi lãnh vực tất định của vật lý, con người là một cá thể tiến hóa linh động bao gồm một thành phần liên quan với vũ trụ và xã hội, và một thành phần nội tại, độc đáo, luôn luôn tự do và tái tạo để ảnh hưởng trở lại hoàn cảnh gây ra bởi vũ trụ và xã hội khách quan (trg 280). Quả thế, cạnh luật chuyển hóa miên tục, thế kỷ thứ 19 đã khám phá ra những sự kiện đột biến (mutations) ở loài thảo mộc hay sinh vật, gây nên những linh thái bất quân bình giữa sinh vật và hoàn cảnh, đôi khi bất chấp cả những điều kiện bên ngoài tượng trưng cho phương diện sống động, cho « khả năng tự do », và mở đường cho hướng tiến hóa.

Ở nguyên tử, chúng ta cũng chứng kiến phương diện sống động đó, xem như nguyên tử cũng có một cá tính tự tạo khá rõ rệt (trg 297).

Đi sâu vào thực thể con người, ta nhận thấy có 3 đặc tính : ý thức con người có tính cách tự phản, có thể quay lại soi sáng chính mình (conscience réflexive); nó có tính cách tự tạo và tái tạo, nghĩa là tự do, nó có khả năng thẩm thấu (possibilité d'interpénétration) giữa chủ quan và ngoại giới. Ba đặc điểm đó làm cho con người vượt khỏi phạm vi bất định của thành phần tương quan với xã hội và ngoại giới.

Nhưng tự do con người không thành một thứ tự do tuyệt đối, như phái duy tâm hàng chủ trương. Sự diễn tiến của nó không thể có tính cách hữu hạn (fini) hay vô hạn (infini), mà chỉ có thể là vô hạn định (indéfini) ; « tương tự như một người lái đò lão luyện và đầy lương tâm, ta chỉ có thể cố gắng tự tạo để sang ngang hoặc trở ngược một cách vô hạn định dòng sông sinh hóa mà thôi » (trg 340).

Trong cuộc đời ngược xuôi đó, tiêu chuẩn đức lý là « Sự thẩm thấu hòa đồng (interpénétration harmonique) giữa thành phần nội tại và tương quan », là sự điều hòa giữa sinh hoạt con người với sinh hoạt vũ trụ và xã hội.

Nói đến đức lý tức là nói đến nguyên tắc, nên để kết luận, tác giả kê ra một vài luật lệ khả dĩ giúp ta hòa mình với toàn thể : Thiện hay Ác, chẳng hạn, là tất cả những gì thuận lợi hay phản nghịch sự thẩm thấu hòa đồng. Nhưng, những giá trị luân lý đó đều tương đối, lệ thuộc vào tinh chất, không gian và thời gian.

*
**

Bổ cục phân minh, nhưng tác giả khó tránh được sự lặp đi lặp lại : mỗi học

thuyết ít nhất cũng phải đưa ra ảnh sáng ba lần. Bàn về đức lý, tự do sau khi giới thiệu mỗi môn phái thì dờ dài dòng. Ngược lại quan niệm chính yếu về lịch sử của Mác-xít, mãi gần cuối sách (trg 336) mới thấy nhắc đến.

Đứng trước những danh từ triết học chuyên môn, ai trong chúng ta cũng ngập ngừng, lúng túng; nhưng đại để, tác giả đã dịch khá lưu loát, vì sẵn có một nền hán học và Âu học. *Aliénation*, tác giả cho là phóng khí (trg 80, 196, 339); có người đề nghị: phóng thể, hay tha-hóa (trong một bài đăng ở Bách Khoa). Tha-hóa có phần đúng với ngữ nguyên: *alienus*, xa lạ; làm cho biến tính, đổi tính mình ra tính người khác.

Về Ki-Tô giáo, những danh từ tác giả dùng hơi cổ, thuộc thế kỷ 1718. Câu rút (trg 83), thập ác (trg 186, 186), để chỉ thập giá (*crux, croix*). Ôn thiên triệu (*vocation*) khác ân sủng (*grâce divine*, trg 219).

Ta không thể trách tác giả về những điểm nhỏ nhặt đó.

*
**

Không một lúc nào, chúng tôi nghi ngờ lòng thành thực của tác giả. Nhưng chính vì quá thành thực, quá hăng hái, muốn đề cao lập trường mình mà lập luận của tác giả có phần chủ quan, khi quyết đáp, khi rút rè.

Chúng tôi thiết nghĩ nói đến nhân bản tức phải nói đến nhân bản vị. Mà nhân bản vị gồm hai yếu tố quan trọng: hướng nội và hướng ngoại. Thiếu một trong hai, con người sẽ mất thể quân bình. Hai yếu tố đó tương đương với hai thành

phần của tác giả: thành phần tái tạo và tác tạo và thành phần điều hòa sinh hoạt con người với sinh hoạt vũ trụ.

Dĩ nhiên, phái duy tâm nhấn mạnh vào yếu tố nội tâm và tất cả cuộc đời con người là làm sáng tỏ thành phần đó: tổ chức xã hội cần thiết thật, nhưng vẫn phụ thuộc vào việc cứu rỗi linh hồn. Xã hội có thể giúp ta nên thánh, như thời thế tạo anh hùng, nhưng chúng ta có thể nên thánh trong một xã hội sa đọa, chứng minh Đức Phật, Khổng Tử, Socrate, Giêsu... Ta phải đưa hết sức lực tình yêu nhân loại để tổ chức một xã hội công bằng, nhưng xã hội không phải là cứu cánh con người. Tác giả cũng thấy rõ điều này trong chủ trương của Ki-Tô giáo (trg 87): con người không vì xã hội mà xã hội vì con người.

Nên chỉ trích Lão Tử, Phật Tử, Khổng tử quá thiên trọng về sự giáo hóa nội tâm mà lãng quên tổ chức tương quan sản xuất và phân phối, khẩn cấp cho thế kỷ 20, thì có lẽ quá đáng. Mặt khác, nếu các thuyết đó có những chân lý khả dĩ giải quyết được vấn đề nhân sinh cách đây mấy nghìn năm, thì nay chúng cũng còn có thể giúp ta, miễn là đừng áp dụng học thuyết đó cách quá cứng rắn, đừng coi chúng như những mội định giới « Khổng Tử viết... », mà là những tia sáng chiếu soi đời sống chúng ta: hoàn cảnh khác biệt, nhưng nguyên tắc vẫn bất di dịch.

Nếu Công-giáo đã ảnh hưởng sâu rộng vào Âu-Châu, theo nhận xét của tác giả, là vì đã sẵn có một cơ quan hữu quyền để giúp giáo dân thích ứng với cảnh ngộ: thích ứng không phải là « bỏ cứu » (trang 86), như Nghiêm quân làm tướng. Công-giáo xuất hiện như một mầm non có đủ

tiềm lực để thành cây lơn với thời gian : không ai bảo cành lá, hoa quả là để « bổ cứu » cho cây.

Như đã nói trên, tác giả vẫn đi thẳng vào then chốt của các triết thuyết và tôn giáo. Về đạo Cơ đốc, tôi cũng đọc được nhiều trang thích thú (trang 84, 85). Có một vài khuyết điểm mà tác giả khó bề tránh được : « Sở dĩ Chúa Trời ngăn cấm việc ăn trái cây tri giác, chỉ là vì tri giác sẽ mãi mãi đưa tâm linh con người đắm mình nơi vũ trụ Sai biệt... Thần tích về cây tri giác này có thể nhắc ta nhớ tới thuyết duy thức của nhà Phật và câu « vạn pháp duy thức » cũng có nghĩa rằng mọi vật đều do thức mà ra ... (trang 77.). Chúng tôi đã chú thích về cây « tri giác », cây biết lành biết dữ, trong bài « Nguồn gốc tôn giáo » đăng ở Bách Khoa. Xin miễn lặp lại ở đây.

Cách cắt nghĩa của tác giả về Đức Chúa Trời ba ngôi, nghịch hẳn với chủ trương của Giáo-Hội công giáo : « Chúa Cha trọng trưng cho một trạng thái ý tưởng thường tịch chưa biểu hiện, Chúa Con tiêu biểu cho trạng thái chuyển hóa cực độ đi sâu vào cõi thế gian đầy rẫy thể chất và tội lỗi. Ngôi Thánh Thần tức là những mối tương quan mâu nhiệm giữa Chúa Cha và Con, hay là sợi giây huyền sáng thể dẫn dắt từ trạng thái chưa biểu hiện đến cực độ phân hóa. Quan niệm ba ngôi thiêng liêng này, ta thường gặp trong hầu hết các tôn giáo, tỷ dụ như Phật giáo có Tam Bảo, tức Phật, Pháp, Tăng... » (tr. 78).

Sự thực, tất cả nhân sinh quan công giáo bắt nguồn ở Thiên Chúa ba ngôi, biểu cách khác hẳn chủ trương của tác giả.

Dưới ngòi bút của Nghiêm-quân, Dostoievsky đã muốn đặt lên vấn đề thống khổ và nổi loạn, muốn « tìm hiểu xem con người có làm chủ được số mệnh, hay trái lại, vẫn phải khuất phục trước một ý chí siêu việt hơn. Ý định muốn vượt qua thân phận con người thực hiện tự do tuyệt đối quả là ý định đã ám ảnh nặng nề Dostoievsky... » (trang 145).

Điều chắc chắn là đọc tiểu thuyết hay xem các phim về Dostoievsky, ta bắt gặp nhiều nhân vật điển hình phức tạp và kỳ lạ, tượng trưng lý thuyết sức mạnh của Nietzsche, duy vật của Mác, hiện sinh vô thần của Sartre, nhân bản vị Ki-Tô giáo của Gabriel Marcel... và ai cũng gọi Dostoievsky là quân sư để rời tha hồ phân tích tâm hồn các nhân vật trong truyện để chứng minh lập trường của mình. Không chuyên về Dostoievsky, chúng tôi không dám quyết đáp như tác giả, vì cạnh những đoạn tác giả trưng ra, chúng tôi có thể chua vào nhiều đoạn trái ngược.

*
**

Đề cập đến Nietzsche, tác giả hình như chấp nhận tất cả những chỉ trích của triết gia về công giáo, đôi khi lại coi như là độc đáo, dứt khoát, không cần bàn cãi : Thiên Chúa đã chết, tôi đã giết Thiên Chúa ! Thượng Đế chỉ là một giả tạo, một tác phẩm của con người đam mê, một ảo vọng; luân lý công giáo có tính cách nhu nhược, sản sinh ra một thứ giống nòi hèn nhát, hèn dối, nô lệ... Bên tai tôi còn văng vẳng những lời nói chui cay của Zarathoustra, con người siêu quần bạt chúng. Vọng vào đó những lời mỉa mai của Sheler, Feuerbach, Mac, Auguste Comte, Sartre..., và những

lời phẩm bình của họ Nghiêm : « Ta cũng phải bình tĩnh tự hỏi rằng cái bản chất siêu hình thường được đề xướng trong học thuyết duy tâm phải chăng là một sự có thực, hay phải chăng nó chỉ là sự chiếu rọi trên một bức màn phong siêu hình của những nguyện vọng vô cùng tận của người ? Hiện nay, với trình độ nhận thức của tôi đại đa số nhân loại, ta chỉ có thể chấp nhận được rằng con người, ngoài những liên hệ với vũ trụ và xã hội khách quan, còn chứa đựng một thành phần chủ quan hết sức linh động... Tính chất siêu nhiên và mâu nhiệm của bản thể tuyệt đối rất có thể chỉ là kết quả của sự siêu cực hoá những nguyện vọng của người. Từ trước đến nay, thực ra chưa hề có một sự chứng minh nào rõ rệt về sự hiện hữu của bản thể tuyệt đối... » (trg 252, nhắc lại trang 338). Bằng chứng « đại đa số nhân loại » không thể chấp nhận thuyết duy tâm được nêu lên 3 lần (trg 251, 292, 253). Ở trang 275, 276, tác giả dè dặt hơn : « Những quan điểm trình bày sau đây cũng không có cao vọng giải quyết một thứ uyên nguyên mờ ảo, hoặc đưa ra một thứ cứu cánh siêu việt làm cội nguồn của đời sống con người. . Ta phải bắt buộc phải tạm gác bỏ ra ngoài vấn đề uyên nguyên và cứu cánh. Gác bỏ uyên nguyên vì hiện nay nền khoa học vẫn chưa hề minh chứng một cách đích xác cội nguồn con người... Vấn đề uyên nguyên đã tạm thời đành gác bỏ để chờ những kết quả mai hậu của khoa học... ».

Chúng tôi đồng ý với tác giả con người trong buổi sơ khai, vì sợ sệt, hay con người trong cảnh đau khổ, bức tức, hay con người bị dục vọng lôi cuốn, đã tạo nên

những Thượng Đế để tôn thờ, để tìm an ủi, hay thỏa mãn bản năng : những thần thánh của các tôn giáo Ai-Cập, Hy-lạp, Roma, hay ở nước nhà, ở miền sơn cước, phần nào đã do chính con người xây dựng. Nhưng trong đáy lòng con người, trong sạch và dơ bẩn trộn lẫn nhau : rất có thể ta phóng ra ngoài những gì khả nghi của ta ; nhưng cũng có thể ta đem ra ánh sáng những gì tươi đẹp của tâm hồn ta, như hình ảnh Thượng Đế, đấng toàn năng toàn thiện, thưởng phạt muôn dân : đây là kết quả của cuộc mặc khải xa xăm. Những tin tưởng, những lễ nghi của các tôn giáo man rợ có thể bao hàm những gì quý báu : vàng nguyên chất thường xen lẫn với đất bùn. Do đấy không thể căn cứ vào những quái dị để phủ nhận tôn giáo.

Khi phi bác thuyết Mác, tác giả viết rất đúng : « Lối lập luận duy vật sử quan của phe Mác-xít thực ra chỉ là một cách trình bày khôn khéo, đem cất đôi vấn đề rồi đưa ra một khía cạnh cụ thể nhất, và lấy đó làm nguyên nhân duy nhất mà thôi. Các tín đồ Mác xít thường cho rằng cái cối xay lúa bằng sức nước hoặc gió đã tạo nên chế độ phong kiến, và cái máy xay lúa bằng hơi nước hoặc bằng điện đã tạo nên xã hội tư bản. Lập luận như thế, họ đã có ý hoặc vô tình bỏ qua một vấn đề căn bản, vì ta bắt buộc phải hỏi lại rằng : vậy cái gì đã tạo ra cái cối xay lúa bằng sức nước cũng như cái máy xay bằng điện ? Cái cối xay lúa bằng sức nước không có lẽ lại có thể tự biến hoá thành máy xay bằng điện ! Năng lực chế tạo để chuyển hoá từ cái cối xay sang cái máy xay, thực ra chỉ là ý-thức con người. Đàng rằng muốn thực hiện một bước tiến và chế tạo một dụng cụ sản - xuất

mới, ý thức con người phải dựa vào những tương quan sản-xuất đương có. Nhưng nếu không có ý thức con người, thì những tương quan sản xuất đương có đành phải cố định mãi mãi trong một tình trạng.» (trg 317).

Ở chúng tôi cũng xin hỏi tác giả : nếu con người đã thần thánh hóa sấm, sét, trời, đất, hay « những nguyện vọng vô cùng tận » thì ý thức thần thánh con người lấy ở đâu để áp dụng vào các hiện tượng tiến ? Chúng ta đứng trong vòng luẩn quẩn không có lối ra. Phải chăng lấy ở xã hội, đoàn thể, ở tâm tình con người ? Nếu thế thì xã hội, đoàn thể tâm tình con người đương nhiên trở nên Thượng-Đế, như ta thấy trong thuyết của Mác, Durkheim, Nietzsche hay phái hiện sinh duy vật : chối bỏ Thượng-Đế thay thế bằng những Thượng-Đế khác hợp với tâm vóc con người cũng tương tự như lập luận của Mác-xít

Mặt khác, chúng ta cần phân biệt nguồn gốc phát sinh cách cụ thể ý niệm về Thượng-Đế, với giá trị của ý niệm về Thượng-Đế. Không phải vì ý niệm Thượng-Đế nảy ra khi gặp cơn giông tố mà lại đem lòng nghi ngờ giá trị của nó. Hai quan điểm khác hẳn : giông tố không phải là căn nguyên của ý niệm về Thượng-Đế mà chỉ là một cơ hội cho nó hiển diện, nên ý niệm về Thượng-Đế không lệ thuộc vào những cơ hội hay điều kiện phát xuất. Điều kiện có thể tốt đẹp hay ti tiện, nhưng ý niệm về Thượng-Đế không thể bị liên hệ. Những định luật của hình học được khám phá ra nhân sự tổ chức dân thủy nhập điền ở Ai Cập, nhưng giá trị của hình học đâu có liên quan đến tổ chức kia ! Vì làm lẫn nguyên lý với nguồn gốc cụ thể, vì muốn tìm

nguyên lý ở ngay nguồn gốc (1) nên Nietzsche, Mác, Sartre... và cả tác giả đã đã kích Thượng-Đế cách mù quáng, gần như ngẫu biến.

Vì thế không một sự kiện lịch sử, xã hội, hay khoa học nào lại có thể tác tạo ra ý niệm về Thượng-Đế. Nó có thể nảy nở nhân một trường hợp, một biến cố một hiện tượng, một hãi hùng; một thất vọng, một tang tóc..., những các dữ kiện đó không phải là Thượng-Đế. Khoa học có thể và có bốn phận nghiên cứu tử mỹ các dữ kiện sản sinh ra ý niệm Thượng-Đế, nhưng không bao giờ khoa học lại có thể cho ta biết bản chất của ý niệm về Thượng-Đế. Tác giả phải chăng đã ngộ nhận ?

Dĩ nhiên, những chỉ trích của Nietzsche, Mác.. nhân một thời đại, nhằm một « Giáo Hội sa lầy » (trg 117), một bọn tín đồ giả hiệu, một hạng tư bản lợi dụng tôn giáo để đè nén, bóc lột, ru ngủ dân chúng « Thiên-Chúa đã trở nên một thứ cảnh sát giữ gìn trật tự cho một chế độ phong kiến, lạc hậu. Dần dần ở Âu-châu Công-giáo đã biến thành một quốc giáo phục vụ một giai cấp, giai cấp thống trị. Không lạ gì khi giai cấp này bị lật đổ, tôn giáo cũng bị ghét lây, bị ghép vào hạng phản động. Giáo-Hoàng Piô XI đã can đảm và đau đớn nhận xét : « Điều tệ hại của thế kỷ thứ XX là Giáo-Hội công giáo đã mất giới cần lao ! » mất giới cần lao, cũng vì quá chạy theo tư bản. Cái nguy hiểm nhất của một tôn giáo ở bất cứ thời đại nào là liên kết với một chế độ, với một chính trị,

(1) Trong : Vocabulaire philosophique, J.Lachelier định nghĩa : « origine ne peut se dire que d'un commencement dans le temps, d'un premier fait... Une raison métaphysique... ne doit pas être appelée de ce nom. Il faut dire principes ».

một đảng phái hay một nhân vật. Phong trào Aufklärung (Ánh sáng) của thế kỷ 19 ở Tây Phương có một thái độ vô cùng quý quyết: trước mặt thì ve vãn, ủng hộ tôn giáo, nhưng sau lưng thì tìm đủ cách để đã phá, diệt trừ tôn giáo tận gốc rễ. Ở Hạ nghị viện Pháp, Thủ Tướng G. Clémenceau cũng có một câu tượng trưng cho thái độ trên: « L'anticléricalisme n'est pas un article d'exportation ! » chủ nghĩa phản giáo không phải là một hàng hoá để xuất cảng. Nghĩa là ở « mẫu quốc » ta phải cương quyết diệt tôn, nhưng ở thuộc địa phải biết lợi dụng tôn giáo... Đó cũng là chính trị của Pháp qua 80 năm ở Việt-Nam...

Những lăng mạ của Nietzsche và Mác cũng còn có một tầm lửa xa hơn: đó là những lời cảnh cáo tín đồ của bất cứ tôn giáo nào và đó cũng là những lời cảnh cáo mỗi người chúng ta. Chúng ta đứng trước một luật tâm lý: cái gì cao quý ở đời cũng có mặt trái; trước một lý tưởng siêu việt xa xăm, trải bao cố gắng, ta đâm ra mệt mỏi, chán chường, và dần dần ta hạ thấp lý tưởng đó theo kích thước của chúng ta, rồi ta đóng vai trò Tartufe, giả hình: Giữ bất cứ địa vị nào trong xã hội, ai ai cũng ít nhiều đóng một vai trò tương tự. Những phân tích của Nietzsche và Sheler về « con người hờn dỗi » (l'Homme du ressentiment) buộc chúng ta phải tự xét mình trong mọi hành vi cử chỉ hằng ngày. La Fontaine trong ngụ ngôn « Con chồn và chùm nho » cũng đã lên tiếng dạy đời: đang đói, thấy một chùm nho chín đỏ, chồn vui sướng, nhưng chùm nho quá cao, không sao nhảy tới. Chán nản, bỏ ra đi, chồn thốt ra câu: « Nho đó quá

xanh, dành riêng cho bọn phàm ăn » (Ils sont trop verts, dit-il, et bons pour des goujats !) La Fontaine tự nhủ: yên đi có hơn không, sao lại còn lên tiếng! nhưng đâu có yên được, để giấu giếm cái bất lực của chúng ta, chúng ta phải tìm cho ra một cái gì để đổ lỗi, hay để làm giảm giá trị. Rồi phải lên tiếng gọi là chiêu lệ !...

Thánh kinh công giáo nói: « Thiên-Chúa đã tạo nên con người theo hình ảnh mình ». Nhưng Xénophane, nhà triết học Hylạp thế kỷ VI trước kỷ nguyên cũng đã tự vấn: « Hay là con người đã tạo nên Thiên Chúa theo hình ảnh mình ? » Tạo nên Thiên Chúa theo hình ảnh mình tức là thẩm giá Thượng Đế theo trí não mình, để thờ chính mình, thỏa mãn nhu cầu của mình, nhưng vẫn giữ được tiếng là bậc đạo đức, thánh thiện. Biết bao giáo dân, biết bao thiện nam tín nữ, đã có một quan-niệm sai lầm về đảng mình đang tôn sùng. Như thế là làm cho con người trở nên nhu nhược, hèn yếu, nô lệ và tôn-giáo thật là một liều thuốc phiện. Muốn đổi phóc, ta phải luôn luôn cảnh giác và cân nhắc, so sánh ý niệm, hành-động của ta xem có hợp với yêu sách tôn-giáo không.

Những xuyên tạc về tôn-giáo chưa chắc đã làm cho chính tôn-giáo đó bị giảm giá, cũng như những giải đáp sai lệch của thí sinh về đại số không làm cho ta ngờ vực nguyên tắc đại số.

Tác giả thường nại lý khoa-học hay đại đa số nhân loại, cho rằng bản thể tuyệt đối không thể chứng minh được. Đó cũng là lời lẽ của các nhà khoa-học Âu-Châu thế kỷ 19: « không bao giờ chúng tôi thấy linh hồn ở đầu dao mổ. » Nhưng nếu vậy thì

làm sao lý giải được các phép lạ ở Lộ-Đức (Lourdes) có những tính chất mà khoa-học chưa khám phá được.

Bằng chứng « tối đại đa-số nhân loại ngày nay » cũng không thể dùng để khước từ thuyết duy tâm, vì đây không phải là trưng cầu dân ý : chân lý không thể liên-hệ đến con số. Xưa kia nhân-loại trải bao thế-kỷ vẫn tin mặt trời quay quanh trái đất, vẫn hay thông kể tự nó vốn có một giá-trị, nhất là trong khoa-học hiện đại ; nhưng đem áp dụng vào quần chúng theo kiểu Gallup thì chúng ta có quyền nghi ngờ : những cuộc tuyên truyền, quảng cáo, « nhồi sọ » làm cho con người không còn tự chủ được nữa.

Phần xây dựng của tác-giả dĩ nhiên sẽ dựa vào khoa-học. Như Descartes, Nghiêm quân coi thường những giá-trị cổ truyền, để rồi tự khám phá lấy những gì không còn có thể chối cãi được ; những đột biến ở nguyên tử hay sinh vật, những chuyển hóa miên tục, tính cách linh động của con người là nền tảng kiên cố của nhân bản

hiện tại. Tác-giả tóm tắt những phát minh khoa-học, phần đông trích ở sách của Broglie hay của nhà Thibaut, vừa quá cổ. Nhưng nay, những đột biến đó, các nhà khoa-học lại có thể điều khiển được (mutations dirigées).

— Một vài chú giải của tác giả làm chúng tôi ngỡ ngàng : về cảm quan, tác giả viết : « khoa học ngày nay đã nhận rằng thức giác chỉ là kết quả của những quang tuyến phát xuất từ các sự vật rời va chạm vào những tế bào của con mắt chẳng hạn. Sự va chạm đó được chuyển tới trong tầm nhìn quan của óc, rồi làm phát xuất thành một thức giác về hình ảnh, màu sắc. Sự so sánh giữa hàng hà sa số thức giác của ngũ quan đã khiến dần dần phát hiện ý thức » (trang 308). « Thức giác là gì, nếu không phải là sự va chạm thẩm thấu giữa những quang tuyến phát xuất từ các sự vật và những tế bào của các giác quan con người. Ý niệm là gì, nếu không phải là sự so sánh giữa những thức giác đơn giản, rồi trừu tượng hóa lên một bình diện cao hơn » (trang 311, 312).

« Cửu như »

Trong Kinh Thi có chín lời chúc, gọi là « *cửu như* », rất đẹp và rất nên thơ :

Như sơn (như núi)

Như phụ (như gò lớn)

Như cương (như sông núi)

Như lãng (như gò nhỏ)

Như xuyên chi phương chi (như sông chảy đi khắp nơi)

Như nguyệt chi hằng (sáng như mặt trăng)

Như nhật chi thăng (lên như mặt trời)

Như Nam-sơn chi thọ (thọ như Nam-sơn)

Như tùng bá chi mậu (xanh như cây tùng cây bách)

Cách cắt nghĩa đó chỉ cho ta biết điều kiện phát xuất của thức giác, hay ý niệm, nhưng không nói gì đến chính thức giác và ý niệm. « Dần dần phát hiện ý thức » « rời trừu tượng hóa... » là những câu rất lờ mờ không có tính chất khoa học. Sự thực, khoa học chỉ cho ta biết điều kiện phát xuất ; tiến lên bước nữa là khoa học đành bó tay vì không thuộc phạm vi khoa học nữa.

Như thế khoa học sao có thể giải quyết nổi vấn đề nhân sinh, và xây dựng nhân sinh quan trên nền tảng khoa học tất nhiên sẽ gặp nhiều khó khăn, vì « con người vượt quá con người (l'homme dépasse l'homme). Có chăng những khám phá của khoa học chỉ củng cố những suy luận của triết học. Tác giả nói đến con người thánh thiện (trang 353), nhưng căn cứ vào đâu ? Vào nguyên tắc thẩm thấu hòa đồng ? Vào trí thức con người ? Và ai đứng bảo đảm nguyên tắc đó ? Con người hay xã hội ? Nếu là con người, ta khó tránh được thuyết chủ quan hiện sinh ; nếu là xã hội, ta lâm vào thuyết duy vật. Chắc đọc giả sẽ ngạc nhiên khi thấy tác giả đề nghị : « Giữa một con ếch và con một chó sấp bị tai nạn, và nếu chỉ có thể cứu được một con, lẽ dĩ nhiên là phải cứu con chó, vì nó là một sinh vật ở một cao độ tiến hóa hơn ». (trang 351). Lẽ dĩ nhiên không dĩ nhiên chút nào.

Tựu trung, tôi thấy rải rác trên sách một lầm lẫn lớn : lầm lẫn phạm vi khoa học với phạm vi triết lý. Tác giả lặp lại mà không kiểm điểm cẩn thận những phê bình, xưa từ một hai thế kỷ nay của đồ đệ Voltaire. Tôi xin đơn cử một thí dụ, vì có nhiều trong sách : để kết thúc tác phẩm,

dựa vào những dân tộc thô sơ, tác giả cho rằng Thiên Ác chỉ có giá trị tương đối trên tính chất, trên không gian và thời gian. Đây chỉ là lập luận của Lévy Bruhl, thế kỷ 19, mà nay các nhà thức giả không còn công nhận, vì ai cũng biết đến yếu tố triển khai : lý trí con người là một, nhưng phải trải qua nhiều giai đoạn bành trướng mới thành thực, chín chắn. Trẻ em lên hai, lên ba lý luận khác chúng ta, vì trí khôn còn non nớt, hay nói theo kiểu tác giả, tế bào óc não chưa trưởng thành. Vì thế giáo dục phải tùy sức, tùy tuổi. Có người yêu cầu dạy hình học, đại số chỉ khi trẻ lên 16, 17. Cũng có lý và chương trình giáo dục Tiệp-khắc áp dụng theo đường lối đó đã thu được nhiều kết quả. Lớp dưới chỉ học sinh ngữ và các khoa thường thức.

*
* *

Theo thiên ý, chính vì đã lầm lẫn Thượng-Đế với những Thượng-Đế nhân tạo, chính vì đã trút phế Ngài, mà Âu-châu đã trải qua nhiều thảm kịch bi đát, mà đời sống con người đâm ra « vô nghĩa, tuyệt vọng, buồn chán, nôn oẹ, nghệt thờ ; mà con người phải « nổi loạn, chống đối, trở nên kiêu hãnh, hay cô đơn, hiu quạnh » ; mà con người phải thần thánh hóa lý trí, bản năng, ý chí, cảm tình ; mà con người như thất cước, bọ đầu bám đấy, như anh lái đò của tác-giả phải ngược xuôi trên giòng sông nước cuốn...

Ra khỏi chiến tranh, là một nước hậu tiến, ta phải học hỏi nhiều ở nước người. Nhưng nước người cũng như nước nhà có hay có dở. Khoa học Âu-Châu đã quá hấp-dẫn tác-giả. Khoa học ngày nay thực đã làm cho ta phấn khởi và có thể giúp

ta nhiều trong vấn-đề nhân bản. Nếu có điều đáng trách thì nên trách chỗ con người không biết sử dụng khoa học, chung quy là trách chính lương tâm con người đã mất thể quân bình.

« Có mới nói cũ ». Nói cũ chứ không phải hủy cũ. Trong khi Âu-Châu, sau hai đại thế chiến đang bán khoán hướng về Á-Đông để tìm một lối thoát, thì tác-giả lại khinh miệt những gì có thể gọi là tinh túy Á-Đông, phàn nàn vì Á-Đông đang « triển miên trong giấc mộng siêu hình », và muốn đánh thức Á-Đông trở về con đường khoa học tân tiến. Những cuộc mạo hiểm của đất Phù tang mới đây đáng làm cho ta suy nghĩ.

Dung hòa Đông Tây trong một nhân sinh quan toàn diện không phải là việc dễ-dàng. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ tinh thần « và chủ nghĩa đại đồng » của Á-Đông có thể thấm nhuần khoa học và chủ nghĩa cá-nhân của Tây Phương được lắm.

Bất đồng lập trường là một sự thường tình. Một nước dân-chủ chân chính đòi hỏi có nhiều « gia-đình tinh-thần » (familles spirituelles). Nhưng cũng đòi hỏi sự tôn trọng lẫn nhau. Đôi khi, vì hung hăng biện luận. Nghiêm quân đã sơ suất điều đó : « Từ trước đến nay, thực ra chưa hề có một sự minh chứng nào rõ rệt về sự, hiện hữu của bản thể tuyệt đối, ngoài lời quả quyết của một số tu sĩ trong các tôn giáo. Song sự thể nghiệm bản thể tuyệt đối vẫn còn là một bí ẩn chưa thể chứng nghiệm một cách phổ biến. Rất có thể rằng các vị tu sĩ đó là nạn nhân của một ảo giác, hay lời quả quyết của họ chỉ là do ước vọng hoặc do mối từ tâm muốn an ủi loài người lãng quên đau thương phiền não... » (trang 252-253).

Nếu « một số tu-sĩ » quả quyết như vậy, thì số tu-sĩ còn lại chủ trương thế nào ?

NGUYỄN-ANH-LINH

VOYAGEZ PAR QUADRIMOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS. RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C^o
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

Spring



Thuốc thơm điếu dài :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỶ

**GIA
BÌNH DÂN**

10%

TÌNH NGƯỜI

HOÀNG-THÁI-LINH dịch

Lời người dịch :

Đây là một đoạn văn trích trong « Thư gửi người con tin » (Lettre à un otage) của Saint-Exupéry viết trong thời kỳ nước Pháp bị Đức chiếm đóng. Sống trong một thời đại bạo động, oán thù chiến tranh, nhà văn cảm thấy một cách sâu xa và chua xót tình cảnh phân ly giữa người với người vì quyền lợi, vì chủ nghĩa, ý-thức hệ.

Chính trong hoàn cảnh đó mà con người nhận ra rằng một nụ cười chào đón, một cái nhìn mời gọi, một cái bắt tay thân mật, một lời hỏi thăm chân thành, là những cái rất tầm thường đã trở thành những giá trị hiếm hoi và do đó cũng trở thành những khát vọng mãnh liệt nhất của con người.

Trong tất cả mọi tác phẩm, Saint-Exupéry luôn luôn tìm thể hiện sự thông cảm giữa người với người, ca tụng tình bạn của những người cùng chia sẻ một nghề nghiệp, một hoàn cảnh sinh sống mà theo tác giả, muốn gần gũi nhau người ta chỉ việc bỏ xuống những lối sống không thực, những mặt nạ giả tạo, những niềm tin không phát xuất từ đáy lòng để gặp nhau trong « tình người » trong những cái gì chỉ là « người » mà thôi. Một lời mời, một cử chỉ, một nụ cười có thể tạo thành những « phép lạ » thông cảm đó.

Văn tập « Thư gửi người con tin » là một tác phẩm nhỏ Saint-Exupéry viết vào quãng 1941 để gửi cho những người Pháp vùng bị chiếm đóng mà tác giả, tham dự vào cuộc kháng chiến, coi những đồng bào đang ở trong vòng địch như những con tin của nước Pháp tự do và độc lập.

HOÀNG-THÁI-LINH

... Cuộc đời làm thế nào tạo nên những sức lực mà chúng ta cần phải sống ?

Cái gì đã thúc đẩy tôi đến chơi nhà người bạn này ?

Những giây phút quan trọng nào đã làm cho sự hiện diện người bạn trở thành một trong những tụ điểm mà tôi cần thiết ?

Những chuyện thầm kín nào đã gây nên những tình âu yếm riêng tư và qua những tình tự đó, tình quê hương. Ôi những điều lạ-lùng thường xảy ra trong vắng tiếng động. Những biến cố thiết yếu cũng thường rất đơn giản. Giây phút tôi sắp kể đây chả có gì đáng nói, mà muốn kể tôi phải cố làm nó sống lại bằng mơ mộng và nói với người bạn này.

Đó là một ngày tiền chiến, bên bờ sông Saône về phía Tomnus. Chúng tôi đã chọn một quán có hiên dựng trên bờ sông để ăn trưa. Ngồi tỳ tay vào một cái bàn đơn sơ, mà khách ăn đã khắc tên tuổi chằng chịt, chúng tôi gọi hai cốc Pernod. Bác-sĩ đã cấm cậu uống rượu, nhưng cậu uống trộm trong những dịp đặc biệt. Và đây là một dịp đặc biệt. Chúng tôi chẳng hiểu tại sao, nhưng đây là một dịp đặc biệt. Điều làm cho chúng tôi vui sướng thật khó mà diễn tả hơn cả tính chất vô hình của ánh sáng. Thế ra cậu định uống Pernod trong những dịp đặc biệt đấy. Trông thấy hai người phu tàu đang chèo thuyền hàng hóa từ một chiếc sà-lan chỉ cách chúng tôi vài bước, chúng tôi mời hai người đó lên uống rượu. Và họ đã đến. Đến một cách thật là đơn giản, cũng như chúng tôi đã coi việc mời bạn bè là một điều rất tự nhiên, có lẽ vì một cái gì hân-hoan đang trời dậy trong lòng chúng tôi. Họ đã đáp lại dấu

hiệu mời của chúng tôi và chúng tôi đã uống rượu.

Trời đẹp. Ánh nắng màu mật ong ảm-áp bao bọc hàng dương liễu bờ bên kia và cả cánh đồng chạy dài đến tận chân trời. Chúng tôi càng ngày càng vui, mà chẳng hiểu tại sao. Mặt trời như đảm bảo soi sáng cần-thận, dòng sông cứ chạy dài, bữa cơm đảm bảo là bữa cơm thật, và những người phu tàu đảm bảo đã đáp lại lời mời, cả cô chiêu đãi cũng đảm-bảo phục-vụ chúng tôi một cách tử tế đậm đà như nàng được chủ-tọa một ngày lễ vĩnh-cửu.

Chúng tôi cảm thấy an bình như được ăn náu khỏi cảnh hỗn-loạn trong một nền văn-minh hoàn tất. Chúng tôi hưởng thụ một thứ trạng thái đầy đủ như mọi nguyện vọng đều được thỏa mãn, chả còn gì mà ước mong. Chúng tôi cảm thấy mình trong sáng, ngay thẳng và khoan dung ; chúng tôi không thể nói chân lý đã xuất hiện trước chúng tôi lúc đó trong cái vẻ hiển nhiên đến thế là chân lý gì. Nhưng tình cảm nổi nhất lúc đó chính là một tình cảm tin tưởng chắc chắn, một lòng tin tưởng hầu như kiêu kỳ.

Do đó, vũ-trụ như chứng minh thiện chí của mình qua chúng tôi. Các ngân hà kết tụ với nhau, các hành tinh khô răn lại, những cơn amíp đầu tiên thành hình công trình lớn lao của sự sống đi từ cơn amíp đến cơn người. Tất cả đều qui tụ vào đề đi đến, qua chúng tôi, cái phẩm giá này của khoái lạc.

Đó là một thành công ! Và không đến nỗi dở quá đâu ; chúng tôi hưởng thụ sự thỏa thuận thăm lặng đó và hưởng thụ những lễ-nghi hầu như đượm màu tôn-giáo. Được cô chiêu đãi đi đi lại lại như ru

khách ăn, hai người phu và chúng tôi uống rượu như những tín hữu cùng một giáo-hội, mặc dầu chúng tôi không thể nói đó là giáo-hội nào. Một trong hai người phu là Hòa-Lan. Còn người kia là Đức. Người này trước kia đã trốn bọn quốc-xã vì bị tình nghi là Cộng-Sản, là Tros-kit, Công-giáo hay Do-thái (tôi không còn nhớ người đó bị truy nã vì là hạng người nào). Nhưng lúc đó, người phu là cái gì khác không phải chỉ là một nhãn hiệu. Chỉ cái nội-dung can hệ, cái chất người anh ta là một người bạn! Thế thôi. Và chúng tôi đồng ý nhau, giữa những người bạn. Cậu đồng ý chứ? Tôi đồng ý! Những người phu và cô chiêu đãi cũng đồng ý! Đồng về cái gì. Về rượu Pernod! Về ý nghĩa cuộc đời? Về vẻ êm dịu của ngày? Chúng tôi cũng lại không biết nốt và do đó không thể nói được.

Nhưng sự thỏa thuận đó thật là sâu xa, bản chất của nó như ghi trong một cuốn kinh thánh một cách rõ ràng và hiển nhiên, mà lại không thể diễn tả ra bằng ngôn-ngữ được đến nỗi chúng tôi có thể sẵn sàng nhận bố trí cái quán rượu này dù có phải chết sau những cây súng liên thanh cũng bằng lòng để bảo vệ cái chất đó.

Chất gì? Thật là khó nói! Tìm cách diễn tả nó tôi sẽ hiểu chỉ bắt được bóng, mà không bắt được chính nó. Những chữ thiếu thốn nghèo nàn sẽ để cho chân lý của tôi trốn chạy mất. Tôi sẽ là người khó hiểu nếu tôi nói rằng chúng tôi sẽ chiến đấu một cách dễ dàng để bảo vệ cái phẩm giá nụ cười của những người phu tàu, bảo vệ nụ cười của cậu, của tôi, nụ cười của cô chiêu đãi viên, bảo vệ một phép lạ của mặt trời này đã mất bao nhiêu gian lao dù hàng triệu

năm nay để qua chúng tôi đi tới các phẩm giá một nụ cười phải là một thành công này.

Đôi khi cái cốt yếu chẳng phải là cái gì trọng đại. Cái cốt yếu ở đây, bên ngoài, chỉ là một nụ cười. Và một nụ cười đôi khi là cái cốt yếu. Người ta trả tiền để có một nụ cười. Người ta được thưởng bằng một nụ cười. Người ta trở thành sống động cũng bởi một nụ cười. Và cái phẩm giá của một nụ cười có thể làm cho người ta chết. Dẫu vậy, bởi vì cái phẩm giá đó giải thoát chúng ta một cách tài tình khỏi nỗi xao xuyến của thời đại hiện nay, ban cho chúng ta tin tưởng, hy vọng, bình an, nên hôm nay tôi cần phải kể một câu chuyện về một nụ cười khác để làm cho bạn hiểu tôi hơn.

Câu chuyện xảy ra trong khi tôi làm phóng sự về nội chiến ở Tây-Ban-Nha. Vào khoảng ba giờ sáng tôi đã sơ xuất khi lén dự xem một cuộc chất vật liệu bí mật vào trong một bến hàng hóa. Những toán người làm náo động và bóng tối lờ mờ như làm cho tôi dễ sơ xuất hơn. Tuy vậy những dân-quân vẫn có vẻ coi tôi là khả nghi.

Rồi thật là giản dị khi tôi còn không nghi-ngờ họ đang rón rén và lặng-lẽ tiến đến gần tôi, thì họ đã tới bắt tôi lại một cách nhẹ-nhàng như những ngón tay từ từ nắm lại. Lòng súng « carabine » động nhẹ vào bụng tôi và giây phút im lặng đó có vẻ quan trọng. Sau cùng tôi giơ tay lên.

Tôi nhận thấy họ nhìn trừng trừng, không phải vào mặt tôi, mà vào chiếc cà-vạt của tôi (chiếc cà-vạt mà những xóm dân - quân phiến loạn khuyên không nên dùng). Đa thật tôi co rúm lại. Tôi chờ đợi một loạt súng; đó là thời những vụ xử bắn không xét xử.

Nhưng không có loạt súng nào cả. Sau vài giây vô cùng trống rỗng, tôi thấy những tốp người đang làm việc như nhảy múa một vũ khúc huyền ảo trong một vũ trụ khác, còn những người dân-quân bằng một cái gật đầu nhẹ-nhàng ra hiệu cho tôi đi trước họ và chúng tôi bắt đầu đi, không có việc gì là vội vã, ngang qua những con đường xe hỏa giao nhau. Cuộc bắt bớ xảy ra trong yên lặng hoàn-toàn và với một sự tiết kiệm cử động lạ lùng. Chẳng khác gì như sinh vật đáy biển đùa nghịch vậy. Rồi tôi bị đưa vào trong một hầm nhà đã biến thành điểm gác, trong ánh sáng lờ mờ của chiếc đèn dầu hoả xấu xí có những dân-quân khác kẹp súng « carabine » vào hai chân mà ngủ gật gù. Họ trao đổi một vài lời với bọn người bắt tôi bằng một giọng lãnh đạm.

Một người trong bọn khám tôi. Tôi nói tiếng Tây-ban-nha, nhưng không biết tiếng xứ Catalogne. Tuy nhiên tôi vẫn hiểu là họ bắt tôi trình giấy. Mà tôi quên để cả giấy tờ ở khách sạn. Tôi đáp :

« Khách sạn... » ... « nhà báo » mà không biết ngôn-ngữ của tôi có đem đến cho họ cái gì không. Những dân-quân chuyền tay nhau cái máy ảnh của tôi như một tang vật. Một vài người mệt mỏi ngáp dài ngồi trên những chiếc ghế khập khiễng, trở dậy một cách chán ngán và buồn ngủ. Hình như khả năng chú ý của những người ấy đã được dùng đến triệt để rồi đến nỗi, tôi mong họ tỏ ra một dấu hiệu thù ghét tôi ; vì dù sao đó cũng vẫn là một sự tiếp xúc giữa người với người. Nhưng không, tôi không có vinh dự được họ tỏ ra giận dữ hay oán trách gì cả. Tôi đã nhiều lần cố gắng phản kháng bằng tiếng Tây-ban-nha. Nhưng lối bào chữa của tôi rơi vào hư vô. Họ nhìn tôi không động đậy như nhìn con cá tàu trong chậu nước.

Họ chờ tôi. Chờ đợi cái gì ?

Chờ một người trong bọn họ trở về hay chờ rạng đông ? Tôi tự nhủ : « Có lẽ họ chờ con đoi... »

Tôi còn tự nhủ « Họ sắp làm một việc đại dột ! Thật hoàn toàn lỗ bịch ! ... » Lúc đó tôi cảm chán ngấy cái vô lý hơn là lo lắng sợ hãi. Tôi nghĩ thầm : « Nếu họ thức tỉnh, nếu họ muốn hành động thì thế nào họ cũng sẽ bắn ».

Lúc đó tôi có lâm nguy không ? Họ có luôn luôn biết rằng tôi không phải là một kẻ phá hoại, một tên gián điệp mà chỉ là một nhà báo không ? Họ có biết giấy căn cước của tôi để ở khách sạn không ? Họ có quyết định không ? Và quyết định gì ?

Tôi không biết gì về họ cả, nếu không phải là hay bắn mà không chút do dự trong lương tâm. Những người lính tiền-phong thuộc đội quân cách-mệnh, dù ở đảng phái nào đều đuổi đánh những triệu chứng chứ không phải con người (vì họ không xét đến con người trong cái bản chất của nó). Chân lý bên phía đối phương đối với họ là một bệnh dịch. Trước một triệu chứng đáng ngại, người ta tổng cồ người mang triệu chứng bệnh hay lây đó vào nhà thương của cô lập, tức là vào nghĩa-địa. Vì vậy cuộc tra hỏi ấy chốc chốc lại lập lại bằng những tiếng đơn âm mơ hồ mà tôi không hiểu tí gì làm cho tôi thấy ghê rợn. Như một con lẩn máy cộ vào da tôi. Vì thế tôi cảm thấy một nhu cầu là lạ muốn hét lên cho họ thấy rằng sự hiện diện của tôi ở đây là một cái gì thiết thực. Như tuổi tác của tôi chẳng hạn ! A tuổi-tác của một người cũng la đấy chứ. Tuổi tác lược tóm cả một cuộc đời. Cuộc đời hình thành dần dần và sự trưởng thành là của nó. Cuộc đời được gây dựng bằng chống đối với bao

trở lực đã thắng lướt được, bao bệnh tật trăm trọng đã chữa lành, với bao khổ cực được xoa dịu, với bao thất vọng vượt qua, với bao nguy hiểm mà phần lớn đều thoát khỏi ý thức. Cuộc đời hình thành qua bao ước muốn, hy vọng, bao luyến-tiếc, quên lãng và thương mến yêu đương. A, Tuổi của người, nó biểu hiện một mớ kinh nghiệm và hoài-niệm đẹp đẽ. Mặc cho những cạm bẫy, những trở ngại, những thói tục xưa cũ, dù tốt, dù xấu thế nào người ta vẫn tiếp tục tiến bước, bình thường như một chiếc xe chắc chắn và hiện giờ, nhờ ở sự quy tụ cố hữu những dịp may mắn, người ta đã đến được đó, hiện diện ở đó. Người ta được 37 tuổi. Và nếu thượng đế bằng lòng chiếc xe chắc chắn kia sẽ mang đi xa hơn nữa mớ kỷ niệm của cuộc đời. Cho nên tôi tự bảo : « Tôi đây này. Tôi đã ba mươi bảy tuổi... » Tôi muốn làm nặng trĩu những cảm nghĩ của tôi về chuyện tâm tình này... Nhưng họ không thăm hỏi thêm tôi lời nào nữa.

Chính lúc đó xảy ra một phép lạ ! Chao ôi ! một phép lạ rất kín đáo. Tôi không có thuốc lá. Một trong những người cai ngục của tôi đang hút, tôi ra dấu hiệu xin gã một điếu, và khẽ nhếch một nụ cười băng quơ. Gã vươn mình rồi từ từ đưa bàn tay qua trán, ngược mắt nhìn, không phải vào chiếc cà-vạt của tôi nữa. Mà vào mặt tôi, trước sự vô cùng kinh ngạc của tôi, gã cũng mỉm cười. Thật như là một bình minh.

Phép lạ đó không kết thúc tấm bi kịch, nhưng xóa nó một cách đơn giản như ánh sáng xóa bóng tối. Không còn bi kịch nào diễn ra nữa. Và phép lạ đó cũng không biến đổi cái gì còn trông thấy cả. Chiếc

đèn dầu hỏa xấu xí, một cái bàn bừa bả giấy tờ, những hình người tựa lưng vào tường, màu sắc của đồ vật, mùi vị, mọi sự đều y nguyên. Nhưng hình như bản chất mọi sự đều đã biến đổi. Nụ cười kia đã giải phóng tôi. Đó là một dấu hiệu cũng rõ rệt, cũng hiển nhiên trong những hậu quả sắp tới không thể thay đổi được, như sự xuất hiện của mặt trời. Nụ cười đã mở ra một thời mới. Không có gì thay đổi, nhưng thực ra mọi sự đã thay đổi. Chiếc bàn bừa bộn giấy má trở nên sống động. Chiếc đèn dầu hỏa cũng trở nên sống động. Những bức tường linh động. Sự chán ngán toát ra từ đồ vật chết của căn hầm sút giảm xuống một cách vui tươi. Lúc đó dường như có một giềng máu vô hình bắt đầu chạy lại trong quyết quản, nối lại mọi vật vào một thân xác và trả lại cho chúng một ý nghĩa. Những con người này cũng không còn im lìm nữa.

Những con người mà đối với tôi cách đây một giây thật là quá xa xôi, như thuộc về một loài vật trước thời hồng thủy, thì bây giờ họ như vừa sinh ra rất gần tôi. Tôi cảm thấy một cách lạ lùng sự hiện diện của tha nhân. Thật thế, một sự hiện diện. Và tôi cảm thấy thân thuộc...

Chàng thanh niên đã mỉm cười với tôi, cái anh chàng mà một giây trước đây chỉ là một nhiệm vụ, một dụng cụ, một thứ sâu quái gở thì bây giờ lại có vẻ hơi vụng về, gần như bẽn lẽn một thứ e-lệ lạ lùng không phải là chàng kém tàn-bạo hơn các anh dân quân khác đâu ! nhưng chất người đã trở lại trong lòng chàng và chính chất người đó đã bày tỏ cái phần yếu ớt của mình. Chúng ta, những con người, thường lấy những bộ điệu vĩ đại, nhưng ta cũng

biết rằng trong thâm tâm chúng ta, có những do dự, nghi-ngờ, sầu-muộn...

Chưa ai nói gì cả. Tuy nhiên, mọi việc như đều đã giải quyết xong. Tôi đặt tay lên vai người dân quân để tỏ lòng cảm ơn, khi gã đưa thuốc cho tôi. Và khi băng giá của lãnh đạm đã tan đi, các gã dân quân khác, cả họ nữa, cũng trở lại thành người, và tôi đi vào trong nụ cười của mọi người ấy như vào trong một thế-giới mới mẻ, tự-do.

Tôi đi vào nụ cười của họ như hồi trước, vào nụ cười của những người cứu tôi ở sa mạc Sahara. Những người bạn đó đã gặp chúng tôi sau bao nhiêu ngày tìm kiếm, đã đáp máy bay xuống chỗ gần nhất, để đi về phía chúng tôi bằng những bước nhảy dài, vừa đưa đi đưa lại những bình nước.

Tôi nhớ nụ cười của những người cứu trợ, nếu tôi là nạn nhân, nhớ nụ cười của nạn nhân nếu tôi là người cứu trợ, cũng như tôi nhớ phần đất nước quê-hương mà ở đó tôi cảm thấy hạnh-phúc vô cùng. Nỗi vui-sướng thực-sự là vui sướng của kẻ được mời. Sự cứu-trợ chẳng qua chỉ là cơ hội của nỗi vui sướng đó. Nước không thể làm cho vui mừng nếu trước tiên nước không là quà của thiện-chí con người, săn-sóc bệnh nhân, đón tiếp kẻ tù đầy, và ngay cả tha thú cũng chỉ có giá-trị nhờ ở nụ cười làm tươi sáng. Ngày hoan hỷ chúng ta bắt gặp nhau trong nụ cười vượt trên cả ngôn-ngữ, giai-cấp đảng-phái.

Chúng tôi là những tín-đồ cùng một giáo-hội, tuy người này theo tục lệ của họ, còn tôi theo tục lệ của tôi.

Giá-trị của niềm vui đó phải chăng là kết-quả quý-báu nhất của nền văn-minh

chúng ta. Một chế-độ độc-tài tàn-bạo có thể làm cho chúng ta thỏa-mãn những nhu-cầu vật-chất. Nhưng chúng ta không phải là súc vật trong cánh đồng. Sự thịnh vượng và tiện-nghi không đủ để thỏa-mãn chúng ta. Đối với chúng ta là những người đã được dạy dỗ trong sự tôn sùng và kính trọng con người nên những cuộc gặp gỡ đơn-sơ nhiều khi biến thành những ngày lễ kỳ-diệu đè nặng tâm hồn chúng ta.

Tôn trọng con người ! Tôn trọng con người ! ... Đó là đá thử vàng ! khi một đảng-viên Quốc-xã chỉ tôn trọng ai giống y, thì chính y không tôn trọng ai ngoài Y. Y từ chối mọi mâu-thuẫn sáng-tạo, phá-hoại mọi hy-vọng hướng thượng và đặt cho ngàn năm con người máy của tổ « mối » vào chỗ của con người. Chủ-trương trật-tự vì trật-tự sẽ làm con người mất khả-năng cốt-yếu của con người là khả-năng biến đổi vũ-trụ và chính mình. Cuộc đời tạo ra trật-tự, chứ trật-tự không tạo nên cuộc đời.

Trái lại, đối với chúng ta, hình như đã hướng thượng ấy chưa hoàn tất, cái chân-lý của ngày mai sống được là nhờ sự sai lầm hôm qua, và những mâu-thuẫn cần lướt thẳng là đất màu cho chính sự lớn khôn của chúng ta. Chúng ta không nhận những người khác chúng ta như đồng-bào. Nhưng sự thân thuộc ấy lạ lùng biết bao ! nó chỉ có thể xây-dựng trên tương-lai chứ không phải trên quá khứ. Trên cứu cánh chứ không ở nguồn-gốc. Chúng ta đối với nhau chỉ là những lữ khách hành-hương từ những nẻo đường khác nhau đang mệt nhọc cùng tiến về một chỗ hẹn-hò.

Nhưng ngày nay lòng tôn trọng con người, điều kiện của cuộc hướng thượng đó của

Chúng ta đang lâm nguy. Những cựa mình của thế giới ngày nay đã đưa chúng ta vào bóng tối. Những vấn đề đưa ra không liên lạc gì với nhau và những lối giải quyết cũng mâu thuẫn nhau. Chân lý hôm qua đã chết. Chân lý của ngày mai còn phải xây dựng. Không một tổng hợp nào đáng giá đủ hoàn thành và mỗi người chúng ta chỉ nắm giữ một phần nhỏ của chân lý. Bởi vì không thấy sự hiển nhiên để có thể bó buộc, nên các Tôn giáo chính-trị đều nhờ đến bạo động. Và hiện tại đây chúng ta chia rẽ nhau về phương thế, nên chúng ta có thể quên không còn biết rằng chúng ta đang vội vàng tiến về cùng một mục-dịch.

Lữ khách vượt núi theo hướng một ngôi sao nên mãi mê trong vấn đề leo trèo có thể quên cả vì-sao nào đã dắt dẫn mình. Nếu người đó chỉ hành động để mà hành động, người đó sẽ không đi đến đâu cả. Bà coi ghế ở nhà thờ, mãi băn-khoăn về việc thu tiền thuê ghế có thể quên mất rằng cũng phải phục-vụ một Thượng-Đế. Cũng thế, nếu tôi tự giam mình trong một đam mê đảng phái tôi sẽ quên rằng một chính trị chỉ có ý nghĩa khi nó để phục vụ một hiển-nhiên tinh thần. Trong những giờ phút lạ-lùng chúng ta thường thức được phẩm giá những tương quan nhân loại: thì đó là chân lý cho chúng ta.

Dù cho phải gấp rút hành động thế nào đi nữa, chúng ta cũng không được quên cái thiên-chức điều kiện hành động ấy, nếu không hành động đó sẽ trở nên căn cỗi. Chúng ta muốn thiết lập lòng tôn-kính con người. Tại sao chúng ta lại ghét nhau khi cùng ở trong một trại? Không có ai trong chúng ta được giữ độc quyền thiện ý cả. Tôi có thể đả phá, nhân danh lối của tôi, một đường lối khác mà người khác đã

chọn. Tôi có thể chỉ trích lối lý luận của họ, vì những lối suy luận của lý trí thường không chắc gì. Nhưng tôi phải tôn trọng người đó trên bình-diện Tinh thần nếu, người đó cũng khó nhọc hướng theo một vì sao. Phải tôn trọng con người! tôn trọng con người... Nếu sự tôn trọng con người được gầy dựng trong lòng nhân-loại, thì sau cùng nhân loại sẽ có thể thiết lập được một chế độ xã-hội, chính trị hay kinh tế công nhận sự tôn trọng đó. Một nền văn-minh trước hết phải được xây dựng trên bản chất con người. Trước tiên nó phải là một ước muốn nóng hổi mù quáng trong con người. Rồi từ sai lầm này đến sai lầm khác con người sẽ tìm được con đường dẫn đến ngọn lửa ấy.

VI

Bạn ạ, chính vì lẽ đó mà tôi cảm thấy cần tình bạn của bạn. Tôi khát khao có một người bạn đồng hành, trên mọi tranh chấp của lý luận, tôn trọng ở nơi tôi một kẻ lữ-hành hướng về ngọn lửa đó. Một đôi khi tôi cần thưởng thức trước hơi nóng mà ngọn lửa ấy hứa hẹn, và để cho tôi được nghỉ ngơi, một chút, ở chỗ hẹn hò của chúng ta.

Tôi đã quá ngán những cuộc bút chiến tranh-luận, những kiểu độc đoán hay cuồng nhiệt rồi! Tôi có thể vào nhà bạn không cần phải mặc đồng phục, không cần tuân theo những lời dạy bảo của kinh Coran, và không phải phủ nhận bất cứ cái gì của lòng tôi. Bên bạn, tôi không muốn phải biện-hộ, hay phân trần, minh chứng. Tôi muốn tìm thấy sự bình an như ở Lourdes. Vượt trên những lối nói vụng về của tôi, trên cả những suy luận có thể làm cho tôi làm lạc, chỉ xin bạn nhìn nhận ở tôi

con người. Xin bạn tôn sùng trong tôi vị sứ thần những niềm tin, phong tục, yêu đương riêng tư của tôi. Nếu tôi khác bạn, thì sự khác biệt đó chẳng những không hại gì bạn mà lại tăng thêm vẻ đặc biệt của bạn. Xin bạn hỏi han tôi như người ta hỏi một kẻ lữ-khách thôi.

Tôi cũng như mỗi người cảm thấy cần được công nhận, tôi cảm thấy mình trong trắng trong bạn và tôi đến với bạn. Tôi cần đi đến chỗ nào mà tôi được coi là trong trắng. Không phải những danh từ cũng không phải những lẽ-lối của tôi làm cho bạn biết tôi là ai, mà chính sự chấp nhận « tôi là ai » đó, lại cần thiết đã làm cho bạn dễ dãi tha thứ đối với những lẽ-lối cũng như những danh từ đó của tôi. Tôi biết bạn muốn tiếp nhận tôi như tôi có thể nào hiện giờ. Tôi sẽ làm gì đối với một người bạn phê-phán tôi? Nếu tôi tiếp một người bạn ở bàn tôi, tôi sẽ mời anh ta ngồi, và không mời anh ta khiêu vũ nếu anh ta đi khắp khiêng.

Bạn ạ, tôi cần có bạn như một tuyệt đỉnh mà người ta ước-ao; tôi muốn tỉ khuy tay bên cạnh bạn một lần nữa, trên chiếc bàn của một quán ăn nhỏ trên bờ sông Saône, và mời hai người phu tàu để cùng với họ chúng ta sẽ nâng chén trong thanh bình của một nụ cười giống như ánh sáng của bạn ngày.

..

Nếu tôi còn chiến đấu, tôi sẽ chiến đấu một phần cho bạn. Tôi cần có bạn để tin tưởng hơn vào sự bùng cháy của nụ cười đó. Tôi cần giúp bạn sống. Tôi thấy bạn yếu ớt quá, mong manh quá, kéo lê tấm thân 50 tuổi suốt hàng giờ để sống

qua ngày trên hệ phố nghèo nàn, run lập cập trong chiếc áo tơi mòn củ không đủ sức chống lại giá lạnh. Bạn chính là người Pháp, khi tôi thấy bạn tôi hai lần nguy đến tánh mạng, vì là Pháp và vì là Do-Thái. Tôi thấy tất cả giá trị của một cộng-đồng không còn một tranh-chấp nào. Chúng tôi đều xuất thân từ nước Pháp như một gốc cây, nên tôi sẽ phụng sự chân lý của bạn như bạn phụng sự chân lý của tôi. Đối với chúng tôi, những người pháp ở ngoài nước, trong cuộc chiến tranh này, cần phải mở đường giải tỏa sự cung cấp hạt giống bị đông đặc bởi băng tuyết của sự hiện-diện người Đức, bạn cần phải tự giải-phóng trong lãnh thổ mà bạn có quyền phát triển nguồn gốc của bạn, các bạn là 40 triệu con tin. Chính luôn luôn trong hăm của áp bức mà những sự thật mới mẻ được sửa soạn 40 triệu con tin đang suy ngẫm ở đó về chân lý mới của họ, còn chúng ta, chúng ta sẽ tuân theo chân lý đó trước.

Vì chính các bạn đã dạy cho chúng tôi. Không phải phận sự chúng tôi đem lại ngọn lửa tinh thần ấy cho những ai đã nuôi dưỡng nó trong bản chất từ trước, như một chất sáp. Có lẽ các bạn ít đọc sách chúng tôi. Các bạn không nghe chúng tôi diễn thuyết. Ý tưởng chúng tôi có lẽ các bạn khinh rẻ. Chúng tôi không xây dựng nước pháp. Chúng tôi chỉ có thể phụng sự nước Pháp. Dù chúng tôi đã làm gì đi nữa, chúng tôi cũng không có quyền đòi được biết ơn. Không có gì đo được sự cách biệt giữa cuộc chiến đấu tự-do và cảnh bị chà đạp trong đêm tối. Giữa người đánh giặc và nhiệm vụ con tin cũng không có mục thước chừng nào cả. Các bạn là những vị thánh.

HOÀNG-THÁI-LINH dịch

BÁCH KHOA LXXXVIII

KHUYA

Tặng điệu buồn của Nhạc-Đế

Sương buồn đẫm lạnh trời khuya
Thời-gian cầm nín, bốn bề tịch-liêu
Bầy sao vừa rụng sau đèo
Suối khan nhạc đá tiễn chiều quá-quan
Gối tay mà nhớ thương tràn :
Màu trắng châu-thỏ, điệu đàn đế-kinh.
Tiền thân vương nợ đặng-trình
Đường xa lủi-thủi một mình mãi ru ?
Muốn về, nhưng biết về đâu
Công danh lỡ-dở, nhịp cầu chênh-vênh !
Sóng chưa lặng, chửa quay thuyền
Ngửa bàn tay thả cái « duyên » buổi đầu !
Còn nghe cá nước thương nhau
Nửa hoài nhân-ảnh, nửa đau thế-tình !
Chút lòng xin gửi đài vịnh
Đời sao cứ dựng trường-đình tiễn-đưa ?
Nằm mơ giấc ngủ mùa xưa
Đâu đây dường có âm-thừa mẹ ru ...

T. L.

PHAN-VĂN-TẠO



KẺ ? ĐỊCH

N NGÀY đó chị Văn chưa lấy anh ta và còn mang tên là cô Ngọc. Nhà Ngọc ở đường Quan Thánh trông sang vườn hoa hàng Đậu và các chàng trai cửa Bắc, Tô Lịch, Hàng Cót, Hàng Than thỉnh thoảng lại chạm trán nhau ở vườn hoa, anh nào cũng ra dáng tình cờ đi qua đó nhưng mắt anh nào cũng ngấp nghé nhìn lên khung cửa sổ mà Ngọc thường ra đứng đọc sách hay chải đầu. Trong những chàng trai đó có Văn.

Cuộc theo đuổi Ngọc như một cuộc thi điền kinh, mỗi ngày sò người còn lại một thừa thớt dần. Có anh đã tìm được khung cửa sổ khác niêm nở hơn, có anh thấy Ngọc cũng chẳng bỏ với công mình lãng đãng. Sau một thời gian, dưới cửa sổ Ngọc chỉ còn hai bóng siêng năng Hải và Văn. Cuộc tranh đua khi thu lại giữa hai đôi thủ càng thêm phần ráo riết.

Hải thuộc thiếu sò những người được Trời đặc biệt ưu đãi. Tất cả những điều kiện người ta thường đòi hỏi ở một thanh niên sắp lấy vợ, Hải đều có ít hay nhiều. Có những việc đòi với người khác thật là trầy trật khó khăn, đòi với Hải lại tênh tênh nhẹ nhõm, hình như chẳng cần để ý cũng xong. Đứng trước một người may mắn đến như vậy, Văn phải chấp nhận một cuộc so tài chênh lệch mà mỗi sơ hở là một mất mặt với người đẹp. Hải như thấy rõ ưu thế của mình, nên luôn luôn nghĩ cách áp đảo Văn.

Văn và Hải cùng học một trường,

Văn trên Hải một lớp, và điểm này đã giúp Văn giữ vững tinh thần không ít. Văn đi học mặc áo dài lượt thướt, mùa nực áo trắng, mũ trắng, mùa rét áo the đen, mũ nổi dạ, mỗi ngày bốn buổi cuộc bộ lẹp kẹp. Hải mặc Âu phục, có hôm lại đánh chiếc quần golf túm lầy đôi chân đi vớ trắng và giầy hai màu. Hải có một cái xe đạp, mà kền không đi, tay lái khum khum kiểu xe đua.

Mỗi khi đèn trước cửa nhà Ngọc, Hải đạp mạnh lầy trốn rồi buông cả hai tay ra. Một hôm gặp Văn đi ngang qua đó, Hải lái sát lại gần, giật lầy mũ nổi của Văn chụp vào đầu mình phóng thẳng.

Văn không kịp có một cử chỉ gì mà cũng chẳng nhìn theo Hải nữa. Anh ngược mắt lên cửa sổ, và tuy không có Ngọc ở đó anh cũng thấy hai tai nóng bừng bừng.

Ngày nghỉ, Hải, Ngọc thường lên hồ bơi Nghi Tâm. Ai này trông thấy Hải là hò reo đòi Hải biểu diễn các môn nhào lộn. Hải thùng thảng bước lên tầm ván cao, nhìn xuống dưới vẻ mặt vừa tự tin vừa kiêu hãnh như một tài tử sân khấu đang được công chúng ưa chuộng. Hải để hai tay bắc loa trước miệng bắt chước người rừng Tarzan hú lên một tiếng dài man rợ, rồi lao đầu xuống hồ bơi. Nước tung cao trắng xóa như một chùm hoa mừng người đắc thắng. Hải nhô lên, lắc mạnh đầu cho hết nước, nhìn về phía Ngọc và các bạn gái rồi nhe hàm răng trắng ớn ra cười.

Văn cũng luôn luôn có mặt ở Nghi Tâm. Không phải là anh có một tài gì để thi thố, chưa ai được trông thấy anh mặc quần áo tằm bao giờ cả. Anh chỉ không muốn trông thấy Hải được gặp Ngọc nhiều hơn anh. Anh vẫn quần chùng áo dài lạng lẽ ngồi câu, những trò náo động chung quanh hình như không xứng đáng để anh bận tâm. Có lần câu được một con cá vây bạc rất đẹp, anh mang lại chỗ Ngọc :

— Biểu Ngọc con cá này, tôi vừa câu được.

Ngọc chun mũi lại kêu tanh và Văn tay cầm con cá ngẩn ngơ không biết tiền lui ra làm sao.

Tuy gặp những cảnh bất lợi như vậy Văn vẫn không nản lòng. Anh vẫn cho rằng mình có một cái gì hơn Hải và dần dần thế nào rồi Ngọc cũng nhận ra chỗ đó.

Hai người bây giờ đã thường đến chơi nhà Ngọc và Hải lại được nhiều dịp cho gia-đình Ngọc so sánh. Riêng thằng Tuấn, em trai Ngọc, nó không bỏ sót cơ hội nào có thể tận dụng được sự ân cần của hai người. Văn chỉ biết giảng bài làm toán hộ cho nó. Trong khi đó, nó đã tìm được ở nơi Hải một người có thể hàng tuần cho nó vé chiều bóng, chiều chiều cho nó mượn cái xe đạp kiểu đua. Ấy là chưa kể những buổi đặc biệt nó được Hải cùng mời với chị Ngọc lên đường Cổ Ngư ăn bánh tôm, hay đi chơi chợ phiên trên vườn Bách Thảo. Được mua chuộc như vậy, nó làm sao mà còn giữ được vô tư ?

Ông cụ thân sinh ra Ngọc hình như không bao giờ nghĩ rằng mình có con gái phải gả chồng. Bà cụ cũng hãy còn phân vân lắm, Văn thì chưa có một dấu hiệu chắc chắn về tương lai, còn Hải lại có đôi chút huyênh hoang của một anh con nhà giàu chưa từng biết thất bại.

Nhưng đến một chiều nọ Văn cho là bà mẹ Ngọc đã chọn lựa giữa hai người rồi không còn nghi ngờ chi nữa. Văn vừa mới đi tới cổng nhìn vào trong nhà đèn sáng hơn mọi ngày. Anh rụt rè chưa vào ngay và thấy cả nhà đang ngồi ăn cơm chiều. Có cả Hải ở bữa cơm — Hải ngồi đối diện Ngọc, ngay bên cạnh ông cụ. Thằng Tuấn cười nói huyênh thiên và bà cụ đang gấp món ăn cho Hải. Văn thấy đời đen tối lạ lùng và anh vội bước trở ra. Người u già vừa đi mua đá về gặp anh :

— Mời cậu vào chơi không có ai đâu.

— Thôi để bữa khác, hôm nay nhà có khách.

Anh cố giữ cho thân nhiên mà giọng anh vẫn chua chát làm sao.

Anh đi được một quãng, khẽ quay đầu lại, vẫn còn thấy u già đứng ở cổng nhìn theo. Có lẽ cả nhà chỉ có u già là quý anh nhất, một thứ linh cảm gì đã khiến cho u ta muốn đứng về phe người yếu thế.

Sau đó Văn cũng được gia-đình Ngọc mời dùng cơm mà anh vẫn chưa hiết âm ức. U già bưng món ăn lên, sẵn đón hơn mọi hôm nhưng cái thằng Tuấn lăm li khác hẳn bộ mặt bữa nào ăn cơm với Hải.

Suốt mấy năm trời, Văn luôn luôn buồn bực, day dứt, lo sợ băng quơ như thê cho đến ngày anh nài được mẹ đến hỏi Ngọc và được gia-đình Ngọc nhận lời. Không phải là phía nhà Ngọc đã không nghĩ tới Hải. Nhưng Hải chỉ đến với Ngọc như một người mê đi săn, muốn tìm thêm chiến tích để trưng bày, còn nói đến hôn nhân Hải lững lờ không tỏ ý vội vàng. Văn trái lại có một sự chân thành thắm thiết ngay từ buổi đầu và Ngọc mỗi ngày một thêm quý mến Văn. Hải càng khuynh loát Văn, Ngọc lại càng gần Văn hơn và tình cảm của Ngọc đã ảnh-hưởng không ít đến quyết định của cha mẹ.

Ngọc đính hôn rồi, Hải vẫn lui tới, tuy thưa thớt hơn nhưng không lúc nào không vui vẻ thoải mái. Gia-đình Ngọc cũng vẫn niềm nở với Hải, còn thằng Tuấn thì khỏi phải nói rồi. Đôi với chuyện của Văn, Hải rùng rùng như không đáng bận tâm — Hải không nói ra nhưng vẫn để cho người chung quanh hiểu, nếu anh muốn, cục diện đã đổi thay, và Văn chẳng có gì để tự hào.

Mặc dầu ở trong nhà Ngọc, địa vị của Văn nay có khác xưa, Văn vẫn thấy khó chịu như một người thắng cuộc không được bên thua công nhận. Anh ngậm ngậm chịu đựng nhưng có dịp là anh đay nghiến Ngọc :

— Cô không được thê nữa

— Không được thê là thê nào ?

Hỏi lại Văn như vậy thì Văn không trả lời được là anh muốn gì.

Ngọc cố tránh hết mọi cử chỉ gì có thể để Văn hiểu lầm. Có khi Hải tới chơi mà Ngọc cũng không ra ngoài phòng khách nữa, nhưng thê nào Văn cũng chưa cho là đủ. Ngọc đã phải gắt lên :

— Anh muốn tôi đuổi hẳn người ta ra khỏi nhà hay sao.

Sau mỗi trận cãi nhau, Văn lại bắt Ngọc thê, mà thê rồi, Văn vẫn chưa tin. Có lần Văn còn đòi Ngọc viết lời thê ra giấy, anh gấp giấy bỏ vào túi ngực, cẩn thận như giữ một bức văn tự. Không biết ai cứ nói hạnh-phúc thật là giản dị, riêng đôi với Văn anh luôn luôn phải tưởng tượng ra khó khăn, tự tạo cho mình nhiều rắc rối.

Văn học xong ban trung - học, ra làm ở một hãng tư rồi cưới Ngọc. Hải gửi mừng Ngọc một quyển album thật đẹp với mấy dòng chữ để tặng « cô em gái nhỏ ». Ngọc giờ ra ngắm nghĩa, rồi gói lại cất ở nhà, không mang về nhà chồng.

Đời sống đôi vợ chồng làm Văn bình thản hơn. Cuộc tranh tài đã mất ý nghĩa ngay cả với người thắng giải. Nhưng Văn vẫn ngại nói đến Hải. Chị Văn lại còn giữ ý hơn, cả những người trùng tên với Hải chị cũng không muốn nói tới. Thịnh thoảng Tuấn lại chơi cũng kể cho chị nghe những tin tức về Hải nhưng chị thấy chẳng có lợi gì mà nhắc lại cho chồng, Tuy vậy Văn vẫn biết là Hải đã học hết sáu năm trường Thuộc, đã đậu Y khoa Bác-sĩ và đã mở phòng khám bệnh, rất đông khách hàng. Văn lại thoáng thấy trong óc những ý nghĩ

bức tức như thuở nào Hải giết cái mữ nôi của Văn trước cửa nhà Ngọc, hay biểu diễn nhào lộn trên hồ bơi Nghi-Tâm.

Một ngày cuối tháng nọ, vợ chồng đang bàn tán những sự chi tiêu túng thiếu, Văn bỗng nói chẳng ăn nhập vào đâu cả :

— Ngày trước mà cô lấy Hải chắc bây giờ sung sướng lắm đây nhỉ.

Chị Văn giận tím người nhưng không nói gì, biết rằng lòng tự ái của chồng vẫn mang một vết thương chưa lành.

Ngay những khi hai vợ chồng về thăm ông bà nhạc, cũng không ai nhắc đến chuyện xưa. Tên của Hải đã gần như bị quên lãng nếu cách đây mấy hôm bà mẹ của Ngọc đứng lồi-lả kể lại câu chuyện bà nghe thầy ở nhà một người bạn :

— Này anh chị Văn, có biết tin gì về Hải không ?

Chị Văn còn đang nửa ngờ ngác về câu nói đột ngột của mẹ, nửa bấn

khốn về phản ứng của chồng, thì bà cụ đã nói tiếp :

— Gán bòn mười rồi mới hỏi vợ. Hỏi con ông Phán Mùi. Đi lại sêu tét bao nhiêu tháng nay rồi. Hôm qua cô ta đem đồ lễ trả lại hết. Cô ta bảo người đâu mà gán quá, chịu không nổi. Sống một đời với người chồng như vậy thì phát điên mất »

Văn cười toác cả miệng — Anh có cảm tưởng như đèn bây giờ, đèn tận bây giờ kể địch mới thua anh hẳn.

Chị Văn tìm lại trong tủ quyển album cũ Hải gửi mừng ngày cưới và đưa cho chồng coi :

— Sợ anh nghĩ ngợi thành ra không mang về nhà.

Văn lật xem, đọc một cách lơ đãng những dòng chữ để tặng « cô em gái nhỏ ».

Rồi thủng thẳng nói bằng một giọng nghe rất kẻ cả :

— « Cửa anh ấy biểu, cứ mang về mà dùng ».

P.V.T.

ĐAKAO CÓ GÌ LẠ ??

Phòng trà Ca nhạc TÚ-HẢI

(Ở TRƯỚC TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐA-KAO)

Số 44 — 46 Đại lộ Đinh-Tiến-Hoàng

Nơi tập-hợp của nhiều ca-sĩ duyên-dáng, trong một khung cảnh đầm ấm.

Mỗi tối từ 20 giờ 30 đến 23 giờ 30, trình-bày ca nhạc với sự cộng tác của nhiều ca-sĩ hữu danh thủ đô.

Nhận đặt tiệc (món ăn Âu Tây, hoặc Việt-Nam).

Suốt ngày : bán giải-khát và khai-vị, giá bình-dân.

Tiếp-dãi niềm-nở, giá cả phải chăng.

NGẮM TRANH

Xanh sóng mạ, vàng thu pha sáng đục
Trắng hoang mang trắng bạc loãng sương mờ ?
Thâm núi rừng thôn tím lặn trong mơ
Nắng chiều ngả, chuốt màu sơn ảo-giác.

Ba nét uốn, cảnh thông nghiêng, gió gọi
Mái cô-đơn nâu xẫm đọng lều tranh
Đốc băng ngàn ngọc bích óng thiên thanh
Suối giữ lụa chân mây rờn cỏ rổi.

Cong lưng xám hươu sao nhòa đốm tuyết
Rẽ lau xoà uống vệt nước pha-lê
Vạch đường xa lác đác chấm đi về
Hồng thoáng nhạt quanh co, sầu dậm khách.

Biếc êm dịu tím than chìm tịch-mạc
Bóng u-trầm thấm lạnh nổi tha-hương
Ngày qua, vàng lưu luyến chút tà-dương
Theo ánh sắc ngần ngơ vào cõi Đẹp....

D.T.

BƠ VỢ

Đèn tắt lâu rồi. Lửa đời héo hắt.
Từ xung quanh nghe nhịp sống buồn tênh.
Đất lạnh lẽ đi dần vào cõi chết.
Trời bình yên cho bóng tối mông mênh.

Tùng sâu thẳm, dăm vì sao lạc lõng.
Thức nghìn đêm hay chỉ một đêm nay.
Lòng tinh tú ngậm ngùi thương cõi đất.
Từ thuở hồng hoang. cay đắng, đắng cay.

Biết nói gì, đã mòn chân lữ thứ.
Đời hết chuyện rồi, đọc sách ngâm thơ.
Sách mở đó, mang mang tình quá khứ.
Thơ nghìn trang sao nét chữ phai mờ ?

Cha mẹ dạy ngày nào còn nhớ rõ.
(Hơn nửa đời con đã sống bơ vơ).
Tìm Chân-lý, hoài công trong sách vở.
Mơ Tình-thương năm tháng vẫn mong chờ.

Người xưa ra đi, thuở tôi còn bé nhỏ.
Giờ lớn khôn, trời đất lại vô cùng.
Sầu kim cổ, cháu con chưa kịp rõ
Đốt hương trầm cho cuộc sống bớt mông lung.

Nếu mai sau còn có lần hội ngộ.
Người ở mười phương hò hẹn cùng ai.
Hồn lưu lạc ngã ba đường nhân thế.
Tâm sự một đời biết gửi cho ai ? ...

VŨ-QUỲNH-BANG

(Thơ mùa ly loạn)



HOÀNG

«TIÊN-SINH»

SAU vụ Hoàng tiên-sinh hay cụ lang Hoàng bị mụ Cả Thìn, một con mẹ mất dạy, tai ngược nhất vùng làm nhục, xé rách toạc cả chiếc áo đen dài, lấm người cứ lo là cụ đến tự tử mất. Nhưng ai đã gần gũi Hoàng tiên-sinh và biết rõ về chiếc áo dài đen này lại càng phải tin như vậy nhiều hơn.

Trong bốn năm trời tản-cư lên ở xóm Chuối, trên bờ sông Ngang này, cụ lang Hoàng đã tổn biết bao nhiêu công phu gìn giữ và cam tâm chịu đựng một cách nhẫn-nục đến chừng nào những lời chỉ trích, châm biếm của nhân-dân, cán-bộ, để duy trì lấy nó, giữa cái xã-hội « phản phong »

kịch liệt đến nỗi những tà áo thướt tha của đám phụ-nữ cũng bị phũ-phàng, ruồng-rẫy như là những thứ tàn tích đáng kinh-tởm của một chế-độ vừa mới suy tàn. Đối với cụ lang Hoàng, chiếc áo dài đen mà rơi xuống thì thật là một sự tổn thương nặng nề cho cái sĩ-khí nho-phong mà hàng thức giả như cụ phải cố gắng bảo-toàn.

Có phải là một nhà thâm-nho hay không thì chẳng ai biết rõ nhưng Hoàng tiên-sinh ngoài cái thói quen hay nói chữ vanh vách theo nhịp rung đùi thích thú, càng có vẻ nho sĩ hơn với cái tầm vóc gầy guộc, cao dài lêu nghêu trong chiếc áo dài đen lướt phượt,

lúc nào cũng được phủ qua một lớp gầu tóc lấm tẩm trắng ở hai vai đã ngả màu vàng khệnh. Thật ra trong cái xã-hội mới mẻ này. Hoàng tiên-sinh không phải là người độc nhất có can đảm duy trì cái *Vô phong-kiến* như nhân-dân thời ấy thường gọi đâu. Ngoài cụ còn phải kể đến ông Cả Bình tức ông *Bất-Xích* và các ông chánh Tám, xã Sáu, giáo Khâu nữa. Những người này cũng từng được nổi tiếng lạc-hậu vì những chiếc áo đen dài của họ. Tuy vậy cũng là một hạng lạc-hậu, bảo-thủ, nhưng Hoàng tiên-sinh lại khỏi phải cái khổ được nhà cầm quyền hay đoàn-thể và quần chúng nhìn bằng cái nhìn nghi-ngại. Nhiều người biết chuyện cho rằng chỉ vì trong sự duy-trì cái tàn tích phong-kiến kia, bọn ông Bất-xích đã có một dụng ý bất trị hơn Hoàng tiên-sinh. Ở cụ, sau khi nghiên cứu kỹ, người ta cho đấy chỉ là một hình thức bảo thủ tất nhiên của lớp « cụu-trào » nặng óc thủ cựu. Người ta chỉ phiền trách cụ về chỗ đó mà thôi. Đám cán-bộ mỗi lúc nhắc tới-cụ thường gọi là « tiên - sinh » với một giọng mỉa-mai và một nụ cười châm-biếm thể thôi. Còn ở ông Bất-Xích cùng đồng bọn là cả một sự thách-thức trắng trợn của hạng phản-động ra mặt. Ông Bất-xích ngoài chiếc áo dài đen còn có một cái bật-lửa kỳ quặc. Cứ vào Hội-nghị hay gặp cán-bộ ở đâu thì y như cái bật-lửa ấy lại trở chứng ù-li, nhất-định không chịu cháy dầu có bật phồng cả tay. Những dịp này, ông Bất-Xích lại được thể kêu lên: « *A ha, Bất-Xích, Bất-Xích. Nó nhất-định là Bất-Xích rồi* ». Ông Giáo Khâu thì ngoài chiếc áo dài đen lại đeo thêm cả một cái mũ dạ sùm-sùm trên đầu, một chiếc « ba-ton » bằng tre giò gà *trường-giã* ra phết. Ông còn dám tương

cả cái bộ-cánh phản-động ấy vào hội-nghị để tấn bí cán-bộ về những danh-từ khó-khăn và những thắc-mắc bí-hiểm. Bọn Chánh Tám và xã Sáu còn đáng được coi là nguy-hiểm vì đã hơn một lần dám liên-kết với một số địa-chủ, phú-nông, xúi giục nhân-dân kéo nài về chuyện câu kéo lôi thôi trong vụ đóng lúa thuế nông-nghiệp. Thật là khác hẳn với Hoàng tiên-sinh.

Trong đám thân-tín nếu có ai đem những nhận xét này để nói lại và tỏ ý phục bọn ông Bất-Xích thì Hoàng tiên-sinh lại rung đùi, chíp miệng thật kêu rồi trườn dài cổ ra giải-thích :

— Hừ, đừng nghĩ đại. Cái thời này khó lắm. Cương quá mà ích chi. Cái cương theo tinh-thần Á-đông ta nó gàn như cái nhu vậy. Hi, hi, cứ nhìn ngọn tre trước gió mà nghiệm ra thì thấy rõ cái lẽ cương nhu của Thánh-hiền. Tre chẳng bao giờ cương lại gió thổi mà gió khó thổi cho gãy được tre. Mặc áo dài đen, giữ được cái nho phong sĩ-khí, bảo-tồn được nề-nếp cũ mà không ai nói mình phản-động mới là hay chứ. *Tiểu bất nhân tác loạn đại mưu*, hi, hi... Cái khôn khéo ở đời là chỗ đó.

Chính vì sự khôn khéo này mà ngay trong vụ vụ Cả Thìn làm nhục, người ta đã thấy Hoàng tiên-sinh, vì chiếc áo, nhất-định không dám quên cái tin-điều « *tiểu bất nhân tác loạn đại mưu* » nên dầu tức tối đến muốn ăn tươi nuốt sống con mẹ hồn xược ấy, cụ vẫn không dám dăng co quyết liệt. Vụ Thìn tùm vạt áo lôi cụ đến đâu, cụ cũng xăm xăm, mau chân lẹ gót, bước theo đến đấy. Người cụ đã cao dài

lều-ngheù, xưa nay lại quen theo cái lối bước thong-dong với hai bàn chân chữ bát, bây giờ đột nhiên phải xông pha, bôn-tẩu, tiến thoái lung-tung như vậy trông cụ càng có vẻ lều-khều, lính-quýnh đến thăm khổ làm sao. Cụ còn hạ thể bỏ nhỏ mụ Thìn để mua con đang vẫn nữa là khác :

— Này, thôi, thôi, dĩ huề vi quý, mụ ơi Thả áo ra mà. Dĩ huề vi quý. Thả ra. Nói biết nghe nào. Trong lúc nóng nảy.... Mụ nghe không rõ. Tôi nói người khác tiểu-nhân chứ có nói mụ đâu, hi, hi...

Trước cái lối bỏ nhỏ này, mấy mụ đàn bà ác-nghiệt đã xen vào, làm ra vẻ can gián để bêu riếu cụ thêm về chiếc áo :

— Này, mụ Thìn, thả áo ông ấy ra, mụ Thìn. Mụ ác vừa vừa với chứ. Ông ấy đã hạ thể cầu hòa như thế là quá lắm rồi. Thời buổi kháng-chiến, cách-mạng này, tìm ra cho được một chiếc áo dài đen như thế khổ lắm, mụ ơi.

Biết mình nắm được chỗ yếu, mụ Thìn càng được thể, túm kỹ vạt áo hơn trước, tru tréo :

— Ôi trời đất ôi, ai ngờ quân - tử mà cũng chối dài. Ôi hai bên hàng xóm đồng bào lại đây mà xem cái mặt quân tử. Lạc-hậu thế này mà chưa biết yên thân, yên phận. *Quân-tử bên tàu, ăn cơm thì ít, ăn rau thì nhiều* đấy hở đồng bào.

Thế rồi hai bàn tay phũ-phàng, thô tục của mụ đã vạy xé rách tươm cả chiếc áo, hỡi ơi !

Từ trước đến nay, nhân dân trong vùng nhất là ở xóm này, tuy không ai phục cụ, nhưng ngoài mặt họ vẫn nề nang không

phải vì cái vẻ người lúc nào cũng đạo mạo, chững chạc, lại từ tốn khiêm cung của cụ nhưng vì có lạc hậu đến đâu cụ cũng là một vị « *lão thiên* » lại là một ông thầy thuốc phải cần đến những lúc ốm đau. Cuộc tấn công bất ngờ của mụ Cả Thìn đã làm cho Hoàng tiên-sinh vừa túi hổ, căm tức lại vừa sửng sốt kinh-hoàng. Thật là một sự xúc phạm bất ngờ vượt cả sức tưởng-tượng của cụ. Hừ, có thể nào thân danh là một ông lang có nho học, một thân-sĩ như cụ mà lại bị một con mẹ phụ-nhân vô lại dám nhảy vào xỉ mạ lại xé rách cả áo thì còn trời đất nào nữa. Đến nước này thì Hoàng tiên-sinh thật là muối mặt với thiên hạ, còn nhìn ai được. Lắm người phân-tích sâu hơn vụ làm càn của mụ Thìn đã thấy có nhiều yếu - tố khác nữa có thể thúc đẩy cụ đến chỗ phản chí làm liều cũng nên. Theo sự nhận định của họ thì dầu có tức vì hai tiếng « *tiểu-nhân* » mà Hoàng tiên-sinh đã gán cho mụ sau cuộc khẩu-chiến giữa mụ với bà vợ cụ về chuyện tiền nong, lúa thóc làm sao đó, thì mụ Thìn cũng chưa dám lạng-loàn như vậy nếu vụ rắc-rối này không xảy ra giữa lúc cụ đang lâm vào một tình-trạng bí-beng.

Số là sau bốn năm kháng-chiến, một số đông cán-bộ thân-hào, thân-sĩ vì quá hăng-hái lúc đầu, không chịu học theo cái lối thức-thời của Hoàng tiên-sinh, lâu ngày bị thiệt-thòi kiệt quệ đâm ra chán-nản. Và khi nhìn lại bản-thân, gia-cảnh lại so sánh với cái cảnh an-nhàn, sung túc của Hoàng tiên-sinh họ mới thấy cái ông nho-sĩ lạc-hậu này thực là khôn ngoan đáo-đẽ. Điểm này làm cho cụ lang Hoàng càng thêm đặc-chí. Nhưng vốn là người cẩn-trọng, cụ không để lộ ra ngoài mặt bao giờ.

Chỉ những lúc to nhỏ cùng vợ con hay trong cuộc mạn-đàm với đám bạn hữu tâm-giao, cụ mới vỗ cả hai bàn tay dài nhòng vào đùi, cười lên một cách hí-hởn :

— Hi, hi; tôi nói có sai đâu. Thánh-nhân dạy rất là chí-lý. *Tiền tề kỳ gia*, nghe chưa ? Gia chưa tề mà nhảy ùng ra cứu-quốc thì lẽ dĩ-nhiên là phải kiệt-quệ. *Vật hữu bản màt, sự hữu chung thì*, hi-hi, kỳ bản loạn nhi màt trị giả, phủ hỹ cho nên phải trị cái sở tiền hậu là như vậy. Thánh-nhân nói cái gì là y như có cái đó không sai hi, hi... Đại thể bây giờ mới sáng mắt ra.

Tuy Hoàng tiên - sinh cẩn - trọng và kín miệng như thế, nhưng không hiểu vì đâu, những lời nói này lại lọt đến tai số cán-bộ nói trên. Và như thế là cụ lang Hoàng vô-tình tự rước cái họa vào mình. Đã sẵn lòng ganh tị và quen cái thói trâu buộc ghét trâu ăn, lại nghe được những lời bình-phẩm phách lối của cụ lang, bọn này liền phát-động một chiến-dịch tuyên-truyền ngấm ngấm nhưng rất sâu rộng trong nhân-dân để vạch trần những hành-vi bất-thiện của cụ. Nhân-dân trong vùng, nhờ có chiến-dịch tuyên-truyền này, mới ngã ngửa ra trước sự tinh-khôn của Hoàng tiên-sinh. Thì ra trong lúc tất cả đồng-bào từ già đến trẻ đã phải gian khổ đủ bề, vùi đầu vùi óc phục vụ các thứ công-tác nặng-nề, dòn-dập, hết góp công đến góp của, có lớp phải hy - sinh cả xương máu, có lớp bị tình-nghi, bắt bớ giam cầm như bọn ông Bát-Xích hay bị thủ - tiêu xử - tử như ông giáo Khâu, ông Cả-Năm vì tội liên lạc với địch, thì cụ lang nho - sĩ đã khéo giả chước già yếu, suy nhược, nằm trùm chần trong bóng mát, hốt thuốc

cắt họng người ta để ăn sung mặc sướng và đến ngày mùa vợ con gánh lúa từ các thôn, các xóm về chất đầy cửa, đầy nhà. Đã hiểu rõ được cái dụng-tâm quỷ quyệt này người ta mới sức nhớ đến những thủ-đoạn của Hoàng tiên-sinh. Thôi thì không biết bao nhiêu là tội-trạng được khai-thác để đưa ra ánh-sáng. Nào là Hoàng tiên-sinh đã bóc lột nhân dân một cách ghê-gớm với nghề thuốc của mình. Một thang thuốc chỉ đáng mấy ô lúa cụ tính đến hai ang lúa màt trở lên lại lấy lãi gấp hai vào những ngày mùa, nào là theo lời những đồng-bào tản-cư cùng ở một chỗ với cụ cho biết, thì trước kia Hoàng tiên-sinh chưa từng làm thuốc bao giờ, vì tưng quăn, và nghĩ nhân-dân ở vùng này ngu dại, đã làm liều để trục lợi nên cứ động đến bệnh nhân nào thì bệnh nhân ấy qui-tiên, nếu không qui-tiên thì cũng hết cửa hết nhà để lâm vào cái cảnh tiền mất tật còn. Đó là về phương-diện chuyên-môn. Đến như về mặt chính-trị thì cũng có lắm điểm khiến Hoàng tiên-sinh phải đâm lo đến mất ăn, mất ngủ. Nào là Hoàng tiên-sinh quen thói đòn sóc nhọn hai đầu vì muốn dễ chuyện kiếm ăn. Để biện hộ về khoản giá thuốc cao, với các thân-chủ bản cổ cụ bảo chỉ có bọn địa-chủ phú-nông mới bóc lột vì ăn địa-tô quá nặng chứ một thang thuốc của cụ có nghĩa lý gì đâu ; chuyện đó còn khả-thứ, đến như với đám thân chủ phú-nông, địa chủ, cụ cũng dám bảo là bọn bản cổ kia mới bóc lột vì ăn lúa giảm-tô quá nhiều. Nào là Hoàng tiên-sinh dưới thời Pháp-thuộc có nhiều thành-tích bất-hảo, chả hạn đã từng làm sĩ, làm thầy cò, làm mật-thám cho Pháp và hay len lõi ra vào các cửa quyền môn để làm trung-gian cho việc hối-lộ. Những chuyện này

mụ cả Thìn đã được nghe người ta nói rất cả tai trong các buổi họp, và cũng như một dây bìm trước hàng dậu đỏ, mụ thấy đã đến lúc có thể dựa vào hậu-thuần nhân-dân để làm càn một chuyến, hạ uy-thể cụ lang chơi cho bõ ghét. Cho nên trong trận khẩu-chiến đạo ấy, khi Hoàng tiên-sinh, vì cái nguyên-tắc tề-gia, đã xen vào khuyên bà vợ không nên gây sự với hạng tiểu-nhân, thì mụ Thìn đã nhảy đại vào túm lấy vạt áo cụ, chồm lên, xia cả ngón tay vào trán rồi kể ri vanh-vách những hành-vi bất thiện của cụ ngay trước mặt đám đông.

Thôi thế là hết. Tả cả cái thân-danh, phong-thể của cụ sụp đổ ầm ầm như những lâu đài trong cơn địa-chấn. Người ta thấy Hoàng tiên-sinh tức uất đến bầm tái cả mặt mày, run rẩy cả tứ-chí, mình-mẩy, nhất là khi cụ Thìn giật đứt ngang vạt áo rồi tung lên cao như một lá cờ. Trong cơn tức tối, tủi hổ này, tiên-sinh càng đâm hoảng sợ khi nhìn vào đám đông. Vì trước một vụ tai ngược như vậy, cái đám đông ấy vẫn đứng-dưng tàn nhẫn với những tiếng cười reo thích-thú.

Suốt ngày hôm ấy và luôn mấy hôm sau, nhân-dân qua lại trước nhà Hoàng tiên-sinh thường cố nhìn vào để dò xem tình-hình. Người ta cứ phập-phồng lo ngại là không khéo ở xóm Chuối lại xảy ra một vụ tự-tử cũng nên. Với óc tưởng-tượng phong-phú, đám quần chúng ở xóm này nghĩ đến không sót một thứ hình-thức quyên-sinh nào mà một con người tức trí như Hoàng tiên-sinh có thể dùng đến. Một số lo rằng cụ lang Hoàng sẽ treo mình hoặc ở cổng chuông trâu bà Ký như lão Thùỵ diên đạo nào, hoặc ở « cây trầu » phía sau

nhà tự là nơi đã xảy ra ba bốn vụ tự-ái trước kia ; một số khác lý-luận rằng vì thân-hình cao dài lâu-ngheo, chắc là cụ phải chọn một cách khác tiện hơn như uống thuốc độc, mổ bụng hay nhảy xuống sông Ngang chả hạn. Bà Lý Chấm vì nhà ở kề ngay bên nhà Hoàng tiên-sinh, trong vườn lại có một cái giếng khá sâu nên bà cứ nghĩ đại đại là biết đâu tiên-sinh không mượn nó làm phương-tiện thoát kiếp. Nhưng rồi sau nửa tháng trời, tất cả mọi giả-thuyết về cái chết của Hoàng tiên-sinh đều sai bét cả. Vì tiên-sinh không thêm tuân tiết. Và lạ hơn nữa là cách đây ít lâu lại có những dư-luận rất tốt lành về Hoàng tiên-sinh. Trong các đám gặt, đám cấy, các buổi hội-họp đồng-đào, đồng-bào trong thôn nhất là nữ-giới, thường xi-xào bàn tán với nhau :

— Hừ, cái ông thầy Hoàng đạo này khác hẳn đi mới lạ chứ ?

— Khác làm sao ?

— Chẳng ai chú-ý cả à ? Trước kia mấy đời, mấy thuở mà ông ấy chịu rời chiếc áo dài đen.

— Khéo nói, trời ơi. Chiếc áo của ông ta bị mụ Thìn xé rách toạt cả rồi, lấy đâu mà mặc nữa hở trời.

— Không phải thế đâu, chị em ơi. Bà thầy Hoàng mua đâu được hàng ngoại-hóa chả biết, may cho ông ấy một cái áo mới đẹp ra phết. Nhưng ông ta không chịu mặc lại còn bảo cái ngữ áo « phong-kiến » ấy bị xé rách là đáng đời rồi còn may lại cái mới làm gì.

— Ủ' lạ thật đấy. Nói chuyện tức cười. Đạo người ta đồn ông ấy tự-tử, mỗi lúc đi qua nhà, tôi lại nhìn vào, thấy được hai



bàn chân cựa quậy, nhịp nhịp tôi mới đỡ lo. Nhiều lúc tôi bắt gặp ông ta ngồi nhìn sừng đám ngọn tre trước nhà như kẻ thất-tình vậy. Đạo này, có sao nói vậy, ông ấy ít nằm hơn trước. Mết-tin, hội-nghị, buổi học tập nào cũng có mặt cả. Tội-nghiệp.

Đa số nhân-dân trong vùng cũng chú ý đến điểm này trước nhất. Hoàng tiên-sinh ít nằm hơn xưa. Từ lâu cụ đã làm cho người trong lối xóm, trong thôn phải kinh-ngạc về cái lối nằm của cụ. Ngày ngày, ngoài mấy bữa cơm và những lúc phải chạy máy bay hay tiếp chuyện các thân-chủ, cụ lại cứ nằm khênh trên chiếc giường tre. Thân-hình đã cao dài lêu-nghêu, cụ lại nằm

ngửa rất thẳng-thắn, im lìm với hay bàn tay cháp cẩn-thận trên ngực. Nếu không có hay bàn chân dài nhòng thỉnh-thoảng cựa quậy đôi chút thì cái trạng-thái im-lìm của tấm thể-xác ấy cứ làm cho người ta phải nghĩ đến những chiếc thầy ma đang chờ khâm-liệm. Nhà cụ lại hẹp. Mỗi khi cửa đã chổng lên, người qua đường ai cũng thấy rõ chiếc giường tre và tấm hình-hài bất-động của cụ. Lắm người đã lác đầu tỏ vẻ thương hại vì cho là cụ đã suy nhược quá tuy tuổi cụ mới độ ngũ-tuần. Lại cũng chính cái lối nằm này đã đánh tan mọi nghi kỵ lúc đầu của những người có cảnh-giác-tính cao nhất trong giới chính-quyền đoàn-thể địa-phương trước sự hờ hững của cụ đối với nhiệm-

vụ kháng chiến. Trừ phi những người có tư-tưởng chống đối, hạng thân-hào, thân-sĩ cầu an và những tín-đồ thuộc các giáo-phái nãng ra vào nhà cụ mới hiểu được cái thâm ý của Hoàng tiên-sinh. Vì chỉ với họ, cụ mới nháy mắt, thổ lộ tâm sự khi bàn luận về thời-cuộc :

— Hi, hi, cái thế trứng chọi với đá không thể lâu đâu. Thực-lực của đối-phương hùng-hậu như thế, người ta lại nắm được Cụu-hoàng có phải là *danh-chính ngôn thuận* hơn không? Kẻ thức-giã phải biết suy nghiệm chỗ đó, chớ thấy cái thế mạnh nhất thời mà vội chạy ra, sau này khó ăn, khó nói. Nhưng cũng chớ nên bộc lộ tình ý làm gì vô-ích. Không lâu đâu, hi, hi...

Rồi như sực nhớ ra là đã nói quá nhiều, tiên-sinh lại xoè một bàn tay dài nhòng ra, xua lia lia :

— Hi, hi, thôi thôi, chừng ấy đủ rồi. *Cứ nhất ngưng thôi*. Đây chỉ *cứ nhất ngưng* thôi. Tai vách mạch rừng, không nên nói nhiều lắm vô ích, hi, hi...

Sau vụ mù Thìn, chính những hạng trên càng phải ngạc-nhiên hơn, trước sự thay đổi chính-kiến đột-ngột của Hoàng tiên-sinh. Người ta không còn ngờ thấy cụ làm cái việc *cứ nhất ngưng* ấy nữa, nhưng lại thường được nghe, nhất là vào các bữa cơm, nếu có cán-bộ hay nhân-dân trong vùng, trong xóm vào chơi hoặc mua bán với bà vợ, Hoàng tiên-sinh vừa nhai ngòm-ngòam vừa ca-tụng thao thao bất tuyệt cuộc cách-mạng vô-sản thế-giới, chửi đồng bọn Đê-quốc, Thực-dân, chửi cả Cụu hoàng, nhận định lực lượng của hai phe, nhắc nhở các chiến-công oanh-liệt của bộ

đội để rồi vung cả đôi đũa lên, nhấn mạnh cái lẽ tất thắng của cuộc trường-kỳ kháng-chiến. Và lúc nào ăn xong, ngồi xĩa răng uống nước, nhìn cô con gái thu dọn mâm cơm ngổn - ngang như một bãi chiến-trường, cụ cũng không quên vận-dụng sức co giãn rất nhanh nhẹn của đôi môi để chíp miệng rất kêu rồi kết-luận : « *Thế tất rồi cũng phải có Tổng phản-công nay mai* ». Và ngoài ba bữa cơm, Hoàng tiên-sinh không còn nằm khênh ra như trước. Người ta thấy cụ đột-nhiên nhảy ra tham-gia công-tác hăng hái vô cùng. Trước kia cụ càng thích nằm và nặng gia-đình bao nhiêu thì bây giờ càng thích hoạt-động và coi nhẹ sinh-kế bấy nhiêu. Rồi lần lần chính ngay đám cán-bộ khó tính, giàu thành-kiến với lớp người cũ cũng phải ngạc-nhiên và công nhận Hoàng tiên-sinh là một phần-tử rất tiến bộ. Bây giờ họ không còn gọi cụ là « tiên-sinh » để mỉa-mai như trước. Chính Hoàng tiên-sinh mỗi lúc nghe ai gọi mình như thế, dẫu với cái thái độ thành khẩn bao nhiêu, cũng vội xua tay lia lia :

Ấy thôi thôi. Cái lối tôn-xưng ấy phong-kiến lắm. Trước kia tôi còn thích chứ bây giờ lại thấy khó nghe quá. Cứ gọi tôi là thầy Hoàng. Hi, hi, nhưng tiếng thầy xem ra cũng lỗi thời, xin cứ gọi là đồng-chí, hay có nể tuổi tác thì gọi là... gọi là lão đồng-chí được rồi. Mình phải tiến-bộ chứ. Hi, hi...

Mà cụ tiến-bộ thật sự. Cụ lang Hoàng không còn thích hai tiếng tiên-sinh đã đành. Cụ cũng không thích chiếc áo dài đen lượt - phượt nữa. Cụ cũng chẳng còn thích cái lối nói chữ vanh-vách như xưa. Ngay đến thói quen cũ tên tộc các đảng tiên-nhân cụ cũng nhất-quyết đả-phá. Người

a không còn nghe cụ nói « thể-giải » hay « giải-thiệu » thay vì thể-giới, giới-thiệu hoặc « cộng-huê », « dĩ huê » để thay cho hai tiếng cộng-hòa, dĩ hòa. Sự tiến-bộ của cụ được phát-hiện theo một cái đà nhanh chóng đến nỗi trong các buổi hội nghị học tập cụ thường được cán-bộ nêu ra để làm gương cho nhân-dân nhất là cho những lớp cụu-trào. Truy-cứu, phân-tích nguyên nhân của sự tiến-bộ hiếm có này để rút kinh-nghiệm, người ta phải nhìn nhận rằng cái công cải-tạo mau lẹ ấy là của cụ Cả Thìn. Thật vậy, chẳng ai ngờ một cụ đàn-bà vô học, mắt dạy, thiếu kỹ-luật như cụ Thìn lại làm được một việc mà ngay chính-quyền, đoàn thể lẫn nhân-dân, hay cả cái lực-lượng cách-mạng nói chung, đã phải đầu hàng. Chính cụ lang Hoàng cũng không thể nào tưởng-tượng được rằng cái con người phong-kiến hạng nặng của cụ, nặng mà ngoan cố, tinh ranh đến bất-chấp cả áp-lực của dân chúng, biện-pháp của đoàn-thể, sức hoán cải của thời-gian — bây giờ thì cụ không ngần ngại để phản-tỉnh, nhìn nhận những điều này — đã chịu ngã gục xuống một cách thảm thương dưới mũi chùy « phản-phong » của cụ Cả Thìn, một con mẹ thuộc vào cái hạng « phụ-nhân nan hoá » như cụ thường gọi trước kia. Vì lẽ này nên cụ là người đầu tiên đã công khai tuyên-bố thừa nhận cái tác-dụng phản-phong màu nhiệm của vụ làm nhục ấy. Mỗi lúc có ai trong đám cụu-trào, vì ác ý, xô ngọt cụ một câu chửi hạo : « Thừa cụ, cái mũi chùy phản-phong của cụ Thìn thế mà được việc cụ nhi ? » thì cụ lang Hoàng đã chẳng tự-ái chút nào mà còn cười lên hi, hi :

— Phải, phải, có thể. Nghĩ cũng lạ thật. Trong cái rủi bao giờ cũng có cái may. Nếu không có cụ Thìn thì tôi khó

mà được tiến-bộ như ngày nay. Mình không nên vì tính sĩ-diện phong-kiến và thiếu sự công bình để phủ - nhận cái chuyện đó. Quần-chúng có thể là thầy mình, đúng quá. Hi, hi ..

Cách đây ít lâu, có lẽ để tỏ niềm tri-ân sâu xa, cụ lang không gọi cụ Thìn là cụ nữa, mà gọi là đồng-chí. Nữ đồng-chí Cả Thìn. Thật cũng chẳng ai còn nghi-ngờ, phủ-nhận được cái phép lạ của nữ đồng-chí Cả Thìn. Từ cái xác phong-kiến ngã gục dưới mũi chùy của nữ - đồng - chí, người ta thấy một con người khác lạ vùng dậy, bước ra. Cụ lang Hoàng không còn là Hoàng tiên-sinh nữa. Cụ là con người khác hẳn, mới hẳn, mới hoàn-toàn từ hình-thức đến nội dung. Về hình-thức thay vì chiếc áo dài đen lượt phượt là một bộ bà-bà màu nâu. Cụ lang Hoàng nhất-định chọn màu nâu vì cụ cho đây là màu lý-tưởng của các nhà cách mạng giàu tinh-thần khắc-khổ. Về mặt tinh-thần tư-tưởng cụ càng tiến bộ hơn nhiều. Ngồi đâu, cụ lang cũng tạo được cơ-hội để truyền bá thuyết duy-vật, tuôn ra từng tràng lý-luận Mác-xít, bàn về cái hay của tư-tưởng Mao-Trạch-Đông. Từ ngày cụ ra tham gia, — đã số lão thành trong thôn đã phải phát ốm lên với cụ vì những cuộc hội-nghị học tập liên miên để xây dựng lập-trường, tư tưởng. Nhưng chúng mình một cách hùng-hồn cho mức tiến-bộ vượt bậc là các công-tác thực tế. Trong những công-tác cụ được tuyên-dương là xuất-sắc, đáng kể nhất là công-tác « thống-nhất tiên nhân », một sáng-kiến phản phong của cụ. Thôi thì hết ngày này qua ngày khác, cụ mang xác đi khắp các thôn, các phái, vận-động các tư-gia cùng một tộc đồn chung các bàn thờ tiên-

nhân và ruộng hương-hỏa lễ-tử vào một nơi để mỗi năm chỉ cúng hai kỳ xuân thu. Cái chủ - trương tập-trung « tiên - nhân » vào một địa-điểm, bắt ngồi chung cùng một bàn để hưởng chung của cúng một cách tập thể như người ta tập-trung bọn phản-động vào các trại an-trí này đã được cụ lang Hoàng cho là một biện-pháp hữu-hiệu và rất chinh-trị để tiến tới chiến - dịch « *càn quét bàn thờ ông bà, ông vải* » vốn là những tàn-tích phong kiến-rất đỗi nguy-hại. Thứ đến là công-tác « *tôn-giáo vận* ». Chỉ trong vòng có mấy tháng trời, chả biết cụ đã làm thế nào mà chẳng có giáo-phái nào không bị hao hụt một số tín-đồ đáng kể. Các nhà thủ-linh tinh-thần ở địa-phương mỗi lúc thấy bóng cụ cứ phải đâm hoảng lên như những kẻ chần chiên thấy bóng lang sói. Sau cùng tưởng cũng nên kể đến một thành-tích chứng minh cụ thể hơn sự tiến bộ vượt bậc là việc cụ bằng lòng gả hai cô con gái cho hai cán-bộ đảng-viên, một người là ủy-viên cấp tỉnh, một là ủy-viên cấp Huyện. Với cái thành-tích sau này, uy-tín cụ lang càng tăng thêm nhiều, đến nỗi nữ đồng-chí Cả Thìn, bất cứ trong cuộc họp nào có mặt cụ lang cũng cố dành cho được cái vinh-dự giới-thiệu cụ làm chủ-tọa và mỗi khi nhà có « soi » được con cá nào lớn hay bắt được con lợn nào to cũng đem đến biếu cụ lang trước hết.

Và ông thôn-trưởng thì bất cứ việc gì cũng phải thỉnh thị ý-kiến cụ lang trước đã. Người ta còn bảo rằng cụ lang còn có uy-thế nhiều hơn ngay với chính-quyền cấp xã, cấp Huyện, nên cán-bộ thường ra vào nhà cụ, nhiều cuộc họp bí-mật quan-trọng cũng chỉ được mở ngay tại nhà cụ mà thôi.

Sự tiến bộ và uy-thế của cụ lang Hoàng cứ theo cái đà ấy mà tiến mãi chẳng biết đến đâu là cùng nếu chẳng có một tai nạn xảy đến cho cụ. Thực ra thì cái tai nạn này không phải quan trọng, lớn lao kinh-khủng gì lắm. Chỉ một viên đạn xuyên qua bắp chân thể thôi. Một vết thương như vậy, giữa cái hoàn cảnh tao loạn, máu chảy thịt rơi, mà ngày ngày có hàng trăm hàng ngàn con người ta nếu không bỏ mạng cũng phải mang lấy tật nguyên, thì thật chẳng có nghĩa lý gì đáng kể. Tuy vậy với cụ lang Hoàng, cái viên đạn nhỏ nhoi vô tình này lại đã gây cho đời cụ những hậu quả tàn khốc khôn lường.

Theo những người được mục kích tỏ tường kể lại, thì tai nạn xảy ra có vẻ bí-đát, thảm khổ nhiều hơn là khủng khiếp, ghê rợn. Nguyên là sau trận oanh tạc hôm ấy, khi vừa chui ra khỏi hầm trú-ẩn, nhiều người nghe có tiếng rền rĩ vang ra từ phía sau một bụi rậm gần đấy. Khi chạy vào đến nơi, người ta mới nhận ra kẻ bị nạn là cụ lang Hoàng. Cả một tấm thân hình dài lòng-nhòng của cụ ngã sấp trên một bụi dứa. Người ta xúm lại hỏi thăm rồi rít, xem xét vết thương. Một viên đạn xuyên qua bắp thịt ở chân trái. Vết thương tuy không nặng nhưng máu ra nhiều quá. Mấy người có mặt vội chạy lại định cùng khiêng cụ vào nhà gần đấy tìm găng giặt cho cầm máu trước khi đưa vào bệnh xá. Nhưng lạ một cái là cụ lang cứ vừa lắc đầu, vừa cố lê mình bò tới trước. Người ta vội giữ cụ lại :

— Này cụ lang. Cụ làm cái gì lạ vậy ?
 Nằm yên để chúng tôi tìm cách cầm máu cho chứ ?

Cụ lang vẫn lắc đầu, bậm miệng cố bò mãi tới. Trước cái cử chỉ kỳ quặc này, ai nấy đều sửng-sốt ngạc-nhiên. Nhưng rồi chỉ trong giây lát, chừng như vì yếu quá, kiệt sức, cụ lang nằm sấp xuống vừa rên, vừa thở rồi cố đưa tay chỉ vào đám lau cạnh đấy, thều thào :

— Cái gói... Cái gói của tôi. Tìm hộ cái... gói.

Theo hướng cụ chỉ, người ta vạch lau ra tìm, quả nhiên có cái gói thật. Một cái gói dài, tròn, độn bông. Một cái gói đã cũ, với lớp vải bao đã nhục cả màu và đen kịt cả mồ hôi, cáu bẩn vì lâu ngày chưa được thay đổi. Nhiều người đang lo cho cụ, thấy thế cũng phải bật cười thương hại :

— Chao ôi, tưởng là cái gì quý lắm. Hay đâu chỉ là cái gói. Bị thương muốn què cả chân mà không lo, lại chỉ lo cái gói. Ông cụ thật là lảm-cảm quá chừng.

Nhưng rồi chính cái tính « lảm-cảm » này đã làm cho những người có óc tò-mò phải suy nghĩ và lần lần chú ý đến những điểm hơi lạ về cái gói của cụ lang. Người ta nhớ ra, từ lâu, cụ lang Hoàng ít khi chịu rời cái gói của cụ. Chẳng những lúc nằm mà ngay khi ngồi cụ cũng hay ôm ấp nó trong tay. Lạ hơn là những lúc chạy trốn máy bay, chẳng cái gì được cụ nhớ tới hơn là cái gói. Dầu gặp trường-hợp gấp sức đến đâu, cụ cũng không quên ôm nó xuống hầm trú-ẩn hay mang theo vào bụi vào bờ nếu nhờ cụ chạy không kịp. Cái gói với cụ lang thật là như hình với bóng. Tuy vậy, lâu nay người ta chỉ coi đó là một thói quen đặc biệt của hạng người có tuổi thế thôi, chẳng ai chú ý làm gì. Nhưng lần

này, thái-độ kỳ quặc của cụ đối với cái gói ngay trong lúc bị thương khiến người ta phải liên-tưởng đến những điểm khác thường ấy và đặt thành nghi-vấn. Sự nâng-niêu ôm ấp không rời tay một cái gói đến nỗi lúc bị đạn xuyên vào bắp thịt mà cũng chẳng quên được nó hẳn là phải có một duyên-cớ bí-mật nào đây ? Vì cái nghi-vấn này mà cái gói của cụ lang đã trở thành một đề tài quan-trọng cho các cuộc mạn-đàm của nhân-dân. Người ta bàn tán, suy luận, đưa ra không biết bao nhiêu là giả-thuyết. Và rốt cuộc đa số đều đồng ý rằng cái gói của cụ Lang ắt là phải có chứa của quý hoặc là đồ nữ-trang bằng vàng bằng bạc, hoặc là một thứ bảo vật mà cụ đem theo trên đường tản cư để phòng thân, lại vì tính cẩn-thận cụ sợ tàu bay bắn cháy nhà cửa bắt-thần hay kẻ gian-phi dòm dỏ, nên phải dùng đến cái gói để che mắt người ta và tiện bề gìn giữ thế thôi. Cái thuyết này nghe ra cũng có lý nên lần lần câu chuyện cái gói cũng được người ngoai ? Và vết thương của cụ lang Hoàng, cũng theo với cái người ngoai của câu chuyện cái gói mà bớt dần rồi lành hẳn. Cụ lại đi hoạt-động công-tác « Tôn giáo vận » và « Thống-nhất tiên nhân » như cũ.

Mãi như thế cho đến một hôm, trong cuộc Đại-hội học tập toàn xã, người ta thấy cụ lang Hoàng có vẻ hốt hơ hốt hải và đãng trí khác thường. Suốt cả buổi thảo-luận, cụ không hăng hái về chuyện phát-biểu ý-kiến như thường lệ mà cứ ngồi thừ ra với cái dáng lo lắng băn - khoăn và bộ mặt bơ-phờ, nhợt-nhạt. Chưa ai hiểu ra sao cả thì, buổi chiều hôm ấy, trong lúc cụ ngồi ghế chủ tọa và đại hội đang thảo luận sôi nổi, bỗng có tiếng người yêu cầu :

ĐÃ PHÁT HÀNH :

MAI số 4

(25 - 8 - 1960)



Sáng tác :

VŨ - HẠNH — TƯỜNG - LINH
— NGUYỄN - VĂN - XUNG —
LƯƠNG - NGỌC — MINH - HỮU

Câu chuyện văn-nghệ, giáo-dục,
khoa học, nghệ thuật :

- Chiều rộng của truyện. (Võ-Phiến)
- Hiện tượng lừa bịp trong sách giáo-khoa. (Nguyễn-Phủ)
- Tin khoa-học. (Nguyễn-Trần-Huân)
- Xem tranh họa-sĩ Văn-Đoán. (Trần-Mai)
- Mộng vàng (nghệ thuật xem tranh trừu tượng. (Trúc-Liên)

Phỏng vấn :

Những nỗi băn-khoăn chánh-đáng của các bậc cha mẹ có con gái lớn. (Nguyễn-Ngu-Í)

Phê bình :

4 truyện ngắn (cuối 59 đầu 60). (Nguyễn-Văn-Xuân)

và các mục :

Điềm người, điềm việc, Tin Văn, Nụ cười lượm lặt...



TẠP CHÍ MAI phát hành ngày 10 và 25 mỗi tháng.

— Tôi xin nói.

Cụ lang Hoàng nhìn xuống thì thấy Cả Lãm, một thanh-niên có tiếng là ngộ nghịch trong thôn vừa ở ngoài bước vào.

— Tôi xin phép chủ tịch đoàn và Đại-hội trình bày một chuyện rất cần. Có đũa nào ăn cắp cái gói của cụ Lang, rồi ném ngoài bờ suối, tôi lượm được nên đem vào đây cho cụ.

Cả Đại-hội vừa nghe xong đã cười ầm cả lên. Có nhiều tiếng suýt; tiếng xì xào trách móc vì Cả Lãm dám đùa giữa Đại - hội. Nhưng cụ lang Hoàng vừa nghe nhắc đến cái gói đã quên hẳn mình là chủ-tọa mừng rỡ đứng lên, cười, hi, hi :

— Thật à. Lượm được cái gói. Ôi may làm sao ; quý hóa làm sao ! Đa tạ, đa tạ đồng-chí.

Cụ vừa toan bước xuống thì cả Đại-hội lại cười ầm lên với những tiếng la lớn :

— Ấy xin ông chủ-tọa và đồng-chí Cả Lãm hãy gác chuyện cái gói lại đã. Không nên làm mất trật-tự và thời giờ quý báu của Đại-hội vì cái gói. Chủ-tọa quên rồi hay sao chớ.

Nhưng Cả Lãm vẫn không chịu nghe theo. Hắn nói càng lớn tiếng :

— Xin Đại-hội cho phép tôi nói hết đã. Tôi cần đưa vào đây ngay để tránh tiếng về sau. Vì cái gói bị xé rách.

Tiếng cười, tiếng la ó trong Đại hội lần này càng nổi lên ồ-à hơn. Nhưng nụ cười trên môi cụ lang thì vụt tắt mất. Sắc mặt cụ vừa tươi tỉnh lại lúc nãy bỗng nhiên tái nhạt hẳn đi. Người cụ run lên, trán cụ toát cả mồ hôi, miệng cụ lắp bắp :

— Xé ? Thật ư ! Xé ra thật à ? Đâu ?
đâu ! ở đâu ?

Vừa hỏi cụ vừa chống cả hai cánh tay trên bàn, bám chặt tay vào thành bàn như cố sức níu lấy cho khỏi ngã, trong lúc Cả Lãm xách cái gối tiến lên với nụ cười rang mãnh :

— Thưa Đại-hội, thưa cụ, tôi cần phải trình bày trước cụ và Đại-hội để khỏi mang tiếng về sau. Vì trong gối không có vàng bạc hay châu báu như người ta thường đồn lâu nay mà chỉ có những thứ này thôi... Lạ lắm, thưa đồng-bào... đây, đây...

Vừa nói, Cả Lãm vừa lôi ra, đặt từng thứ một trên bàn chủ-tọa. Cả Đại-hội trở mắt ra nhìn và nhón nháo cả lên trong tiếng cười, tiếng reo, tiếng ho sặc sụa, tiếng huých sáo, tiếng kêu kinh ngạc, và sau cùng là những tiếng lo ó thất thanh :

— O' hay, này coi chừng. Cụ lang Hoàng sao thế. Ông ấy như sắp xỉu, đi kia kia.

Và cụ lang Hoàng đã xỉu người, ngắt đi và ngã xuống thật sự. Vì những thứ vật lạ đựng trong cái gối mà Cả Lãm trình bày gồm có : một cái bằng Hàn-lâm-viện Kiểm-thảo có dấu son đỏ chót, một cái giấy khen thưởng của Sở Mật-thám thời pháp-thuộc, và một chiếc ngân-tiền có tua ngũ-sắc.

*
*

Trong số những người tản-cư ở xóm Chuối, tôi đã được cái may-mắn gần gũi Hoàng tiên-sinh một thời gian khá lâu. Nhưng rồi tôi lại phải rời khỏi nơi này sau

khi cái tai nạn lớn lao trên kia đã xảy đến cho Cụ. Từ đây cuộc binh hoả lại tiếp diễn ngày thêm ác-liệt cho đến ngày đình-chiến. Thỉnh-thoảng có nhớ đến cụ lang Hoàng tôi lại cứ nghĩ là với cái sức vóc nho sinh, già yếu và những chuyện chẳng may như thế e cụ không thể nào còn sống được. Và cũng không hiểu sao tôi cứ thấy yên trí là cụ đã chết, hình ảnh cụ đối với tôi xa xăm, mơ hồ quá. Một cái gì phải qua, phải mất, phải trôi vút theo dòng lịch-sử.

Nhưng rồi sau ngày đình-chiến ít lâu, một hôm tại cổ đô, dạo chơi trong thành nội, tôi bỗng nghe có tiếng gọi giật giọng từ trong một biệt-thự xinh xắn, một người vội vã chạy ra. Nhìn kỹ tôi cứ ngỡ là nắng quáng đèn lòa hai mình đang sống trong một cơn mơ. Vì người đứng trước tôi là Hoàng tiên-sinh rõ ràng. Một Hoàng tiên-sinh đã ngã ngục dưới mũi chùy « phản-phong » của mụ Cả Thìn, đột nhiên xuất hiện như một bóng ma. Thật vậy. Vẫn là một Hoàng tiên-sinh cao dài lêu nghêu với cái vẻ « nho sĩ » thuở nào. Nhưng là một Hoàng tiên-sinh hồng-hào, phương-phi, đạo-mạo, chững chạc hơn bao giờ cả, trong chiếc áo xuyên đen dài mới tinh và chiếc quần lụa bông chùng một cách dài-các trên đôi giày da đen bóng loáng. Tiên-sinh vừa cười, vừa vỗ vai tôi :

— Hi, hi, ai ngờ lại gặp. May quá. Tôi đang đánh tài-bàn chơi với mấy ông bạn cũ, thấy ông đi qua mừng quá, chạy ra đây. Vào chơi : Đây là nhà bà con của tôi. Xin cứ vào, hi, hi...

Tôi nhận lời. Nhưng trước khi bước vào, tôi dừng lại đưa mắt nhìn cụ rồi hỏi :

— Thế nào ?

Hiểu ngay ý tôi, Hoàng tiên-sinh xua cả bàn tay dài nhòng, nhoèn miệng cười với hai hàng răng đen đầy cả tét :

— Hi, hi, không sao hết, em thắm cả. Xin nói ông mừng. Cái hồng phúc của nhà tôi đang còn lớn. Về đây gặp gỡ anh em, bà con đủ cả. Thời nào cũng được cái may là vẫn có nhiều người làm lớn. Hi, hi ;... nên mình cũng được nhờ vả, sướng lây... Mạ bày trẻ đã có vốn lớn để mua bán. Thằng con tôi, vừa về, có chú nó làm hiệu-trưởng một trường công, nên được vào học ngay... Thiên hạ, dễ dãi gì đâu... có phải không ? hi, hi...

Hoàng tiên-sinh nhìn tôi với cái vẻ thỏa-mãn, tự đắc, rồi cười lên một cách thích chí. Tôi lại hỏi nhỏ :

— Thế còn hai anh con rể cụ : Tập kết ?

Hoàng tiên-sinh lại cười, lại xua tay lia-lia rồi chíp miệng rất kêu :

À, không : Ở lại cả. Nhưng cũng yên hết. Tôi đã bảo là hồng-phúc còn nhiều. Còn

nhiều ! Chúng nó có công việc cả rồi. Nói cho ông mừng. Còn tôi bây giờ... hi, hi...

Nhìn tôi với đôi mắt sáng hần lên, Hoàng tiên-sinh vui vẻ nói tiếp :

— ...Nghỉ chơi một dạo cho sướng đã. Cực khổ trong bao nhiêu năm kháng chiến, bây giờ phải tìm cách bù lại chứ tội gì, hi, hi... Tôi định đi Sài-gòn, Đà-lạt chơi một chuyến đã rồi sẽ tính công việc. Cũng phải đua tranh với thiên hạ chứ... Khi *bang hữu đạo* mà mình chịu cái cảnh *bần thả tiện yên* thì nhất định là *sĩ giã* có phải không ? hi, hi, hi, hi...

Sau cuộc tái-ngộ này, trong dịp gặp-gỡ những người quen biết cùng tản-cư ở Xóm Chuối trước kia, nhân nhắc đến Hoàng tiên-sinh, tôi cho họ biết là tiên-sinh vẫn còn sống và có phần khang-khien hơn xưa. Nhưng người nào cũng mỉm cười nhìn tôi bằng cặp mắt hoài-nghi. Không ai chịu tin là tôi nói thật.

PHAN-DU

* Nghệ thuật của người lãnh-đạo là biết tỏ ra sự hân hoan của mình giữa lúc người dưới quyền cảm thấy cần nó nhất, như sau khi cố gắng người dưới đã vượt được nhiều khó khăn và đã đem lại được nhiều kết quả. Có được vậy, người dưới mới phấn-khởi và càng thêm tự tín (A. Carrard).

« Nhà lớn vách cao »

Tử-Cống hình dung đạo đức Khổng-Tử bằng câu : « *thi chung tường* », có ý ví đạo-đức Khổng-Tử với ngôi nhà lớn, lại có tường cao vây bọc xung quanh, người đứng ngoài không thể trông thấy gì ở bên trong được. Do đấy, hai chữ « *chung tường* » (nhà lớn vách cao) thường được dùng để chỉ nơi văn-miếu, học đường.

CHIM MÙA

Luyện gửi H.

H. Q.

Hắt hiu rừng gió heo may
Chim mùa xao - xác trông mây lững - lờ.
Nồn - nao dòng máu sông hồ,
Hồn ngây - ngất mộng bến bờ sáng tươi.
Biết chi mưa gió tơi bời,
Nghìn năm chim vẫn say đời viễn - du
Nước non chớm bước vào thu,
Chim cao cánh vỗ, mịt - mù xuôi Nam.
Bốn mùa chỉ đậm tình xuân;
Hương xa sắc lạ cho tràn ước mơ.
Chim mùa khuất lối sương xưa,
Thủy - chung trời cũ còn ngơ - ngần sầu.
Chim bay tìm nắng phương nào,
Lòng thu gờn gợn một màu hoang - liêu.

Đ.N. Thu 58

HƯƠNG - QUY

BÁCH KHOA LXXXVIII

Viễn-tượng văn-nghệ miền Nam

N GÀY 12-8-1960, luật sư Trần-Thanh-Hiệp có nói về *Viễn tượng văn-nghệ Miền Nam* tại Câu Lạc Bộ Văn-Hóa.

Có lẽ nhận thấy vấn-đề quá lớn đối với kích-thước của mình nên ngay từ đầu ông đã tuyên-bố « *Tôi nói hết sức nhũn nhặn* » để cho người nghe chú ý xem ông nhũn-nhặn đến mức-độ nào.

Trước hết, ông « *rất tiếc không phân tích được rõ ràng hiện tượng văn-nghệ tại đây* » và ông để dành cho mỗi người tự nhận định lấy theo quan-niệm riêng của mình vì « *sợ chủ quan của một người có tính cách gượng ép* ».

Ngay đoạn mở đề này lập luận của ông đã bày ra hai thiếu sót lớn :

Một là, đã biết ý-kiến chủ quan một người vốn là gượng ép, tại sao lại còn dành cho mỗi người tự nhận định lấy theo quan-niệm riêng để mà tiếp-tục suy nghĩ theo lối gượng ép ? Người nói, một khi đã lên diễn đàn trước một quần chúng thính giả dù là ít ỏi bao nhiêu, cũng phải tự thấy ý kiến của mình có một giá trị tổng hợp đến mức nào rồi. Nếu không dám nhận một giá trị tổng hợp, ít nhất cũng phải có một giá trị phân-tích đủ cho người nghe tự mình tìm lấy một sự tổng-hợp khả dĩ tạo được cơ sở để mà suy-luận. Quên hẳn vai trò chủ động của diễn giả, là thiếu tinh-thần trách-nhiệm đối với quần-chúng thính giả của mình.

Hai là người ta không thể tìm hiểu về một viễn-tượng—bất cứ viễn tượng của một

ngành nào — mà không có những nhận định cụ thể — dù là đại cương — về cái tình hình thực tại. Thiếu hẳn nhận-định cơ sở ấy, viễn-tượng dựa trên cái gì mà lập-thành? Viễn-tượng nhất-định không thể đồng nghĩa với mơ tưởng được.

Cho nên người nghe bắt buộc phải nghĩ rằng diễn giả đã dùng cái luận điệu tôn trọng tự-do tư-tưởng và cái thái-độ gọi rằng nhũn-nhặn để che đậy sự bất lực của mình trước một vấn-đề cơ-sở.

Và thoát ly khỏi thực-tế cơ-sở diễn giả như người Do-Thái ngày xưa, bắt đầu một cuộc phiêu-lưu. Vì vậy, lập luận của tác-giả mặc dầu cố gắng nhũn-nhặn và tác-giả phải nhắc nhở nhiều lần hai tiếng *đại-quan bình thường* để cho người nghe dẹp đi những sự chờ đợi và những đòi hỏi, những vấn không sao tránh được đại ngôn và những nhận xét nông nổi.

Xin kể ra đây một số lập luận tiêu-biểu:

1) Cho rằng « *vấn-đề văn-nghệ và thời-đại ở nước ta không có gì là trầm trọng* ».

Thế nào là vấn đề văn nghệ và thời đại, thế nào là trầm trọng, ở đây diễn giả không chịu xác định mà chỉ chứng nhận hết sức cương ép khiến người nghe cũng chỉ quan niệm một cách mơ hồ.

Sự thực, đây là vấn đề mấu chốt và câu chuyện của ông Trần-Thanh-Hiệp cũng xuất khởi từ đó. Trong hiện tình văn nghệ Miền Nam vẫn có nhiều khuynh hướng khác nhau nói lên cái quan niệm khác nhau của từng lớp người đối với thời đại. Nếu có những người sống yên ổn mãi ở thị thành, hoặc xưa nay quen với cuộc sống xa rời thực tế, hoặc bất lực trước những thực tế phức tạp có những yêu cầu lớn lao,

muốn chối từ nó nên đã chủ trương *văn nghệ phi không gian và thời gian* thì cũng có những người ý thức được cái biến chuyển của xã hội mà đi kiếm tìm cái mới nhưng vì thiếu mất một liên hệ đối với thực tế rộng rãi của xã hội nên chỉ *sáng tạo được một thứ văn nghệ lổ lằng, lai tạp, lẩn quẩn trong một thứ chủ nghĩa cá nhân lãng mạn kiểu mới*. Và cũng có những người đã từng thật sự đi vào cuộc đời, đã từng va chạm, lăn lộn trong những đợt sóng lớn của lịch sử, đứng trước thời đại vẫn mang tinh ánh bên lòng ý thức trách nhiệm, dò dẫm đi từng bước một theo chiều của khát vọng chung, *cố gắng trình bày một số tác phẩm nói lên những nguyện vọng tích cực đối với xã hội, tuy nội dung vẫn còn rời rạc, kỹ thuật vẫn còn thô sơ*.

Như thế vấn đề văn nghệ và thời đại là vấn đề đã được đặt ra từ lâu và còn đặt ra thường xuyên, khẩn trương nếu một quan niệm văn nghệ đứng đắn chưa được thành hình vững chắc, nếu cái trách nhiệm của những con người văn nghệ đối với xã hội vẫn còn là một nghi vấn hoặc một nguy biến.

2) Cho rằng « *Văn nghệ Miền Nam không có quá khứ* ». Lập luận như thế là đã tách rời Miền Nam khỏi cái truyền thống tinh thần dân tộc, phủ nhận tất cả giá trị văn học cổ truyền bao gồm cả nền văn chương bác học và nền văn chương bình dân, cô lập Miền Nam thành một thế giới riêng biệt không có lịch sử.

Dẫu cố ý hay vô tình một lập luận như thế — ngoài cái tính chất nông nổi còn có một ý nghĩa ngược lại đối với cái nguyện vọng chung của dân tộc là thống nhất đất nước.

Người ta suýt nghĩ rằng ông Trần-Thanh-Hiệp không hiểu thế nào là miền Nam và thế nào là quá khứ. Thực sự, việc chối từ đó không chỉ là vì nhận xét nông cạn, không chỉ là quan trọng hóa việc làm của mình mà còn có những tác dụng thỏa mãn những nhu cầu tâm lý phức tạp khác nữa. Cho nên ông Hiệp lại còn tỏ ra hoan hỉ trước một hiện tượng như vậy. Ông nói: « Không có quá khứ là điều đáng tiếc nhưng cũng may mắn là tiến mau lệ ! » Tóm lại, qua lập luận ấy, người ta càng thấy ông Trần-Thanh-Hiệp không rõ chút gì về cái thực tế Miền Nam mà ông đang tìm viễn tượng Hình như về phương diện địa lý, ông không quan niệm rõ ranh giới Miền Nam từ đâu giáp tiếp đến đâu, dân số gồm những là ai và trong cốt cách tinh thần của họ văn nghệ dân tộc đã in nếp dáng thế nào. Ngoài những áng cổ văn góp phần tạo nên phong thái trí thức của họ, còn câu hò câu hát, những điệu tuồng chèo, những hơi vọng cổ, bao nhiêu hình thái dân ca mang tự bình nguyên Nhị-Hà và văng lên từ bờ Cửu-Long góp phần xây dựng vốn liếng tình cảm của họ, ông cũng cố tình không thấy.

Người ta có cảm tưởng rằng nói về văn nghệ hình như ông Trần-Thanh-Hiệp chỉ thấy có ông và vài ba người bạn thân của ông cộng thêm một ít bài thơ tự do mà chỉ một số ít người trong nhóm ca ngợi cùng nhau và trong số người ca ngợi cũng vẫn có người tỏ ra mình chẳng hiểu rõ thơ ấy nói gì !

Chẳng trách đến khi có người nghe nhắc nhở cho ông Hiệp nhớ đến các cụ Nguyễn-Đình-Chiếu, Phan-Văn-Trị... thì

thấy ông Hiệp gật đầu. Nên chẳng ông cũng... gật đầu !

c) *Người văn nghệ phải làm lịch sử bằng tác phẩm.*

Nghe nói như thế thực là phấn khởi tinh thần. Nhưng thế nào là làm lịch sử ? Và phải làm như thế nào ? Không nghe ông Hiệp nói đến. Ông chỉ đề ra một câu khẩu hiệu trước hết là để phá phách cái tinh thần nhũn nhặn gò ép của mình, sau hết là để tỏ ra có hậu. Thế thôi. Và người nghe vẫn không làm sao ý niệm cho được cái công việc làm lịch sử, dù là ý niệm hết sức đại cương. Người ta khó lòng mà làm lịch sử một khi người ta chưa rõ lịch sử chuyển biến thế nào. Thấy được chuyển biến không phải là công việc của những người chỉ ngồi quan sát cuộc đời trong những phạm vi thu hẹp như những phòng trà. Và thấy được rồi muốn làm lịch sử còn phải có gan nữa chứ ! Có gan, có mật sẵn rồi, còn phải có tài mới làm tác phẩm. Nhưng nếu tác phẩm không phải là kết quả của những hành động « làm lịch sử » trong thực tế thì cũng chỉ là phiếm luận theo kiểu mộng du của các tiểu thư khuê các mà thôi.

Kể ra, lập luận tác giả vẫn còn khá nhiều những điểm cần đem thảo luận cho rõ ràng hơn. Nhưng qua một số ý kiến vừa rồi của tác giả, chúng ta cũng đã thấy rằng tác giả có nhiều thiện chí nhưng thiếu cơ sở lập luận cũng như công phu nghiên cứu.

Mới biết, nhũn nhặn chỉ là phương pháp tốt để tránh tai nạn, nhưng không phải là phương pháp tốt để trình bày một vấn đề lớn.

NGUYỄN-PHỦ

HỘP THƯ BÁCH KHOA

Những bài đã nhận được:

- Thăm hỏi; Rung rung (Mây đại dương) — Cam-Ly thác; Hoa mộng; Thu với ta (Vi-Long) — Sẽ có nhau (Nhân cù Phan-văn-Trí) — Kể sát nhân (Bửu-Kế) Một chiều; Nguyễn-vân - Thành (Trương - Giang) — Nam - đồng thư - xã (Thiện - sinh) Đêm buồn (Hàn-tổ-Mai) — Trúng số (Võ-văn-Trỷ) — Bền chiến tuyến (Thanh-Lam) Hoài niệm ; Bài ca ly - xứ (Trang - Duyên) — Người Thượng về tỉnh Hoàng - Nam) — Vui lên; nhớ mẹ (Hoàng Hải) — Sông đêm trăng (Nguyễn-hữu - Tri) — Chiều buồn; những ngày tháng cũ (Trần-Hà-Trung) — Để làm tròn nhiệm-vụ một phê-bình-gia về điện ảnh ở đây; Một bài thơ ít người biết đến của cụ Thủ-Khoa - Huân (Thái-Bạch) — Lòng mưa; Buồn Khuya; Buồn Nha-Trang (Nguyễn-văn-Hiền) — Tinh quê; Cứu được (Vũ - quỳnh - Bang) — Ngọc - Hân Công - chúa và Nguyễn - Du (Đoàn Quan-Cảnh) — Đêm hát Lạc-Thành (Xuân-Tùng) = Lễ sống nhân bản thanh - cao trong cổ văn Việt - Nam; Chiến-thắng trong Chính-phụ-ngâm khúc và Đoạn - trường tân - thanh với ý tưởng dòng nước chia-ly (Tô-nguyệt-Điền).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường - hợp đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

Trung sĩ Vũ-Đình-Gia, KBC 4734 — Có được thư ông, cảm ơn ông đã góp ý.

Cùng các bạn có thư hỏi thăm « Vườn thơ » — Chúng tôi vẫn tiếp tục tiến hành. Và xin nhắc lại các bạn : độ ba năm nữa, « Vườn thơ » mới có thể ra mắt các bạn. Xin các bạn biết cho : « Nợ thơ » là thứ nợ đâu thể trả mau, nhưng đã mắc, thì thế nào cũng phải trả.

- Em P.T.T. học-sinh ban Tú-tài, (Sài-Gòn). Việc em tìm mua báo « Mai » quả là một giai-thoại ! Còn điều em không thấy vui vi mấy chữ và mấy con số đó, lo em quên mất cảnh « Gặp thời thế thế thời phải thế ». Về cuộc thi « Tú-tài », không có gì... gay cấn, nên không có cuộc phỏng-vấn như em mong muốn. Cho biết ý kiến giới học-sinh về « Mai ». Em quên cho biết tên thật, địa-chỉ, quên cả... ký tên !

NGUYỄN-NGU-Í

- Em Mai-Sau (Phú-Quốc). Có được thư, thơ và truyện của em. Thơ có đôi bài « dễ thương », còn thì chưa có đặc tánh ; ảnh hưởng vài nhà thơ nổi danh thời tiền chiến thấy rõ rệt quá. Truyện được cái lời trôi chảy, nhưng tâm lí hơi hợt và tinh tiết gò ép ; người đọc còn thấy « cái tự phụ » của người viết trong hành-vi và lý luận của vài nhân-vật chánh. Khuyến em lo học cho thành tài, vui với bao bồn-phận hằng ngày, còn « nghiệp thơ, văn », hãy để... mai sau.

T.H.H.

Anh Nguyễn-Phúc (Huế).— Có được thư tay của anh. Tiếc gặp lúc không giúp được anh bạn cùng xóm ấy. Vẫn chờ địa chỉ mới cùng « Nổi loạn » của anh. Bạn rộn quá nên không nhớ như anh. Cho biết ý kiến anh chị em ở Huế đối với « Mai ».

Em Lê-Nguyên-Hồng (Long-Thành).— Đã được thư và quà văn chương em gửi, nhưng em quên cho địa chỉ, thành chẳng có thư riêng. Em còn trẻ, và có linh thần cần học, thì lo gì chẳng thành người hữu dụng, sách « Học Pháp văn bằng đài phát thanh » em cần đó, thầy chỉ còn 1

quyển để làm kỷ niệm. Em nhớ cô động cho « Mai ».

Em Nguyễn-Văn-Khá (Đà-Lạt).— Được thư em và thư em gửi cho người bạn cũ. Em cho biết rõ sách em cần thuộc bạn nào. Rất cần. Cho biết luôn ý kiến anh chị em học sinh và giáo chức đối với tờ « Mai ». Em đã thăm cô giáo dạy nhạc ở C.T chưa ? Sẽ gửi bảo đảm sách và tài liệu thơ cho em khi được thư sau của em.

Bạn N.Đ.CH (Chợ-Lớn).— Có thư riêng gửi ở tòa soạn, xin tới lấy.

GIỚI-THIỆU SÁCH MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

- « **Đại số học** » (Đệ nhất) của ông **Đặng-Văn-Nhân** do nhà **Thế-Sự** xuất bản. Sách soạn theo chương trình mới, dày 200 trang do nhà sách **Yên-Sơn** gửi tặng. Giá : 40\$.
- « **Phương pháp làm Thème** » của giáo-sư **Trần - Thừa - Du**, Sách « **Thí Trung học Đệ-Nhất-Cấp** » và « **Tủ-tài** » (sinh ngữ II), trình bày đẹp, do nhà sách **Yên-Sơn** xuất bản và gửi tặng. Sách dày 94 trang. Giá 26\$.
- « **Vạn vật học** », (Đệ tứ) của ô. **Hoàng-Kim-Tháp** và **Lê-Văn-Chiêu**, giáo sư trường **Trương-Vĩnh-Ký**, **Sài-gòn**, do nhà sách **Yên-Sơn** xuất bản và gửi tặng. Sách trình bày đẹp, dày 137 trang. Giá : 35\$00

- « **Phương-Đình dư địa-chí** » của ông **Nguyễn-Siêu** (bản dịch của **Ô. Ngô-Mạnh-Nghinh**) do nhà **Tự-Do** xuất bản. Tác-giả và **Cơ sở Báo-Chí xuất bản Tự-Do** gửi tặng. Sách dày 280 trang. Bản đặc-biệt, không ghi giá.
- « **Ác Mộng** » tiểu-thuyết của ông **Ngô - Xuân - Phụng**, do nhà **Tự-Do** xuất-bản. Tác-giả và « **Cơ Sở Báo Chí xuất-bản** » gửi tặng. Sách dày 121 trang. Bản đặc biệt không ghi giá.
- « **Việt-Sử toàn thư** » của ông **Phạm-Văn-Sơn**, do **Thư-Lâm Ấn - Quán** xuất bản. Sách soạn từ thời **Thượng Cổ** đến hiện đại, do tác giả gửi tặng. Sách dày 738 trang. Giá : 150\$00.

— *Vọng Cổ nhân*, thơ của *Vân-Thiên*,
Tô-Dương-Tử, 116 trang, 30 bài
thơ, in mỹ-thuật, giá bán 50\$

Chúng tôi xin trân trọng cảm tạ
các tác-giả, nhà xuất bản và ân
cần giới thiệu cùng độc-giả B.K.



BÁO MỚI

Bách-Khoa vừa nhận được :

— « *Trách-Nhiệm* » số 1, ra ngày 15-8-60,
do Linh-mục *Thanh-Lãng* làm chủ
nhiệm. *Trách-Nhiệm* là tờ tuần báo
tin-tức, hình ảnh và bình-luận
thành phần bộ biên tập gồm có :
ông *Thanh-Lãng* : chủ-nhiệm, ông
Phạm-Việt-Tuyên : giám-đốc, ông
Lê-Thành-Trị : chủ biên. Báo dày 32
trang — Giá : 5\$00.

Xin chúc bạn đồng nghiệp mạnh
tiến trên đường ngôn luận.

THƠ MỚI :

VỌNG CỔ NHÂN

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẬP NƠI

THƯ PHẨM VỌNG CỔ NHÂN
của *Vân-Thiên Tô-Dương-Tử*,
còn lại một số rất ít bán riêng
tại nơi tác-giả

72/12 *Nguyễn-Đình-Chiều*
— TÂN-ĐỊNH —

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN



6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gửi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ.T. 25.539

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA

hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

CÔNG - TY

ĐƯỜNG VIỆT-NAM

SẢN XUẤT VÀ BÁN

1— CÁC LOẠI ĐƯỜNG :

- Đường miếng lọc
- Đường cát trắng ngà
- Đường cát trắng tinh
- Đường cát trắng Hiệp-Hòa

2— CÁC LOẠI RƯỢU :

- Rượu đốt 90°
- Rượu thơm 90°
- Rượu Hiệp-Hòa

TỐT RẺ

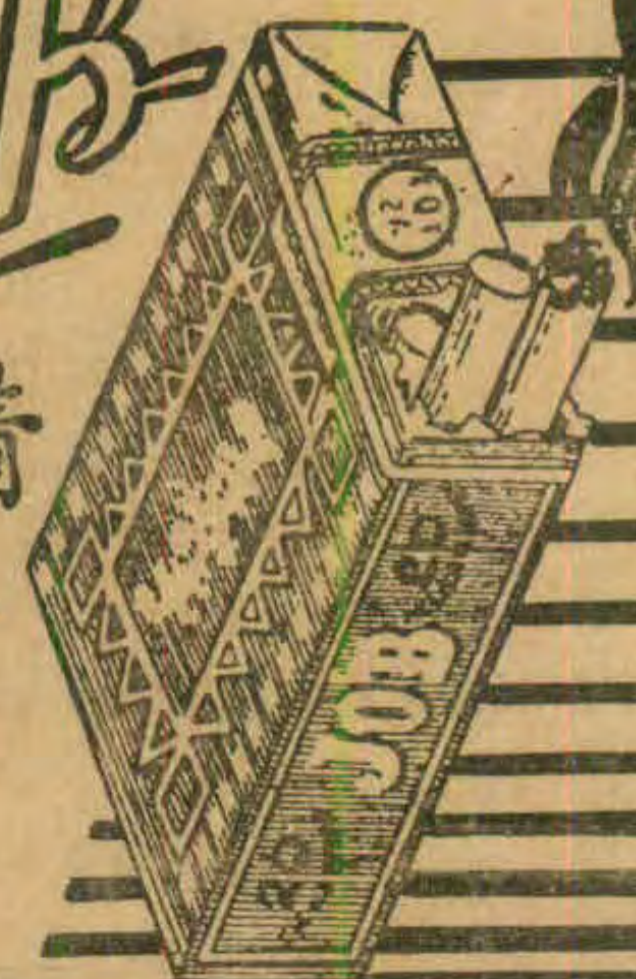
Xin hỏi mua tại :

- Các tiệm tạp-hóa
- Văn-phòng **CÔNG-TY ĐƯỜNG VIỆT-NAM**
193 và 203 Trần-hung-Đạo — Sài-gòn
Đ.T. số 24.454
- Kho 6 Bến Vân-Đồn (Đ.T. số : 21.360)

NÊN HÚT THUỐC LÁ

JOB

請吸
金字烟



Cigarettes **JOB** Sunfines

COFAT

CHOLON

**BANQUE COMMERCIALE ET
INDUSTRIELLE DU VIETNAM**

**VIỆT-NAM CÔNG THƯƠNG
NGÂN-HÀNG**

Số vốn : 50.000.000\$ V. N.

TỔNG CUỘC SAIGON :

*gốc Đại-lộ Hàm-Nghi (93-95)
và đường De Lattre de Tassigny*

Điện thoại : 21.558-21.559

Địa chỉ điện tín : Viêtcombank

CHI NHÁNH DANANG (Tourane)

Địa chỉ : 59 đường Độc-Lập

Đảm nhiệm tất cả công việc Ngân hàng

Có Đại diện khắp hoàn cầu.

Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIẾNG ĂN
GẦY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc
NGUYỄN-CAO-THĂNG, Dược-Su
34 Đạt-lộ Nguyễn-Huệ—Salgon

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87. Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158. Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300\$ đồng trở lên.

BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP

Hiện nay Bách - khoa đóng thành tập
cuốn thứ VI (từ số 61 đến số 72) đã
có bán tại các hiệu sách và tại tòa báo
160 Phan - Đình - Phùng Saigon.

Giá mỗi tập 110 đ. (loại tốt)

Ở xa xin gửi cước phí bảo đảm
mỗi tập 15 đ.



BÁCH-KHOA ĐÓNG TẬP



Một tặng phẩm giá trị và trang nhã

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

SAIGON

135, *Đai-lô* NGUYỄN - HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 2.902 — (3 lignes)
22.797 — B.P. E 5

PHNOM - PENH

26, *Moha Vithei Preah Bat Norodom*
(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 543
B. P. 122

Succursale de Hongkong

8/8 *A Queen's Road Central*

Tel. 21.000 et 23.000

P. O. Box no 763

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoire d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc.).

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN



6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gửi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ.T. 25.539

Nhà In : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA

hộp thư số 339 Saigon

Ưu phiếu xin đề tên : **Ô. Huỳnh-Văn-Lang**

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

SẮP CHIẾU TẠI CÁC RẠP LỚN SAIGON :

BABETTE S'EN VA-T-EN GUERRE

(MÁ ĐÀO RA TRẬN)

với **Brigitte Bardot — Jacques Charrier**

Đạo-diễn : JAQUE



ONCE MORE, WITH FEELING

(YÊU NHAU LẮM, CẢN NHAU ĐAU)

(CHÉRIE, RECOMMENÇONS)

với **Yul Brynner — Kay Kendall**

Đạo-diễn : STANLEY DONEN

HÃNG PHIM **COLUMBIA**

23, Gia - Long — Saigon

Đ. T. 24.710

CALTEX (ASIA) LIMITE

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÍNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam-Vang Chi Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

CALTEX (ASIA) LIMITE

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H. D.

Hút thuốc thơm

Mã nhất tâm



Sảng tinh thần

Sản -

- Nghé -

- Sĩ

GIÁ HẠ

15\$





LA-VIE

“33”

HẢO HẠNG

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Sọn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sàigòn
Điện số : 25.539

in tại nhà in VAN-HÓA
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$

nhà sách PHÚC-THẠCH
Số 100, Lê Lợi, Sàigòn